



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **42**

(2801)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 19 - 10 - 2013



Linh xa chở Linh cữu vị Đại tướng của nhân dân đi giữa hai hàng quân dân ngang qua Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh để Ông được chào Bác lần cuối.

Ảnh: NA SON

TÔI YÊU HƠN DÂN TỘC MÌNH TỪ LỄ TANG ĐẠI TƯỚNG

NGUYỄN QUANG VINH

TÔI cũng như hàng chục vạn người dân Quảng Bình, có may mắn được đi theo đoàn xe chở Linh cữu Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới nơi an nghỉ cuối cùng tại Vũng Chùa - Đảo Yến.

Một đám tang vĩ đại lâu lắm rồi mới thấy và khó để có cơ hội gặp lại một lần nữa.

Cũng như tại Hà Nội, hàng triệu người đã đứng kín hai bên các phố từ trung tâm thành phố đến sân bay Nội Bài để đưa Người về an nghỉ ngàn thu tại Quê hương; nước mắt người dân Quảng Bình cũng trào ra trên mọi ngả đường tiễn đưa Đại tướng. Trong giờ phút thiêng liêng của Lễ an táng tại Vũng Chùa, cũng như trong cả chục ngày đêm dòng người bất tận tới nhà riêng của Người ở 30 Hoàng Diệu trước đó, nhân dân khóc, nhân dân cầm tay nhau lặng lẽ, đau đớn, xót xa. Và từ khắp mọi miền quê, cùng với những giọt nước mắt và lòng tiếc thương vô hạn, hàng ngàn người, đủ các lứa tuổi, thành phần, đi đủ loại phương tiện để về Quảng Bình tri ân Người trong ngày giã biệt. Có thể nói thời khắc Đại tướng về cõi vĩnh hằng đã trở thành tiêu điểm của lòng người, cả Việt Nam và thế giới. Quả thật, từ lúc Đại tướng trút hơi thở cuối cùng đến khi về nằm trong lòng đất mẹ Quảng Bình là những ngày khắp nơi nơi đâu đâu

cũng thấy lòng thương tiếc dâng trào. Ánh mắt của nhiều người già quê tôi đã trở nên sẫm lại khi nghe tin Đại tướng qua đời. Họ không rời mắt khỏi màn hình ti vi theo dõi tất cả những gì liên quan đến vị tướng tài ba và nhân hậu của đất nước, của quê hương. Và rồi cho tới hôm nay, mặc dù những người đàn ông quê tôi vẫn được coi là những người cứng rắn, ít khi bày tỏ cảm xúc của mình, thế mà trong buổi tiễn đưa Đại tướng về nơi an nghỉ cuối cùng, đã không ít người rơi lệ....

*Cả ngàn vạn bàn chân chậm chậm bước đi
Trái tim hướng về nơi Người nằm xuống
Nước mắt rơi vì nỗi đau có thật*

Và còn một địa chỉ nữa, nhà Lưu niệm của Đại tướng tại thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Từ khi nghe tin Đại tướng qua đời cho tới tận hôm nay, hàng vạn, hàng chục vạn người từ khắp mọi miền đất nước đã tới thăm. Có những người là cựu chiến binh ở tỉnh phía Bắc, tới nhà của Đại tướng, tự coi mình như con cháu trong nhà, dọn dẹp, nấu nướng, tiếp khách. Lạ sao, khu vườn của Đại tướng qua bao số 10 chỉ ảnh hưởng rất ít, trong khi quanh vùng thiệt hại rất nặng.

Dường như bão cũng tránh đi để cho hàng vạn con dân đất Việt khi tới thăm nhà lưu niệm của Người vẫn được nhìn thấy chòm khế, quả na, bông hoa mới nở, như một điều màu nhiệm của sự sinh thành....

Đám tang Đại tướng trở nên một sự kiện vĩ đại chính nhờ vào tình cảm, trái tim của nhân dân. Nhân dân đã chọn đúng điều mình ngưỡng mộ, mình trân trọng. Nhân dân là thế, không bao giờ nhắm khi tôn vinh các vị Thánh của mình. Ngày ông ra đi, một ngày đại tang của đất nước, hàng triệu người cùng hướng về một anh linh, những tấm lòng thành kính biểu hiện trong sự trang trọng, trang phục gọn gàng đúng nghi thức, trong những ánh mắt ngưỡng mộ, trong những giọt nước mắt tiếc thương... Tôi chợt nhận ra rằng, thường ngày con người ta có thể chạy theo những xô bồ của cuộc sống, thậm chí ghen ăn tức ở lẫn nhau, nhưng trước một biến cố lớn như thế này thì mọi người lại tìm về bên nhau, đúng nghĩa của hai chữ **Đồng bào**, đứng kề vai nhau, chung niềm suy nghĩ, chung nỗi tiếc thương... Con người vĩ đại ấy nằm xuống đã thức tỉnh những u mê. Người đã cho ta biết phải sống sao cho đúng chữ Người.

(Xem tiếp trang 2)

SUY NGẪM TỪ LỄ QUỐC TANG ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

HÀO KHÍ LÒNG DÂN

VÕ KHẮC NGHIỆM

Đã từ lâu các nhà quân sự, các học giả thế giới đã thừa nhận Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong 20 vị tướng huyền thoại có tầm ảnh hưởng to lớn của thế kỷ 20. Đã có hàng trăm công trình nghiên cứu, hàng chục cuốn sách, hàng ngàn bài báo ca ngợi, giải mã những chiến công phi thường của Đại tướng, của dân tộc Việt Nam. Vậy mà hôm nay dường như chính họ và các hãng thông tấn lớn cũng phải "choáng ngợp" trước tình cảm sâu nặng, đầm thắm, cuồng nhiệt đến ạt của toàn dân Việt Nam dành cho ông, tự hào về ông. Phải chăng trước vong linh Tướng Giáp, mọi người Việt dù ở đâu, đang làm gì cũng muốn chiêm nghiệm lại bản thân mình, gia đình mình, tự xem xét có điều gì sai trái, hèn kém đáng xấu hổ không?...

Kho tàng văn chương có bao nhiêu mỹ từ tốt đẹp nhất đều xuất hiện trên mặt báo, chỉ chít trên hàng ngàn cuốn sổ tang của gia đình, của Nhà nước và khắp mọi đơn vị quân đội, tỉnh thành và các sứ quán Việt Nam ở nước ngoài. Với lễ tang Tướng Giáp, có lẽ ngôn từ đã trở nên sáo rỗng và bất lực. Đến nỗi hàng chục bộ phim tài liệu rất công phu, phát đi phát lại mãi cũng chưa làm thỏa mãn công chúng. Dù sức tưởng tượng của nhà văn có phong phú đến mức nào cũng không ai có thể hình dung nổi lễ tang của Đại tướng lại "chấn động" mãnh liệt lòng dân nước Việt đến thế này. Hàng triệu người trật tự đứng sát bên nhau, lặng lẽ khóc, lặng lẽ nhường nhau chỗ đứng, chỗ ngồi, chia nhau chai nước, miếng bánh, chiếc ô che nắng che mưa, kiên trì thức thâu đêm chờ đợi để được vái lạy trước bàn thờ, trước quan tài hay đi ảnh của Đại tướng. Kẻ vô tâm nhất cũng phải gai người trước cảnh tượng đầy xúc động. Đường phố đông nghịt mà yên bình đến lạ, dường như không có tai nạn giao thông, không có trộm cắp, thậm chí là cả một tiếng nói to...

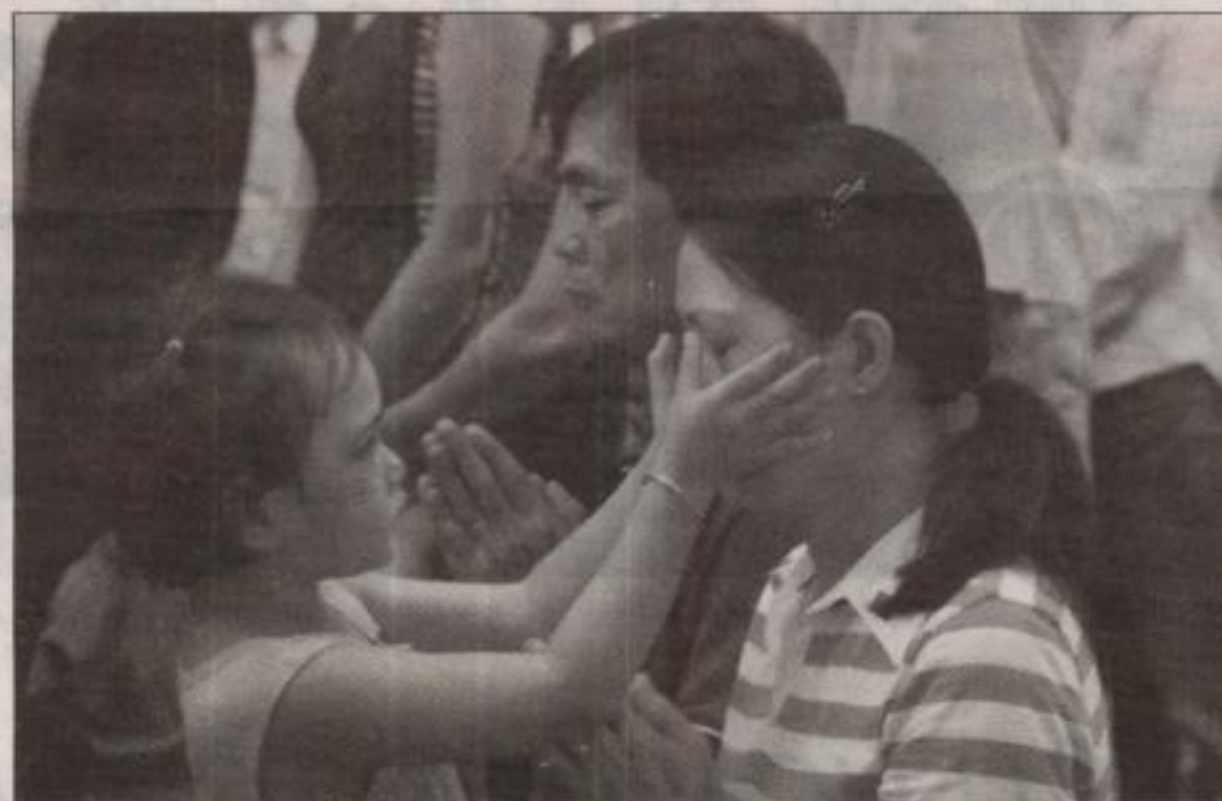
Đài BBC của nước Anh cũng trở nên "hiền lành" khác thường trong cách đưa tin, dùng từ. Họ liên tục cập nhật tin tức, hình ảnh về lễ tang Đại tướng và còn tổ chức tọa đàm với các nhà báo người Việt từng nổi tiếng trên các diễn đàn trước đây. Tất cả đều tỏ ra công bằng trong các nhận định, đánh giá về uy tín to lớn của Tướng Giáp và tỏ ra kinh ngạc trước sức ngưỡng mộ tột đỉnh của toàn dân Việt Nam, cũng gần như lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây 40 năm.

Các tờ báo lớn của Mỹ, Pháp, Đức, Nhật, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Cu ba... đều có những bài viết công phu, giải mã sự kiện Lễ tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nhà văn Hlsao Suzuki, người đã

Suốt cả chục ngày qua, hàng chục triệu người Việt Nam khắp mọi miền đất nước vô cùng thương tiếc, thành kính thấp nén tâm nhang, bái lạy vong linh Đại tướng huyền thoại Võ Nguyên Giáp, nghẹn ngào tiễn đưa ông về yên nghỉ trong lòng đất mẹ Quảng Bình. Ẩn chứa trong những dòng nước mắt nóng ấm ấy là niềm tự hào to lớn của cả dân tộc Việt Nam hôm nay đang noi gương Võ Đại Tướng để sống cao đẹp hơn, nhân ái hơn, đem khí phách Điện Biên, khí phách thần tốc, táo bạo, thông minh vào công cuộc hiện đại hóa đất nước, hội nhập toàn cầu.



Thật khó mà kim lòng được trước giây phút thiêng liêng ấy, đội thanh niên tình nguyện đang làm nhiệm vụ hàng rào đã quỳ gối và đặt tay lên trái tim để bày tỏ sự xúc động và lòng thành kính của mình khi linh cữu Đại tướng đi qua



Bé Đỗ Thuý Dương (4 tuổi) lau nước mắt cho mẹ khi chị không kim được cảm xúc, để nước mắt tuôn trào khi quỳ trước bàn thờ Đại tướng ở Hội trường Thống Nhất TP. Hồ Chí Minh

dịch nhiều tác phẩm thơ văn Việt Nam sang tiếng Nhật, nói rằng: "Ở Nhật Bản những ai yêu mến Việt Nam cũng ngưỡng mộ tướng Võ Nguyên Giáp, không chỉ bởi ông là danh tướng số một của thế kỷ 20, mà còn vì ông luôn nhân

ái, giản dị thanh bạch, thân mật như người cha đáng kính. Ai làm việc với ông cũng cảm thấy thoải mái, phấn khởi, dễ chịu...". Còn đạo diễn Konaka Yotaro thì mạnh dạn khẳng định: "Đại tướng Võ Nguyên Giáp là danh tướng kiệt xuất văn

võ song toàn chỉ có một, không ai có thể so sánh được - kể cả Napoleon hay Washinton. Ông là thầy giáo dạy văn học sử, không qua bất cứ trường võ bị nào, xây dựng lực lượng vũ trang từ hai bàn tay trắng ở một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu mà đánh bại cả bao nhiêu tướng lĩnh dày dạn kinh nghiệm của hai cường quốc giàu mạnh... Ông có cốt cách của một văn nhân, có cuộc sống thanh tịnh khiêm tốn đầy nhân ái bao dung, có cặp mắt và nụ cười hiền hậu chân thành với mọi người - kể cả khi gặp gỡ đối phương...".

Những nhận định này rất khách quan và chính xác, cần được nghiêm túc nghiên cứu, mở rộng thêm. Qua đây chúng ta trước hết phải nói đến quyết định sáng suốt của Bác Hồ khi cử một anh giáo trung học lãnh đạo quân đội, rồi phong luôn quân hàm Đại tướng, giao nhiệm vụ Tổng tư lệnh, được toàn quyền quyết định trên mọi chiến trường. Phải chăng bởi Bác cũng là người am hiểu triết học phương Đông, trong đó, đặc sắc nhất là thuật dùng người qua nhân tướng học. Nhưng có điều chắc chắn rằng Người đã tin vào trình độ và cốt cách văn nhân của người học trò thân yêu luôn biết lo lắng cho mọi người, ứng xử thông minh lại chịu khó học hỏi, kể cả tiếng Tây - Nùng. Chính nhờ cái gốc văn chương phong phú và bản chất khiêm tốn, biết lắng nghe, ham học hỏi mà Võ Đại tướng đã chất lọc được tinh hoa của binh pháp dân tộc, tinh hoa của binh pháp thế giới để tìm ra binh pháp của riêng mình, coi trọng thực tiễn từng chiến dịch, từng trận đánh để ra những mệnh lệnh đầy thông minh, quyết đoán, ngắn gọn, rõ ràng. Từ "đánh nhanh - thắng nhanh" chuyển sang "đánh chậm, thắng chắc" ở Điện Biên Phủ 1954 (mà theo Tướng Giáp thì đây là quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời); Từ "chọn đúng B52 mà bắn" trong Hà Nội 12 ngày đêm cuối năm 1972 đến "thần tốc, thần tốc hơn nữa - Táo bạo, táo bạo hơn nữa!" trong Đại thắng mùa xuân 1975. Quả thật từ phòng thủ, bị động, Võ Đại tướng đã tài tình buộc đối phương phải lung túng và bị cuốn hút vào "trận đồ bát quái" khó tìm được lối ra. (Nói theo thuật ngữ bóng đá là đọc được trận đấu, áp đặt được lối chơi). Người Mỹ tung gần nửa triệu quân, đổ cả ngàn tỉ đôla vào Việt Nam với những con át chủ bài bằng vũ khí siêu việt nhất, mạnh mẽ tuyên bố: "Đưa Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá". Nào ngờ Tướng Giáp đã buộc lính Mỹ phải "án chảo bằng đũa", phải cuốn cờ về nước với những dư chấn nặng nề bao trùm nước Mỹ trong nhiều năm sau đó. Cựu ngoại trưởng Hoa Kỳ Kissinger cũng phải thừa nhận: "Nếu chỉ dừng cầm thôi thì quân đội Mỹ cũng có thừa dũng cảm như bộ đội của Tướng Giáp, nhưng các ông rất thông minh, tài giỏi lại có lòng yêu nước nồng nàn...". Việc để cho "người Mỹ rút quân trong danh dự", không đánh đến cùng cũng là cách hành xử mang tính thượng võ, nhân văn - một bản sắc quý báu của dân tộc Việt Nam từ xa xưa.

Vẫn biết mọi sự so sánh đều khập khiễng và không cần thiết đối với những con người vĩ đại, nhưng vì nhà đạo diễn Nhật Bản vừa nhắc đến Napoleon, nên xin có đôi lời về thiên tài quân sự lỗi lạc của nước Pháp từng chiếm đóng nhiều quốc gia, nhưng đã bại trận thảm hại ở Nga năm 1812, và tiếp đó lại thua nhục nhã ở Leipzig tháng 10 năm 1813 với 30.000 lính thương vong, 50.000 lính và tướng lĩnh bị bắt sống, buộc Napoleon

TÔI YÊU HƠN DÂN TỘC MÌNH...

(Tiếp theo trang 1)

Và từ đám tang vĩ đại của Đại tướng, trong hàng triệu ánh mắt của nhân dân, bật lên một khát vọng, một đòi hỏi, một nguyện ước, đất Việt yêu dấu hãy có thêm nhiều nữa những nhà lãnh đạo vì nước, vì dân, những con người mang được phẩm chất như Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp... Nhân dân còn tin yêu thì nhân dân mới khát vọng và đòi hỏi, nhân dân còn bao dung, còn hy vọng thì nhân dân mới tranh đấu với cái xấu, cái ác... Phía sau đám tang Đại tướng là tình đoàn kết của cả triệu trái tim, là khát khao của triệu triệu người dân nước Việt về một sự đổi mới và hùng cường. Sự

ra đi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã kéo cả dân tộc bên nhau tạo nên một sức mạnh Việt Nam. Và sẽ không có một thế lực đen tối nào có thể làm khuất phục nếu đã có một nguồn ánh sáng vĩ đại khiến lòng dân hướng về.

Dân tộc này mất đi một người con ưu tú nhưng đã gieo mầm cho những sự sống tốt đẹp tiếp tục tiến lên phía trước. Người mất đi nhưng tên tuổi người trường tồn mãi mãi vì những công lao vĩ đại đã hóa thành bất tử cùng đất nước, quê hương.

Tôi yêu hơn dân tộc mình từ lễ tang Đại tướng là vì vậy...
N.Q.V

phải thoái vị và bị lưu đày. Người Đức đang kỷ niệm 200 năm chiến thắng Leipzig đúng vào dịp lễ tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp - một sự trùng hợp thú vị. Đại tướng của nhân dân Việt Nam không chỉ giỏi đánh du kích mà còn đánh trận địa chiến rất tài. Ông từng bị gán có quan điểm vũ khí luận. Suốt 30 làm Tổng tư lệnh, ông luôn chiến thắng và cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, ông lại có thêm thắng lợi vang dội trong lòng dân - cũng có thể coi là "chấn động địa cầu".

Nhiều nhà sử học nói rằng: Thời đại sản sinh ra Tướng Giáp và chính ông góp phần làm thay đổi thời đại. Trận Điện Biên Phủ có ý nghĩa quan trọng khai tử chủ nghĩa thực dân cũ, mở đầu thời kỳ giải phóng dân tộc ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ. Đại thắng mùa xuân 1975 cũng là đòn đánh nặng nề khai tử chủ nghĩa thực dân mới, mở đầu cho sự trôi chảy của các nước nghèo, không liên kết, tạo thế đứng mới cho khối ASEAN phát triển nhanh. Đúng là thời đại Hồ Chí Minh đã sản sinh ra thế hệ lãnh đạo xuất sắc. Nhưng Đại tướng luôn khiêm tốn nói rằng: *mọi chiến thắng đều là của nhân dân, tôi chỉ là người lính, như giọt nước trong đại dương nhân dân bao la...* Nhưng không ai có thể phủ nhận tài năng bẩm sinh với những tố chất đặc biệt trong con người ông - Có lẽ lịch sử hào hùng của dân tộc, khí thiêng của non sông đất Việt đã tích tụ vào ông như đã từng tích tụ vào nhiều anh hùng dân tộc suốt mấy ngàn năm qua mỗi khi đất nước lâm nguy.

Nhà sử học nổi tiếng của nước Pháp, Alan Rutcio, người luôn coi Võ Đại Tướng như người ông thân thiết, tin cậy của mình, nhấn mạnh: *"... Đại tướng là BIỂU TƯỢNG của phong trào giải phóng dân tộc toàn thế giới. Kiến thức của ông thật đồ sộ. Kinh nghiệm chiến tranh của ông vô cùng phong phú và kỳ lạ. Cả thế giới ngưỡng mộ ông, cả dân tộc yêu quý ông. Không khỏi ngạc nhiên khi có người vẫn đố kỵ, ghen ghét ông. Rất ít thôi, và họ cũng nhanh chóng bị lịch sử đào thải, nhanh chóng bị dân chúng lãng quên, thậm chí căm ghét..."*

Cuộc đời của Tướng Giáp có những khoảng lặng cũng rất kỳ lạ. Số phận đã sắp đặt cho ông những công việc không phù hợp, nhưng ông vẫn nhân nhin vì sự ổn định và phát triển của đất nước, vui vẻ hoàn thành nhiệm vụ. Dấu ấn của ông cũng khá rõ ràng trong lĩnh vực khoa học



Một sinh viên tình nguyện công một cựu chiến binh trên đường đến viếng Đại tướng trong sự triu mến của những người xung quanh

kỹ thuật khi ông phụ trách công việc "Đưa tinh thần Điện Biên, thần tốc, táo bạo vào đời sống công nghệ, xóa đói giảm nghèo...". Chính trong "khoảng lặng" này ông lại được phân công nghiên cứu một chủ đề lớn sau này trở thành xương cốt cho mọi sinh hoạt chính trị của Đảng và nhân dân ta trong thời đại Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó là "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh". Và số phận cũng thật kỳ lạ, những khoảng lặng cuộc đời lại giúp ông tránh xa *những sai lầm của lịch sử*, tạo thêm sự hoàn mỹ cho nhân cách và công trạng của ông. Chẳng cần công khai những nỗi buồn, những trăn trở khiến ông mất ngủ, dường như đồng dao công chúng, đã nghe được những tiếng thở dài của ông đêm đêm khi mà dân còn nghèo khổ mà tham nhũng, lãng phí triển miên, khi mà sự công bằng bị lạm dụng, sự cố chấp bảo thủ che đậy cho sự suy đồi đạo đức. Ông từng nhắc nhở thế hệ trẻ phải ra sức học cho giỏi, giữ gìn phẩm chất đạo đức, tôn trọng luật pháp - kể cả luật pháp nước bạn vì danh dự gia đình, dòng họ, đất nước. Khi người ta coi thường luật pháp, đứng cao hơn luật pháp là chà đạp luật pháp thì làm gì còn luật pháp mà đòi hỏi sự công bằng và dân chủ!... Đại tướng đã có nhiều ý kiến phản biện một số vấn đề quan trọng

khiến ông bức rứt, lo lắng cho mai sau... Nỗi lòng của ông những năm tháng cuối đời là để tài hấp dẫn mà chắc chắn sẽ được các nhà văn, các nhà biên kịch hình tượng hóa trong tiểu thuyết, trên sân khấu và điện ảnh trong một ngày gần đây. Ông là vị tướng mê văn chương, âm nhạc, nhiếp ảnh, hội họa, điêu khắc... Ông từng cho phổ biến toàn quân ca khúc *Hò kéo pháo* và chỉ thị cho nhạc sĩ Hoàng Vân đi học ở nước ngoài (Lúc đó Hoàng Vân còn là lính). Nhờ có ông nhận diện ra tài năng trong thơ Quang Dũng, Hữu Loan mà họ thoát cái gông tiểu tư sản. Ông luôn coi mở thân thiện với văn nghệ sỹ và coi các nhà báo, nhà giáo là bạn đồng nghiệp vì ông đã từng là nhà báo, nhà giáo. Chính ông là nhà báo đầu tiên xuống vùng mỏ viết bài khi nổ ra cuộc tổng đình công của hơn 2 vạn thợ mỏ tháng 11 năm 1936 gây tiếng vang lớn trong cả nước. Ông đánh đàn piano khá hay và thường vừa gõ đàn vừa hát hoặc ngâm thơ. Cốt cách văn nhân của ông từ nhỏ gắn liền với tên VĂN bình dị đã theo suốt cuộc đời ông với chữ ký trong mọi mệnh lệnh và mọi người đã quen gọi ông là ANH VĂN với chữ ANH được viết hoa - Người anh cả của quân đội vừa kính trọng vừa thân mật.

Nữ thi sĩ Pháp Madeleine Riffaud, con gái nuôi của Bác Hồ, coi Tướng Giáp như

anh trai mình, từng nói: *"... Những việc làm, những phát biểu của anh đang nổi lên các đại dương, giúp các dân tộc xích lại gần nhau. Tuy xa cách nhưng em vẫn cảm thấy như đang nghe lời anh động viên: - Làm việc đi táo bạo! táo bạo hơn nữa!..."*

Đúng là cả dân tộc đang xích lại gần nhau trong lễ tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trở thành một cuộc biểu dương lực lượng khổng lồ HẠO KHÍ LÒNG DÂN. Thái độ của nhân dân yêu - ghét thật rõ ràng. Chia sẻ những trăn trở của Đại tướng, ca ngợi công đức to lớn, cuộc sống bình dị, liêm khiết, trong sạch của Đại tướng, luôn lo lắng thương yêu nhân dân chính là cách thể hiện sâu sắc sự khinh bỉ, căm ghét những kẻ đang lợi dụng chức quyền bòn vét của dân, làm giàu bất chính. Cùng với nhân dân cả nước, hàng vạn học sinh, sinh viên, thế hệ trẻ được sinh ra và lớn lên trong hòa bình, cũng vô cùng cùng thương tiếc và xúc động trước sự ra đi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Trong những ngày Quốc tang, người ta bắt gặp vô số hình ảnh học sinh khắp mọi miền tổ quốc đã rơi lệ trước anh linh vị tướng, người thầy Võ Nguyên Giáp. Tinh cảm của thế hệ trẻ đối với ông cũng là hình ảnh thể hiện sự tiếp nối của hào khí và truyền thống của dân tộc... Chẳng hiểu các quan tham có nhận ra được "ngôn ngữ" của lòng dân không?...

Sau những dòng nước mắt đau thương của lòng dân, trận bão thứ 11 lại đổ ập vào miền trung, nhưng đất nước như từng bừng lên từ lễ quốc tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Không quá lạc quan nhưng vẫn có thể hy vọng vào những đổi thay thực sự đang đến rất gần, vì đó là mong mỏi của lòng dân mà từ lễ tang này đã tỏa ra hào khí. Hãy trân trọng lắng nghe tiếng sống vỗ trong lòng dân mà hành động cho đúng với đạo lý, phù hợp với xu thế của thời đại.

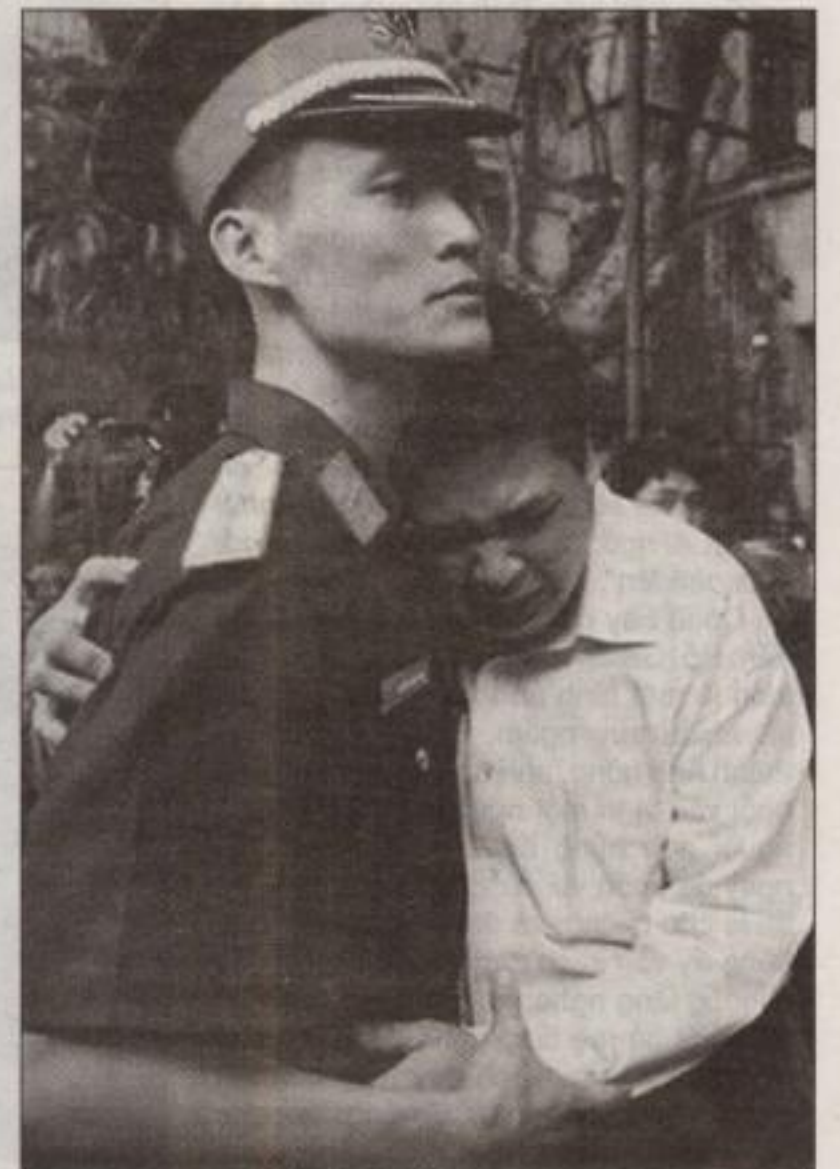
Rồi sẽ có những đại lộ, những công viên, những quảng trường... mang tên Võ Nguyên Giáp ở nhiều nơi trên đất nước ta, và có thể cả tên thế giới. Nhưng hơn mọi tượng đài đồ sộ, Võ Đại Tướng đã trở thành biểu tượng cho phẩm chất cao quý và sức mạnh phi thường của người Việt Nam thời hiện đại. Ông được tạc tượng trong trái tim của mọi người Việt Nam yêu nước, và luôn rực rỡ trong HẠO KHÍ LÒNG DÂN.■



Di ảnh có chữ ký của Đại tướng được học sinh của trường Tiểu học Hải Đình trân trọng mang theo vào viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại quê nhà



Hình ảnh nữ cảnh sát với đôi mắt ngấn lệ nghiêm trang đứng chào tiễn biệt Đại tướng khiến nhiều người không khỏi xúc động



Sự xúc động nghẹn ngào và nỗi đau chung của cả quân và dân - những người con của dân tộc Việt Nam

BÚT KÝ PHỎNG SỰ

HÃY PHONG ANH HÙNG LẦN THỨ BA CHO MỘT NGƯỜI CHĂN BÒ

NGUYỄN QUANG THIẾU

CỎ một buổi chiều, khi đi qua cánh đồng ngoại ô thì trời nổi mưa giông, tôi vội trú dưới một tán cây. Bất chợt lúc đó, tôi nghe thấy tiếng ai gọi: "Hổ Giáo ơi, Hổ Giáo!". Tôi nhìn ra cánh đồng đang mù mịt mưa gió và thấy những con bò chạy mưa. Chúng vừa chạy vừa rống lên da diết.

Sau những giây phút hoang mang, tôi nhận ra tiếng gọi "Hổ Giáo" dường như là những tiếng rống vang vọng trên những triền cỏ ngút ngát. Và tôi biết tiếng gọi đó sinh ra bởi sự ám ảnh từ trong tôi. Có một sự thật là đã từ lâu lắm rồi, hễ cứ nhìn thấy những con bò trên đường về quê tôi lại nghĩ đến Hổ Giáo.

Tôi gặp ông lần đầu tiên trong phần đọc của trích giảng văn học hồi còn ngồi ghế nhà trường. Đó là đoạn nhà văn Hồ Phương tả Hổ Giáo đi tìm con bò lạc trong đêm. Rồi sau này, tôi đã đọc nhiều trang sách viết về Hổ Giáo. Bây giờ ông đã 79 tuổi và đã hai lần được phong Anh hùng Lao động. Nhưng ông vẫn vậy. Vẫn như ngày đầu tiên đến với đời sống của những con bò.

Hổ Giáo quê ở Sơn Tịnh, Quảng Ngãi. Năm 1954, ông ra Bắc tập kết. Cũng như mọi người miền Nam ra Bắc tập kết ngày ấy, ông nghĩ sẽ trở lại quê hương mình sau hai năm. Nhưng hơn hai mươi năm sau ông mới được trở về. Nhà thơ, nhà báo Phạm Đường đã viết thật xúc động và ám ảnh ngày trở về của người anh hùng Hổ Giáo: "Vai ông nặng trĩu mấy mươi chiếc lốp xe đạp Sao Vàng, mòn què đã theo ông trên ngàn cây số để về tặng bà con. Sau này khi đã thấm thía với cảnh xếp hàng để mua gạo và củi, hình ảnh ấy lại hiện lên trong tôi với câu hỏi không bao giờ giải đáp nổi: Ông đã xếp hàng bao nhiêu năm để mua được ngần ấy chiếc lốp xe?".

Ông cười hiền lành khi nghe tôi nhắc lại chuyện cũ: "Ai mà xếp hàng cho nổi anh. Mỗi lần đi dự hội nghị người ta bán lốp xe cho đại biểu. Tôi tích góp như thế mà thành". "Bác quy đổi ra tiền để biếu cho bà con có gọn nhẹ hơn không?". "Ấy chết, anh đừng nói thế. Anh không sống vào thời điểm đó nên không hiểu hết cái chuyện quy đổi ấy đâu. Tôi là thằng cùng đinh áo rách, điên khùng chỉ để người ta gán cho cái tội tư thương. Vội lại hỏi đó người ta nói quê mình thằng Mỹ kim kẹp, đến cái xe đạp cũng hiếm nên tôi tin rằng lốp xe sẽ là món quà đáng giá nhất lúc ấy. Ai ngờ..." Ông bỏ lửng câu nói rồi cười phá lên.

Có lẽ bây giờ còn lại rất ít người nhớ đến Hổ Giáo. Nhưng với tôi, ông luôn luôn là một hình ảnh xúc động, ám ảnh và nhiều suy ngẫm. Lần thứ nhất trở thành Anh hùng, nhiều người nghĩ ông sẽ ngồi vào vị trí một người quản lý. Nhưng người anh hùng ấy vẫn dậy sớm mỗi ngày để buồn vui cùng những con bò và âu lo cho chúng; và đêm đêm người anh hùng ấy vẫn xách đèn đi dọc những dãy chuồng lắng nghe tiếng thở từng con bò như một bà mẹ lắng nghe tiếng thở của những đứa con. Cách đây mấy năm tôi gọi điện cho ông, năm đó ông đã bước vào tuổi 80 và chuyện phong Anh hùng lần thứ nhất của ông đã trở thành chuyện cũ như của trăm năm trước nhưng nó vẫn còn nguyên giá trị về một điều không ít lớn lao trong cuộc đời này. Và cho đến

lần thứ hai trở thành Anh hùng, người ta lại nghĩ ông sẽ làm một chức vụ nào đó. Nhưng ông vẫn không làm gì. Hình như ông không hề hay biết ông được phong tặng Anh hùng hai lần. Hình như ông không biết rằng ngoài những con bò và những đồng cỏ còn có những thứ khác đang càng ngày càng làm mê lú triệu triệu người. Nhưng chỉ có những con bò là có thể thay đổi ông. Bò vui thì ông vui, bò no thì ông no, bò ốm thì ông ốm...

Khi người ta hỏi ông là sau khi được phong Anh hùng thường người ta sẽ làm giám đốc, cơ sao ông lại không màng tới một chút gì. Ông đã nói như nổi giận: "Mỗi người làm một việc, hãy làm đúng khả năng của mình. Anh tưởng người ta không gọi ý tôi làm giám đốc chắc? Có đấy. Nhưng tôi chối từ vì nghĩ rằng mình chỉ biết mỗi việc nuôi bò. Đừng ham những gì mà khả năng mình không có, điều đó chỉ làm khổ mình thôi". Câu trả lời này của ông thực sự là một chân lý của cuộc sống. Ông không đọc triết học, ông không là tiến sĩ, ông không là nhà văn, nhà thơ... nhưng ông thấu hiểu lẽ đời này hơn quá nhiều những người với cái danh nói trên.

Ở nước ta trong thời đại này, có những nhà triết học không làm triết học, có những tiến sĩ không làm khoa học, và

có cả những nhà văn, nhà thơ không làm văn, làm thơ mà họ lại u mê trong những gì mà họ không có. Bởi cái mà xã hội cần ở nhà triết học là triết học, ở tiến sĩ là những công trình tầm cỡ tiến sĩ và ở nhà văn, nhà thơ là tác phẩm chứ không phải những cái khác. Ông là một ví dụ sống của một chân lý giản đơn mà quá ít người trong chúng ta nhận ra.

Một chiều mùa thu tôi gọi điện vào nhà riêng của ông. Tôi chỉ muốn nghe giọng nói của ông và hỏi ông một vài điều vu vơ nào đấy mà tôi cũng không biết là cái gì. Nhưng ông không có nhà. Ông đi làm chưa về. Tôi thực sự bất ngờ. Tôi nghĩ ông đã nghỉ hưu như muôn vàn người khác. Nhưng ông vẫn đi làm, vẫn không thể nào rời xa những con bò được. Tôi chỉ gặp vợ ông. Tôi hỏi bà tại sao vẫn cứ để ông đi làm khi tuổi đã rất cao. Bà cười và nói ông ấy yêu những con bò hơn cả con người. Sống với ông, những con bò thực sự được đối xử như những con người. Trong khi không ít nơi trên thế gian này, có nhiều con người chỉ được đối xử như những con bò. Ngày nào ông cũng cưỡi bộ hai lượt đi về mười mấy cây số từ nhà đến trại chăn nuôi trâu bò quê ông. Hầu hết các câu chuyện của ông với những người thân là câu chuyện về những con vật yêu

thương ấy. Ông đã sống cùng chúng, chăm sóc chúng, lo âu cho chúng gần cả cuộc đời ông. Tôi cứ có cảm giác nếu ông không có chúng thì ông đã rời bỏ thế gian này từ lâu rồi và nếu chúng không có ông, thì chúng đã trở thành những con vật điên khùng.

Anh hùng Hổ Giáo lấy vợ muộn. Vào tuổi 50 ông mới lấy vợ. Ông nói với đồng nghiệp khi còn ở miền Bắc là chỉ khi nào trở về cố hương ông mới lấy vợ. Và ông đã làm đúng như thế. Tôi hỏi bà Huỳnh Thị Thành là ông đã ngỏ lời yêu bà như thế nào. Bà cười và nói rằng ông gửi cho bà một bức thư vô cùng ngắn ngủi và khô như đất tháng Ba ở quê bà. Bà cũng không hiểu vì lý do gì mà bà yêu ông và nhận lời chung sống với ông cả đời. Nhưng chắc chắn bà yêu ông và lấy ông không phải vì ông là người đã hai lần là Anh hùng. Tiền phụ cấp cho người hai lần Anh hùng chỉ là 300.000 đồng một tháng. Lương hưu của ông là 1.500.000 đồng và thêm 700.000 đồng cho công việc làm thêm sau ngày về hưu. Ông làm thêm bởi ông không thể nào xa được những con bò chứ không phải là chuyện mưu sinh.

Nhà thơ, nhà báo Phạm Đường rất tự hào về quê hương Quảng Ngãi của anh có hai người rất nổi tiếng. Một người làm Thủ tướng và một người chăn bò. Đó là cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Anh hùng Hổ Giáo. Phạm Đường viết: "Sau khi rời cương vị đứng đầu Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng thường xuyên về thăm quê Quảng Ngãi của ông hơn. Mỗi lần về Quảng Ngãi, một trong những người mà ông không thể không ghé thăm là Anh hùng Hổ Giáo. Lúc thì Thủ tướng Phạm Văn Đồng lên trại trâu của ông Giáo tận trên Nghĩa Hành, khi thì ông cho người mời ông Giáo xuống chỗ ông nghỉ để hai người thăm hỏi, hàn huyên hàng giờ. Chỉ một lần gặp gỡ cách nay đã 45 năm mà hai con người ấy đã gần gũi nhau như những người ruột thịt. Năm 2000, đồng chí Phạm Văn Đồng từ trần. Trong ngày đại tang ấy tại Hà Nội, giữa một rừng mũ mao cán đai, người ta lại thấy một ông già, tóc húi cua, chân vẫn mang dép lốp, chen giữa đám đông để tiến về phía linh cữu người đã khuất và thắp một nén hương. Người đó là Hổ Giáo. Ông đã thủy chung với Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến những giây phút cuối cùng. Đó cũng là lần thứ ba trong đời, Hổ Giáo đã rơi nước mắt, sau hai cái chết của cha mẹ ông.

Hình ảnh trên của người anh hùng Hổ Giáo làm tôi vô cùng xúc động. Chỉ có rất ít người như ông mới làm được thế. Còn hầu hết mọi người không làm được. Tôi có lẽ cũng khó làm được thế. Chúng ta thường sợ hãi trước quyền thế mà lại không hề sợ hãi với những việc làm thiếu nhân cách của chính bản thân mình. Sau câu chuyện của Phạm Đường, tôi cứ nghĩ mãi về hai con người kỳ lạ ấy của đất Quảng Ngãi. Một nhân cách lớn được đặt vào hai con người với hai vị trí khác nhau. Một nhân cách lớn đặt trong con người của một vị Thủ tướng và một nhân cách lớn được đặt trong con người của một người chăn bò. Hiện thực đó cho tôi nhận ra rằng cho dù ở địa vị nào thì một nhân cách lớn mãi mãi là một nhân cách lớn và một nhân cách tầm thường mãi mãi là một nhân cách tầm thường.



Anh hùng Lao động Hổ Giáo bên bức chân dung chụp với Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong dịp ông được phong tặng AHLĐ lần thứ Nhất...



...và giữa đời thường.

Ý KIẾN NGẮN

... Chỗ dựa vững chắc cho Nhà nước Xô-viết trước hết là chiến sĩ Hồng quân, tiếp theo là thầy cô giáo (Lénin)

NẾN giáo dục của chúng ta cứ phải cải cách liên miên, như thế chúng ta không nhìn thấu triệt một số vấn đề cơ bản, mà nếu chịu khó so sánh với các nơi khác, các thời khác sẽ thấy ngay trong đó có vấn đề về thái độ và chính sách đối với giáo viên. Không lý thuyết dài dòng, chỉ xin tập trung mổ xẻ một hiện tượng mới toanh, sẽ thấy ngay vấn đề này cần được trọng thị như thế nào. Đó là chung quanh việc giải quyết vấn đề phụ cấp thâm niên cho đội ngũ giáo viên nghỉ hưu từ 1994 - 2011 đang gây bức xúc trong giáo giới cả về hai mặt pháp lý và đạo lý. Chúng tôi không hiểu Tại sao vấn đề phụ cấp thâm niên cho Nhà giáo trong Luật Giáo dục lại không áp dụng cho đội ngũ nhà giáo nghỉ hưu từ 1994 - 2011? Chúng tôi vẫn đường đường chính chính là những thầy cô giáo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì vì lý do gì mà không được hưởng những quyền lợi mà pháp luật của chế độ này đã quy định và bảo vệ? Chủ trương hiện hành về vấn đề này (theo báo điện tử Người Lao động ngày

không giải quyết chế độ thâm niên vào lương hưu của diện nói trên, thì mặc dù tuyệt đối bỏ qua mọi việc quá khứ, chỉ kể từ nay về sau sẽ xảy ra hiện tượng lương hưu của trò hơn hẳn thầy quá nhiều (chỉ nói riêng theo từng loại cùng hàm vị)! Trên thế gian này làm gì có chuyện ngược đời hơn như thế? Dù có biện minh thế nào, thì it ra về mặt khách quan vẫn là làm nhục bậc thầy của những người thầy!

Nhưng trở lên chỉ thiên về mặt pháp lý. Tất nhiên pháp lý không tách rời với đạo lý. Nhưng muốn thấy rõ thêm khía cạnh sau thì không nên quên nguyên tắc giải quyết chế độ cho đối tượng nào, cần phải hiểu rõ đặc điểm của đối tượng ấy càng sát đúng bao nhiêu thì càng trở lại xác định chế độ một cách chính xác bấy nhiêu. Có thể còn nhiều điều khác, nhưng tôi thấy đội ngũ giáo viên nghỉ hưu từ 1994 - 2011 có ba đặc điểm quan trọng so với các thế hệ giáo viên khác như sau:

1) Đây là thế hệ Nhà giáo duy nhất trong chế độ ta không được tính phụ cấp thâm niên đến 20 năm... Sở dĩ nói 20 năm vì phải tính đến nay là 2013. Còn không được tính phụ cấp thâm niên là bao gồm cả lương chính thức hoặc lương hưu (ranh giới cụ thể

MUỐN CẢI CÁCH THẬT SỰ THÌ PHẢI QUÁN TRIỆT TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC

PHƯƠNG LỰU

10-9-2013) đã chứa đựng những nội dung không thể hiểu nổi, kính xin các cấp có trách nhiệm giải thích cho như sau:

1) Trong Luật nói phụ cấp, tại sao lại chỉ trợ cấp cho chúng tôi. Phụ cấp hay trợ cấp cho ai, về việc gì là có luật, có pháp lệnh, bởi vì đây là hai việc rất khác nhau về bản chất. Trợ cấp thì có thể có hoặc không, ít hay nhiều, mà bản thân chúng tôi có xin trợ cấp đâu? Còn như lương hưu (kèm theo sự phụ cấp của một số ngành trong đó giáo giới) chính là khoản tiền được Nhà nước tạm "khấu trừ" trước vào từng tháng lương của cán bộ rồi tích lũy để trả lại cho họ khi đã về hưu.

2) Tại sao lại 10% mà lại đồng loạt? Cho dù có 30% đi nữa cũng xin được giải thích dựa vào căn cứ nào, trong lúc việc này phải căn cứ chủ yếu vào số năm thực sự giảng dạy của mỗi người. Và như thế cũng có nghĩa là không thể nào có chuyện đồng loạt ở đây được! (Còn như giới hạn số năm tối đa là việc khác)

3) Tại sao lại mỗi năm chỉ được tính 1 tháng thôi? Đây là chuyện thâm niên, chứ có phải là thâm nguyệt đâu? Phải chăng 10% còn nhiều quá, cho nên chỉ tính 1 tháng thôi. Vậy xin cứ nói thẳng ra là mỗi năm chỉ có 0,83%, không nên nói 10% để cho không ít người dễ lầm lẫn! Nhưng như thế thì có những nhà giáo giảng dạy suốt nửa thế kỷ, được hưởng phụ cấp thâm niên chưa đầy 1%. Việc này nên giải thích ra sao đây?

4) Tại sao lại buộc người ta lĩnh trọn gói một lần? Hình thức này có thể dễ xuất, nhưng phải theo nguyên tắc tự nguyện. Quan trọng hơn, về nguyên tắc, khác với chuyện trợ cấp đột xuất, việc phụ cấp lương hưu hiển nhiên còn phải tùy theo tuổi thọ của từng người không thể giải quyết đồng loạt cùng một lúc cho tất cả mọi người, sẽ gây ra sự bất công mới.

5) Tại sao Bộ GD-ĐT lại "cho rằng nếu thực hiện...chế độ phụ cấp theo mức tương ứng như quy định tại Nghị định 54/2010/NĐ-CP" là hối tố? Hối tố là căn cứ những quy định về sau để đòi hỏi (hoặc bắt buộc) truy lĩnh những quyền lợi trước đó. Chính cách giải quyết buộc nhận trọn gói một lần coi như không còn trách nhiệm gì từ nay về sau trong vấn đề này mới mang màu sắc hối tố. Nhưng chính chúng tôi phân đối diện này, và đòi hỏi vận dụng Nghị định hữu quan để phụ cấp thâm niên vào lương hưu từ nay về sau mà thôi.

6) Đặc biệt, Bộ GD-ĐT lại cho rằng nếu giải quyết vấn đề này theo Nghị định nói trên "thì kinh phí vượt quá khả năng ngân sách Nhà nước". Hóa ra là thế, nhưng hoàn toàn không phải như thế! GS.TSKH Nguyễn Xuân Hân đã dày công tính toán việc thực hiện quy định này đối với diện nhà giáo nghỉ hưu 1994 - 2011, thật ra không đáng bao nhiêu, và ngày càng ít với tốc độ tử vong của hàng ngũ giáo già. Nhưng chúng tôi nghĩ thêm rằng đây là luật, hơn nữa là luật Giáo dục thì có tốn mấy cũng phải làm. Hơn nữa Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng". Đúng là không nên sợ thiếu thật, chỉ cần xem cung cách chi tiêu trong ngành giáo dục! Như về chương trình và sách giáo khoa, trong lúc nhiều ý kiến, kể cả của Đại tướng và cựu Bộ trưởng, chỉ cần 100 tỉ thôi, ấy thế mà vừa mới đổi mới chương trình và sách giáo khoa (chỉ riêng bậc phổ thông) đã chi mấy tỉ USD rồi, nay lại dự chi thêm 3,5 USD nữa tức 70 ngàn tỉ VNĐ (theo số liệu của GS.TSKH Nguyễn Xuân Hân), gần tương đương với con số đòi Mỹ bồi thường sau chiến tranh và gấp nhiều lần GDP nội địa của ta khi đánh Mỹ! Tất nhiên, rồi đây nhân dân cả nước sẽ giương to đôi mắt chú mục vào sự minh bạch hóa việc chi tiêu 70 ngàn tỉ này! Lại càng phải kính sợ sự không công bằng: Nếu

giữa hai điều này là tùy theo năm nghỉ hưu của mỗi người). Thiệt thòi nhiều như vậy, nhưng khi đã khôi phục chế độ phụ cấp thâm niên cho nhà giáo đã không được bù đắp lại thì thôi, mà còn tiếp tục gây thiệt thòi cho họ, là nghĩa làm sao? Chả nhẽ không được phụ cấp thâm niên suốt hai mươi năm do chính sách khách quan lại là một tội lỗi chủ quan?

2) Đây là thế hệ Nhà giáo chủ yếu vào nghề trong thời chống Mỹ, cứu nước. Nếu tính trung bình nhà giáo hành nghề trong 35 năm, mà lần lượt về hưu từ năm 1994 đến năm 2011 có nghĩa là họ lần lượt vào nghề trước sau năm 1960 một ít cho đến năm 1975. Tất nhiên không có khái quát nào đúng khớp hoàn toàn, đây chỉ nói về cơ bản mà thôi. Và cũng tất nhiên, thời nào cũng có đặc điểm và khó khăn riêng. Nhưng làm nghề giáo trong thời chống Mỹ không phải chỉ có khó khăn chung, mà hàng loạt giáo viên vào Nam, có người phải trực tiếp chiến đấu và hy sinh. Ở lại miền Bắc, tuy là hậu phương lớn, nhưng là tiền tuyến nhỏ, phải vừa giảng dạy vừa chiến đấu gồm gồm những đội dân quân tự vệ của nhiều trường, có khi còn góp phần bắn rơi máy bay như khẩu đội trực chiến 12,7 ly của ĐHSPhN

3) Đây là thế hệ Nhà giáo trực tiếp giảng dạy cho các cấp lãnh đạo từ thấp lên cao trong buổi đầu của thế kỷ mới này, tất nhiên là với những bậc học, ngành học và trong những thời điểm rất khác nhau. Giảng dạy gần nửa thế kỷ, tôi thường được mời dự những buổi gặp mặt kỷ niệm ngày ra trường của rất nhiều thế hệ sinh viên. Bây giờ tôi bỗng nhớ lại cách đây hơn 10 năm, trong buổi gặp mặt kỷ niệm 40 năm ngày ra trường, một cựu sinh viên người Tây có kể lại anh là thầy giáo của ngài Nông Đức Mạnh! Lâu lắm quên tên có dò hỏi lại, anh ấy tên là Công Kim Thăng. Sau đó, nghĩa là gần đây thôi, có đến hai lần gặp mặt anh em tốt nghiệp năm 1967. Anh Bùi Cao Thắng cũng cho biết là thầy giáo của ngài Nguyễn Thiện Nhân và có tỏ vẻ ca ngợi người học trò cũ không hề quên tình nghĩa thầy trò. Chắc chắn là có hàng ngàn hàng vạn cấp quan hệ thầy trò khác trong vấn đề đang bàn, song đây không phải nói chuyện cá nhân, chẳng qua phải từ cá nhân để mà hình dung ra đội ngũ và thế hệ mà thôi.

Nếu lên ba đặc điểm trên, chúng tôi không hề may mắn có ý đòi hỏi đặc ân đặc cách gì cả! Không, một ngàn lần không! Mà hoàn toàn ngược lại! Khi có khó khăn đành phải bỏ chế độ thâm niên, chúng tôi không hề kêu ca, vẫn vui vẻ nỗ lực làm tốt nhiệm vụ của mình. Từ 2011 khôi phục lại chế độ này, chúng tôi không hề ganh tị với những đồng nghiệp được hưởng lương thâm niên thông suốt từ sau hoặc trước đó. Chúng tôi cũng không hề yêu cầu bù đắp cho những thiệt thòi khách quan mang tính chất "hối tố", cái gì đã qua thì cho qua luôn. Nếu có nhắc lại chỉ là tìm lại những căn cứ trong quá khứ, để mà giải quyết đúng đắn cho công việc từ nay về sau mà thôi.

Chúng ta thường nói dân tộc ta giàu truyền thống tôn sư trọng đạo, nhưng đây cũng là truyền thống của cả nhân loại, nghĩa là cũng mang tính người nói chung. Còn nhớ năm học 1944-1945, tôi học lớp ba, hồi ấy gọi là lớp Sơ học (Cours élémentaire) còn ngay dưới thời Pháp thuộc, nhưng trong sách Quốc văn giáo khoa thư, do Đỗ Thận soạn có bài Thầy còn nhớ bé Carnot của thầy không a?, kể lại Carnot khi đã làm đến thống chế, thủ tướng gì đấy trở về quê cũ, người cao to, vận lễ phục rất lễ phép kính cẩn cúi chào rồi ôm trọn vào lòng người thầy giáo năm xưa của mình! Muốn cải cách thật sự, thì phải quán triệt cải truyền thống của dân tộc và nhân loại này vào nền giáo dục của chúng ta!

Bây giờ Hồ Giáo vẫn ở trong ngôi nhà ở quê hương ông do bố mẹ ông xây từ năm 1964. Tôi hỏi ông vì sao ông không xây một ngôi nhà khang trang hơn để ở vì ông có quyền được sống trong một ngôi nhà tốt hơn và tiện nghi hơn. Bởi ông đã lao động hết mình cho một cuộc sống tốt đẹp hơn. Ông cười bảo tôi vì không có tiền để xây chứ không phải lý do nào khác. Ông không có tiền là đúng sự thật. Bởi chỉ với đồng lương như ông đã nhận, thì ông không thể có cơ hội xây một ngôi nhà mới. Tôi hỏi ông ở tuổi 80 ông còn điều gì quan trọng chưa làm được mà nỗ lực ông dày vò. Ông nói rằng chuyện đó khó nói lắm. Tôi không dám gạn hỏi ông đó là điều gì. Và tôi tin chắc rằng có gạn hỏi thì cũng không bao giờ ông nói. Nhưng ông có than thở về tình người mỗi ngày một khác xưa. Có phải vì thế mà nhiều lúc ông thấy nhớ những con bò ông đã chăm sóc. Nhiều đêm ông tỉnh giấc và nhớ về chúng. Ông nhớ những cái tên đầy yêu thương ông đặt cho chúng. Có những con đã chết, có những con đã già lắm rồi và nhiều con ông không biết số phận sau đó của chúng ra sao. Ông nhớ những con bò như nhớ kẻ tri âm.

Hồ Giáo, ông là ai và ông mang cho chúng tôi điều gì trong cuộc sống này? Đây chính là câu hỏi quan trọng nhất của tôi. Điều gì đã làm cho ông chưa một ngày lòng yêu thương da diết với những con bò? Điều gì làm cho ông không hề một ngày nao núng với cuộc sống đạm bạc của gia đình ông trước sự giàu có quá trớn phú của nhiều kẻ quanh ông? Tôi thấy, chưa bao giờ chúng ta lại cần đặt lại câu hỏi này như bây giờ. Tình yêu thương với những con vật và sự đam say với công việc của ông làm cho không ít người chúng ta xấu hổ. Liệu có bao nhiêu người trong chúng ta yêu được như thế và đam say được như thế? Chính sự hờ hững và nguội lạnh của chúng ta đối với con người, thiên nhiên và đối với công việc hàng ngày đã làm con người và công việc của chúng ta trở nên nhạt nhẽo.

Trong một thời gian quá dài từ thuở đôi mươi đến bây giờ, ông vẫn mãi miết đi với đàn bò qua những cánh đồng, những thảo nguyên mà không hay biết quanh ông bao vô cảm, bao tranh giành, bao đố kỵ, bao ích kỷ, bao trục lợi, bao ngạo mạn, bao thù hận... đang tua tủa mọc lên như gai sắc, như nấm độc. Con đường ông đã đi là con đường của một vẻ đẹp tinh khiết và đáng hiển. Hồ Giáo đã được phong Anh hùng hai lần. Chúng ta có nghĩ tới việc phong Anh hùng lần thứ ba cho ông không? Nhưng phong Anh hùng lần này không phải phong cho việc chăn bò của ông mà vì một điều khác. Điều đó vô cùng cần thiết cho đời sống của con người giờ đây trong xã hội hậu hiện đại.

Theo tôi, lớn hơn tất cả những gì ông đã làm là: Ông là người khắc họa một cách mãnh liệt và lòng lấy một ví dụ về Hình ảnh nhân tính của thế gian. Và tôi là người để cử đầu tiên danh hiệu ấy cho một người chăn bò có tên Hồ Giáo.■

B UỔI tối mùa đông, gió bắc thốc từng cơn như trút giận vào tất cả những gì nó gặp trên đường đi. Phố xá vắng tanh, nhà nào nhà nấy cửa đóng im ỉm. Từ bên ngoài nhìn vào, người ta chỉ nhận biết trong nhà còn thức hay ngủ qua ánh điện le lói hắt ra từ các khe cửa của những toà nhà dựng đứng, xám ngắt. Và như thế, người trong nhà ý thức được bên ngoài có còn người đi lại hay không qua âm thanh rẹt rẹt, ầm ào thì thoảng lại dội lên của những chiếc xe có động cơ.

Trên hè của một ngôi nhà cao tầng sừng sững giữa khu phố trung tâm, bỗng xuất hiện một ông lão người thấp nhỏ, toàn thân lút trong mấy tầng quần áo cũ kỹ, dày cộp, khuôn mặt gần như bị áo và mũ trùm kín, chỉ còn hở hai con mắt hi hi, nhưng đằng sau lưng lại lồi lên một cái gù tròn ửng như cái gáo dừa. Sau vài phút ngáp ngừng nhìn trước nhìn sau về thăm dò, cuối cùng ông lão lập cập lùi cái bao gai từ trong chiếc túi khoác vai cầu ghét, khẽ khàng trải xuống thêm, rồi lại cẩn thận vuốt cho phẳng mẹp, rồi mới hi hui luồn đôi chân vào trong đó. Chớp nhoáng, cả người lão đã nằm gọn lỏn trong chiếc bao, chỉ còn vài sợi tóc luôm nhuôm lòi ra ngoài. Đôi giày vải chạt bụi và chiếc túi lẹp xẹp đựng vài thứ đồ dùng đi đường, được ông trang trọng đặt lên phía trên làm cái gối đầu. Cảm thấy sự yên ổn, ông lão hít sâu và thở ra một hơi dài vẻ dễ chịu rồi từ từ nhắm mắt. Chưa ấm chỗ, ông lão đã giật mình đánh thót, sau khi bị một cái mũi giày hích vào mạng sườn:

giày vải và lập cập lún từng bậc xuống đường. Ông Gù đã đi ra khỏi cửa, tay chủ nhà còn ném theo một câu: "Sốt ruột" nặng chịch và lại khoác một cái rồ to và nhỏ toẹt xuống đường, rồi quay vào đập cửa đánh rầm. Ông Gù đã quá quen với cảnh này, nên hôm nay dù tay chủ nhà có làm dữ hơn nữa cũng không làm ông nao núng. Hơn nữa, ông từng được biệt danh là "Người rừng", là bởi gần trọn cuộc đời, ông lấy rừng làm nhà. Những cánh rừng bạt ngàn, cây cối tầng tầng, chằng chịt những dây leo, cùng những con đường ngoằn ngoèo, hết dốc cao chót vót lại dốc tuột xuống thung sâu, bàn chân ông đặt gần kín các con đường mòn, khe núi, còn các cánh rừng hào phóng tặng lại ông những đám chai giống như mặt trống cái dưới gan bàn chân.

Theo hướng chỉ của tay chủ nhà hầm hộc, ông già lấm lũi bước, thì thoảng mới dừng chân, nghiêng cổ quan sát con đường hun hút bóng cây xiêu vẹo, định hướng đi cho khỏi lạc đường. Đây là kinh nghiệm hơn 30 năm đi rừng của ông.

Con đường dài tít tắp, loang lổ ánh sáng và bóng tối đan vào nhau. Thịnh thoảng mới có một người sùm sụp mũ, áo phóng xe vượt qua. Thịnh thoảng ông lại bị ánh đèn của một chiếc xe máy nào đó đi ngược chiều, rọi thẳng vào mắt chói lóa, khiến ông phải đứng lại và đưa tay lên che mặt cho đến khi xe vù qua mới lại bước tiếp. Nhưng mỗi lần ánh đèn xe lùi xa, ông lại thấy mình cô đơn hơn.

Không biết con đường dài bao nhiêu, lúc ngẩng lên,

nghe trông giữ rừng, ông từng lòi ra ánh sáng cả trăm đũa chắt trộm gỗ, cả chục đũa đứng đằng sau bọn phá rừng, gổm đủ hạng người, đủ cấp bậc. Ông từng được nêu danh ở nhiều nơi, từng bước lên bục vinh quang nhận những tấm bằng khen về tinh thần bảo vệ tài sản quốc gia. Ông có mặt ở cánh rừng nào thì nhất định cánh rừng đó yên ả, thái bình, cây cối tầng tầng, chim chóc tha hồ làm tổ, sinh con đẻ cái ríu rần.

Vậy mà ông không giữ nổi thằng con trai duy nhất của đời ông - Thằng Cù - Hạt giống của dòng họ Trừ. Để bây giờ nó trở thành nỗi bất an trong lòng ông! Là cái họa của chính cuộc đời nó. Mỗi lần thằng Cù ra khỏi nhà, ông lại tưởng tượng ra nó đang dấn thân vào không gian mịt mù, chìm sâu trong bóng tối dày đặc, tối như bùng, như hũ không có đường ra. Khi về, nó lại như chui ra từ màn khói sương mịt mù ấy. Còn ông, ông luôn trong trạng thái chông chênh, thắc thỏm và lo sợ. Nỗi lo bao trùm tâm trí ông, cảnh báo ông, bám riết theo ông là cái thời khắc ông đi rừng về, không thấy nó, chỉ còn căn nhà trống huơ, hoang vắng và lạnh lùng.

Ông Gù mới ngoài sáu mươi tuổi. Người thấp, nhỏ, lại thêm da mặt nhăn nhúm và sạm súa như quả nâu người ta vớt lên lọc trong góc nhà, trong gầm giường. Về mùa đông, cả cái cơ thể còm nhom ngấp lút trong mấy tầng quần áo, chỉ còn chừa có hai con mắt tứ mùa đắp dính nước và dữ nhờn. Hàng xóm nói vụng với nhau, mùa đông ông mà ngồi thu mình trên chiếc ghế gỗ đặt góc nhà, họ chỉ nhận ra ông còn sống hay đã chết qua những tia sáng phát ra từ hai con mắt đắp dính. Ngược lại, thằng con trai ông được thừa hưởng cái vóc dáng của mẹ, nó khỏe khoắn và hơi lấm lì. Nó không có cái tính cần cù, nhẫn nại và cam chịu của ông.

Ông Gù lấy vợ ở quê sau một quãng thời gian dài lên sống với rừng. Vợ ông, người cùng làng, kém ông tới gần hai chục tuổi. Từ lúc sinh ra đến khi lấy ông, nàng mới ra thị trấn một đôi lần chỉ để mua sắm vài cái quần lót, áo su chiêng. Thế mà theo ông lên miền núi, thằng Cù mới biết bi bố, vợ ông đã bỏ đi theo thằng xe tải dưới xuôi lên.

Những ngày vợ ông mới bỏ đi, ông xin được ở lại trạm trồng rau và nấu cơm cho vài ba anh em của trạm, để có điều kiện trông nom thằng Cù. Thế là sau những lúc chẻ củi, nấu cơm, ông Gù thường kiệu thằng Cù lên vai, lên cổ, đi nhong nhong khắp cái xóm vắng tanh vắng teo, chỉ khi nào thằng Cù ngủ gà gật trên vai, ông mới chịu đặt nó xuống giường.

Năm thằng Cù đến tuổi đi học, ông lại được trả về vị trí cũ, bảo vệ những cánh rừng. Thật tội, trong một buổi đi tuần sau mấy ngày mưa bão, ông bị một cây gỗ to ở khu rừng đầu nguồn bất thần đổ xuống, đè lên lưng ông, may nó không chém đứt tủy, nên đắp lá rừng một thời gian cũng lành, chỉ tội nó để lại cái tật sau lưng. Thế là từ đó người ta cho ông nghỉ việc gác rừng, công việc duy nhất còn lại của ông Gù là mỗi ngày dành ra vài giờ vào rừng thu gom cành cây khô về bán cho cánh lái xe, thời gian còn lại ông dành cho thằng Cù.

Nhưng dù ông có tận tâm đến đâu, thằng Cù vẫn không quên được mẹ. Tan học về, chiều nào nó cũng trèo lên ngồi trên đỉnh đồng củi giữa sân, mắt chăm chăm nhìn xuống con đường chạy qua thị trấn, con đường dẫn mẹ nó bỏ đi ngày nào, cho đến tận lúc ông gọi nó vào ăn cơm, nó mới chịu tụt xuống. Bữa cơm nào, thằng Cù cũng chỉ xin ông cho nó bát cơm không độn sắn, khoai. Ăn xong nó lẳng xằng đi lấy tầm đưa vào tay ông. Tối tối trước khi nhắm mắt ngủ, nó lại vít cổ ông hỏi đến kỳ cùng: - Bố! Bao giờ thì mẹ về, hả bố! Sao mẹ đi lâu thế hả bố?

Mỗi lần bị thằng Cù truy hỏi, ông lại nhắm chặt mắt vờ như ông đã ngủ say. Hồi chán, thằng Cù ngủ, ông lên ngồi dậy gập nhắm nỗi đau. Ông ước giá đổi được, ông sẽ ra đi để mẹ nó trở về với nó. Ông cam chịu với số phận. Ông hi vọng nó là chỗ dựa của ông, là sợi dây nối dài giữa cha mẹ ông với nó.

Năm thằng Cù học lên cấp hai, người ta mở một con đường lớn chạy qua xóm núi, mặt đường trải nhựa phần lừ. Thế là xóm núi quanh hiu bỗng trở thành thị trấn, xe cộ qua lại rinh rích. Từ ngày có con đường lớn chạy qua, thằng Cù cũng đổi thay, có da có thịt và nhiều bạn bè. Nó thích kết bạn với đám con trai cùng lứa ngoài phố mới.

Lần này thằng Cù lại đi mất tầm. Ruột gan ông rối bời, ông nghe người ta kháo nhau, bọn thanh niên lang thang thường tụ tập ngoài thành phố, rất nhiều đứa nghiện ngập chết như đùa, chết dễ lắm: Đầu đường, góc chợ, ghế đá, gốc cây chỗ nào cũng có thể lăn ra mà chết. Mà hình như chúng coi cái chết chẳng là gì. Mỗi

TÌNH CHA

Truyện ngắn của VŨ TUYẾT MÂY

- Gì thế này?

Tuy chiếc mũi giày hích không đến nỗi mạnh, lại thêm những tầng quần áo che đỡ, nhưng cái giọng thẳng đàn ông về quyền uy nửa hành hoạ, nửa báng bố, khiến ông già nhận ra ngay điều bất ổn, vội so chân, lắc người bên này, bên kia như chú cá chuối trườn dưới lạch nước mưa, chuối ra khỏi chiếc bao và lồm cồm ngồi dậy. Ông ngồi mà chỉ cao hơn đầu gối tay chủ nhà chút đỉnh, còn cái gù trên lưng ông cứ phập phồng nhô lên, thụt xuống về lo lắng. Và mỗi lần nó trồi lên thì dường như cái gù còn cao hơn cả cổ và vai ông. Vì cái gù này mà ông mất hẳn cái tên cứng cỏi. Người ta bảo ông bị sao chiều mệnh, trong đời người đàn ông có hai đường cơ bản là tình duyên và sự nghiệp thì ông bị hỏng cả. Ông lấy vợ thì vợ bỏ. Ông đi làm thì bị cây đổ đè lên lưng, làm chùn cột sống, phải đeo gù. Sau cái ngày bị nạn cây đè, người trong thị trấn thương ông thì đã, nhưng họ cũng thật ác khẩu, cứ nhè vào cái tật của ông mà gọi tên: "ông Gù". Nghe nhiều thành quen, chính ông sau này cũng chẳng nhớ ông đã thừa nhận cái tên "Gù" từ bao giờ, chỉ nghe thấy tiếng gọi "ông Gù" bất kể là của ai, ông đều thừa.

- Ông già, người ngợm thế này mà dám leo lên cửa nhà người ta nằm ả, có biết đây là đầu không? Nằm đây sáng mai còn queo ra để người ta phải bỏ nhà mà đi hả? Tim chỗ khác mà nằm đi.

Chẳng biết do thời coi thường người, hay vì gớm ghiếc cái thân hình kỳ dị của ông, mà tay chủ nhà nói dứt lời liến khoác một cái khá mạnh, rồi nhỏ đánh toẹt xuống trước mặt ông già, mặt hần lạnh như tảng nước đá, hai mu mắt sùm sụp nhìn ông bằng một phần con mắt.

Lướt nhìn qua mặt tay chủ nhà, ông già cúi nhìn xuống dưới chân, về sượng sùng. Giữa lúc chưa kịp nghĩ sẽ đi đâu, về đâu trong đêm tối cồn cào gió lạnh, thì ông đã lại giật thót người, vì mũi giày thứ hai lách vào một bên hông vốn lép kẹp, dúm dó, lẹp phẹp những quần với áo.

- Kia kia, mời ông đi quá lên trên kia, sẽ có cả một toà to tướng cho ông tha hồ mà xênh sang. Nhà ga đấy bố ả, đi đi.

Tuy giọng tay chủ nhà có phần hạ xuống, nhưng về mặt hần lại nồn nóng muốn tổng táng lão đi cho nhanh.

Ông Gù sực tỉnh, quảng quảng vợ với cái bao tài nhét vào trong chiếc túi, ngoắc lên vai, rồi xỏ với đôi

ông đã thấy mình đang đứng ở cuối con đường tay chủ nhà chỉ dẫn. Từ bên này, ông Gù hồi hộp đánh mắt xuyên qua hai hàng cây rậm rì, tiếp đến là một khoảng trống, đến dãy nhà xây cũ kỹ, nằm sâu trong hàng rào đồ đồ bằng bê tông, cao quá đầu người. Bao quanh dãy nhà cũng vẫn những cây to, bóng cây xum xuê che phủ một khoảng không khá rộng. Ông đã nghe người ta kể nhiều về những nơi thế này. Những nơi như: nhà ga, bến xe, đường tàu hỏa thường là chỗ nường thân sớm, tối của bọn lang thang, móc túi và nghiện hút. Những ngày trước khi thằng con ông bỏ nhà đi theo lũ bạn chỉ mới nghe người ta kể, ông cứ tưởng tượng ra mà hải đến sồn da gà. Nhưng bây giờ ông đành phó thác cho số phận.

Trước khi đặt chân vào bên trong, ông Gù cẩn trọng nép mình vào một gốc cây to cho lại sức, rồi nghiêng cổ, căng hai con mắt hi hi lên quan sát xung quanh khu vực nhà ga. Đó là một khoảnh đất khá rộng, nằm lảnh vào một góc của ngã ba nối giữa phố phường với vùng ngoại ô, cô tịch, nhợt nhạt ánh đèn vàng, gió tận đầu đầu cứ tông tốc dội về, mặc sức hù hụi, mặc sức tung hoành. Dưới hàng hiên của nhà ga có vài chiếc ghế đá nằm chổng trơ. Nhìn sâu vào trong nhà, nơi dành cho hành khách chờ tàu, cửa phòng bán vé đã đóng sập, cả gian phòng rộng ngoác chỉ có mình ông với vài ba chiếc ghế dài kê sát chân tường. Ông thở phào nhẹ nhõm: "Dù sao thì đêm nay ông cũng có chỗ tá túc khá yên tĩnh. Số ông vẫn còn có quý nhân phù trợ". Ông quả quyết đưa chân vào trong phòng.

Ông Gù đi tìm con! Thằng con trai duy nhất của ông, thằng "Cù", nó mới mười lăm tuổi, bỏ nhà đi giao du với đám bạn lang thang. Chúng nó như đám mây lang bạt, lúc hợp, lúc tan, lúc ở đằng đông, lúc dinh sang tây. Nó chỉ tìm về với ông, với căn nhà hai gian lợp lá gồi, nằm khuất nẻo đằng sau cái thị trấn vùng cao xáo xạc lá khô và cát bụi, khi trong túi và dạ dày nó trống rỗng, cùng gương mặt phờ phạc, lờm chờm lờn tơ. Lần nào về nó cũng nhe hàm răng dài thuật ra cười về hồi lỗi. Trông nó thật tội nghiệp. Rồi nó kể ra cả trăm lý do khiến nó sa chân, lỡ bước. Nó đi với ai? Bạn nó là những đứa nào? Ở đâu? Ông không tài nào tìm được manh mối, mặc dù ông đã bỏ cả việc làm, bỏ mọi niềm đam mê đi tìm con mà vẫn vô vọng. Ông đau mà không chia sẻ được với ai. Trái tim ông rỉ máu chỉ mình ông biết.

Cuộc đời ông Gù từng có hơn ba mươi năm làm



Minh họa của KHÁNH TOÀN

lần nghe ai nói về chuyện nghiện nập, chết chóc, mặc dù ngoài mặt ông vẫn giả tăng như không, nhưng trong lòng ông u uất một nỗi lo sợ. Vì thế, ông không thể ngồi chờ nó về, ông quyết đi tìm nó đến cùng, dù có phải liều mình, ông cũng phải đem bằng được nó về. Nó phải về và sống rồi mới hiểu được lòng người cha với con và giá trị của cuộc sống ở trên cõi đời này.

Hôm nay là ngày thứ mấy ông không nhớ, chỉ biết ăn đường, ngủ chợ đã gần hết số tiền bán đồng củi kiếm gần nửa năm trời mà vẫn không tìm được manh mối thằng con ông ở đâu. Càng đi, ông càng cảm thấy đất trời mênh mông, lối ngõ thiên la, địa võng, ông chỉ bằng cái kiến, bò đến bao đời mới hết được các nẻo đường. Đi và nghĩ, ông có cảm giác cơ thể ông mỗi ngày một nhão ra. Còn lúc này thì rõ ràng, ông đang đi mà chân như không đặt xuống mặt đất.

Ông nhớ lại chuyện sáng nay, lúc đi vào một cái chợ nằm sâu trong con phố nhỏ. Chợ búa ê hề hàng quán, người người chen chúc bán mua, bỗng dưng ồ ra một đám người, họ rầm rập rượt đuổi một thằng thanh niên trạc tuổi thằng Cù. Đám người này ngoài đàn ông, đàn bà còn có cả một bọn choai choai, vẻ mặt đứa nào đứa ấy đầy hứng thú. Đám người kẻ cầm gậy, kẻ cầm đòn gánh, que chọc lò, cán chổi... Thằng bé kia thân hình lẻo khoẻo, mỏng manh, da mặt tái mét, mắt không ra hột máu, chắc nó đói khát lâu ngày mà ra thế, cố sống, liều chết chạy thoát thân. Chưa được bao xa, nó đã bị vấp ngã nằm xoài xuống đường, thế là cả đám người đuổi theo bu lại, những gót dày, cán chổi, que chọc lò phang tới tấp xuống đầu, xuống vai, lưng thằng bé cùng những tiếng choe choe, hăm hăm: "Thằng ăn cắp, đánh cho chết cái giống ăn cắp đi này".

Thằng "ăn cắp" lồm cồm bò dậy định chạy lại bị ngã đập dúi xuống rãnh nước bên lề đường và lại tiếp đòn. Cuối cùng, nó biết không chạy nổi, nó nhồm dậy quỳ gối, hai tay chắp trước ngực vái lạy như tể sao, miệng nó phều phào van xin đám người kia tha chết cho nó.

Từ lúc nhìn thấy cảnh thằng bé bị dồn đuổi và đánh chửi, hình ảnh nó cứ bám chặt vào tâm trí của ông Gù. Quanh quẩn thế nào, thằng bé ăn cắp lại hóa thành thằng Cù trong đầu ông, làm ông cứ quay quắt như ngó trên chảo lửa. Ông tưởng tượng ra thằng con ông cũng bị người ta đánh vùi, đánh đập như thằng ăn cắp. Hoặc người ta xé nó ra đường như xé một con chó ghẻ, khi nó lảng vảng tới cửa nhà của đám người giàu có, như thằng đàn ông vừa đá đít ông. Rồi đối rết và bệnh tật hành hạ, nó đơn độc nằm co quắp trong một xó xỉnh nào đó, để mặc cho bệnh tật hành hạ cho đến chết. Thế là bao nhiêu tội lỗi của nó bấy lâu bỗng chốc tan biến hết. Thay vào đấy là hình bóng thằng Cù ngực đang căng, mặt mũi đầy lông tơ trông ngổ ngàng, đáng thương đến tội nghiệp. Ông luận: "Nó còn non dại lắm, nó đã hiểu được gì về cuộc đời này. Đáng lẽ nó còn phải ở trong vòng tay che chở của ông! Nó phải được sưởi ấm

bằng tình thương của ông, và ông còn phải có nghĩa vụ bù đắp cho nó những thiếu thốn của tình mẫu tử! Bất quá, ông nghĩ đến một ngày thằng con ông sẽ tuột khỏi tay ông, sẽ lún sâu xuống vũng lầy, chẳng bao giờ còn tìm được lối thoát".

Mệt mỏi và chán chường, ông toan mặc kệ đời, không quan tâm đến xung quanh nữa. Ông tự nhủ, dù thế nào thì đêm nay ông cũng không đi đâu được nữa, ông phải ngủ lấy một giấc, ngày mai còn lấy sức đi tiếp. Chưa tìm được thằng Cù, ông sẽ còn phải lên rừng kiếm củi nhiều hơn nữa. Vừa thiêm thiếp, ông Gù đã bị bật dậy bởi một vết sáng loá mắt của chiếc đèn pin bằng ngón tay cái rơi thẳng vào mặt:

- Ối cái gì thế này. Ôi bọn bay ơi, lại đây mà xem, người này!

Ông Gù lạnh toát sống lưng, đang lạnh mà mồ hôi ông vã ra. Tiếng đứa nào giống như tiếng thằng con ông? Ồm ồm, mới vỡ. Chẳng lẽ lại là nó?

Từ ngày đi tìm con, ông Gù luôn có cảm giác tất cả những đứa lang thang đều hao hao giống thằng con ông, làm tim ông lúc thất lại, lúc đập dồn mỗi khi nhìn thấy chúng. Thăm tâm ông rất muốn gần gũi tất cả mọi người, để hỏi cho ra tung tích của thằng con ông. Nhưng ông lại sợ người ta phát hiện ra ông có thằng con hư, người ta sẽ cười đằng sau ông, thương hại ông, ngấm ngấm tách bóc con ông ra khỏi cộng đồng xóm làng, vì họ sợ thằng con ông mắc tội vấy bẩn lên hình ảnh đẹp đẽ của họ. Vì thằng Cù, vì danh dự, ông sinh ra bệnh sợ thiên hạ, sợ tất cả những gì đối diện với ông, từ đây mỗi lần gặp đám đông, ông đều len lén cụp mũ lảng tránh, hoặc làm mặt lạnh lùng.

Ông già ngồi bật dậy, bàng hoàng, hai tay kéo tuột cái miệng bao tụt xuống quá vai, ngoảnh cổ ngơ ngác nhìn như soi vào mặt từng đứa, bỗng miệng ông meo sặc:

- Cù phải không con! Cù ơi bố đây! Bố đi tìm con sắp hết sức rồi con ơi! Con không nghĩ đến bố thì hãy nghĩ đến cuộc đời của con chứ con! Sống như thế có phải là cuộc sống không con? Con hãy nhìn bố đây, liệu bố còn sống được bao lâu nữa con! Nhưng con không về thì bố nhắm mắt làm sao được!

Năm, sáu thằng choai choai kéo nhau xúm cả lại chỗ ông Gù, rồi từng ấy cặp mắt cùng trố ra nhìn ông già, như nhìn một vật lạ. Cuối cùng chúng phá lên cười sằng sặc.

- Há há, hớ hớ....Cù là thằng nào mà chưa cù đã buồn cười muốn đứt ruột thế ông già. Nhìn này, con, con, con hay thằng kia giống thằng Cù của bố.

Sao bọn chúng giống nhau đến thế, đều ngực lép, răng dài, chỉ cái đầu thì khác nhau: cái trọc lóc như sợ dứa, cái bờm xồm tóc vàng choe, lùm tùm như đồng rơm. Dưới ánh đèn vàng ệch của nhà ga, chúng nó quả là một đám thiếu cơm, thiếu ánh mặt trời, chúng giống những thằng hình nhân thể mạng vẫn đứng canh ruộng

đổ dưới chân những quả đồi nơi ông ở. Chúng không còn mấy sức.

Ông Gù chưa kịp nói lời nào, bọn chúng đã du đẩy nhau như đồn toa đổ xuống chỗ ông nằm, rồi lăn xuống sân xi măng, chống ngược hai chân lên nóc nhà, cười như những đứa ngộ.

Nhìn đám thanh niên, ông Gù sợ đến nổi da gà. Nhân lúc chúng còn đang du đẩy nhau cười mè dại, ông Gù vội đạp cái bao tải tuột ra khỏi người, quàng quàng vơ tất cả đồ đạc ôm vào ngực vội vã lùi ra đường.

Đi khỏi khu vực nhà ga một đoạn, nhờ đêm tối che lấp, ông quàng túi khoác lẫn bao tải xuống dưới chân, ôm lấy gốc cây mà khóc. Ông khóc không thành tiếng nhưng nước mắt cứ tuôn ằng ặc. Ông thắm hú gọi tên thằng Cù:

- Cù ơi! Tội nghiệp cha con ta! cha đã làm gì lên tội mà trời trừng phạt sang cả con thể con ơi!

Cái gù cũng khóc, nó nức nở và nhấp nhò cùng nhịp thốn thớt với ông, và cứ theo đà ấy mà vút đầu, vút cổ ông mỗi lúc một xuống thấp hơn.

Ông Gù tủi phận. Phen ông hình như trời sinh ra để đùa giỡn. Bằng tuổi thằng Cù bây giờ, từ đồng chiêm, nghe rừng lấm đất, ông tình nguyện đi khai hoang, hi vọng thoát khỏi cảnh thiếu đất, thừa người. Mười năm phát cỏ, đào hố trồng cây. Ông được cấp trên chọn mặt gửi vàng cảm ông trong một trạm bảo vệ rừng đầu nguồn, với một nhiệm vụ thiêng liêng, giữ màu xanh cho đất, giữ tấm lá chắn bảo cho đồng bằng. Tháng, năm tuôn tuột cốn tuổi xuân của ông mang đi, để lại dấu tích trên cơ thể ông làn da đối mỗi cùng cái gù làm vật đánh dấu về những năm tháng sống chết với rừng.

Trên ba mươi năm cống hiến cho rừng, mỗi năm ông chỉ nghỉ phép về nhà đúng một lần, trong khi ở quê, người ta làm ăn cứ mỗi ngày một phát lên, nhà nào nhà ấy cửa cao, nhà rộng, đi đứng xênh xang. Ông mặc kệ, mỗi người có cách nghĩ của mình, ông yêu rừng, ông thích một cuộc sống yên bình, ông sợ kiểu sống đua chen, chạy theo nhu cầu vật chất, kiếp nạn chốn trần gian.

Ngoài bốn mươi, ông vẫn sống độc thân. Cha mẹ ông ở quê héo hắt vì tuổi già và vì sự cô quạnh, họ nhất định đòi chết mà không nhắm mắt, nếu ông không chịu lập gia đình. Thế là ông cưới vợ. Chuyện lấy vợ của ông cũng đơn giản, dễ dàng như chuyện ông phó thác đời ông cho những cánh rừng đại ngàn. Trong một lần về phép, ông thấy trong nhà có một người phụ nữ còn trẻ. Sau bữa cơm có đông đủ bà con ruột thịt, ông đã thành người có vợ. Cha mẹ chọn vợ cho ông.

Vợ ông người cùng làng, khổ người đầy đà, mỏng và ngực núm nính, mặt cũng phúng phính mỡ. Ông bằng lòng với số phận. Hai lần về phép, thằng Cù ra đời. Thằng Cù vừa hết cử, cha mẹ ông lần lượt qua đời. Ông

(Xem tiếp trang 8)

SỞ TAY THƠ

CHIẾC GƯƠNG

Không thể tìm lại trong chiếc gương khuôn mặt xưa của mình

Mọi chiếc gương không mang kỷ ức
Một người đàn bà khác xấu xí và kỳ dị
Giờ nhảy múa trên gương mặt người đàn bà.

Không mang theo kỷ ức, những chiếc gương
luôn chứa đầy hiện tại chân thực nhưng ác độc
và đau đớn
và gương mặt già nua, xấu xí không ngừng nhảy múa,
không ngừng nhạo báng quá khứ của mình.

Người đàn bà đập vỡ chiếc gương thành trăm mảnh
trong cơn tuyệt vọng
Vẫn không tìm lại được dù một mẩu quá khứ
Và một trăm người đàn bà già nua và xấu xí được sinh ra
Với trái tim già băng trong bóng đêm nhảy múa.

Từng bước, từng bước nâng đến gần người đàn bà
xấu xí và già lạnh
Và cúi đầu thừa nhận sự thật của mình
Ngay lúc đó nâng nhận ra gương mặt người đàn bà
già nua, xấu xí
Chỉ là tấm vải rách tối màu bọc gương mặt thuở xưa.

NGUYỄN QUANG THIẾU

Lời bình của ĐẶNG VĂN TOÀN

Bài thơ là câu chuyện soi gương của một người đàn bà với diễn biến tâm lý rất đặc trưng, giàu nữ tính.

Bốn khổ thơ được kết cấu thành 3 đoạn.

Đoạn một gồm hai khổ đầu là thực tế buồn, hiện tại buồn của người đàn bà khi nàng đứng trước gương và nhận ra, mình đã đi qua thời son trẻ của mình. Vì trong thâm tâm, nàng luôn nhớ rằng, luôn ý thức rằng, mình ngày xưa trẻ đẹp. Thế mà bây giờ, xuất hiện trên chiếc gương lại là một người đàn bà khác xấu xí và kỳ dị chứ không phải "mình" ngày xưa. Cụ thể hơn nữa, trớ trêu hơn nữa, người đàn bà này lại không ngừng nhảy múa/ không ngừng nhạo báng quá khứ của mình.

Thế thì quá lắm. Nàng không chịu nổi. Liền giang tay đập vỡ chiếc gương kia.

Thì một tình huống mới lại xuất hiện: Chiếc gương vỡ ra làm trăm mảnh nhỏ và ngay lập tức, lại có một trăm người đàn bà già nua và xấu xí được sinh ra/ Với trái tim già băng trong bóng đêm nhảy múa.

Chỗ bất ngờ, chỗ giỏi của bài thơ là tạo tình huống, nhất là tình huống thứ hai này. Đập vỡ gương đi muốn cho hả cơn tức giận, mong nó biến đi, khuất mắt, đầu ngờ nó lại sinh sôi ra nhiều hơn như thách thức, như trêu ngươi!

Cái gương chỉ là cái cố.

Nhờ cái cố ấy mới có những tình huống ấy rồi mới có sự thay đổi, sự thừa nhận ở hai câu cuối cùng:

Từng bước, từng bước nâng đến gần người đàn bà
xấu xí và già lạnh

Và cúi đầu thừa nhận sự thật của mình

Dè dặt và thận trọng. Thế là phải thôi. Không thừa nhận thực tế, thực tại dù nó phũ phàng, dù nó đau buồn xa xót, là mù quáng, là tự lừa dối mình. May là sự tỉnh táo thừa nhận đến kịp thời đã giúp nàng nhận ra gương mặt người đàn bà già nua, xấu xí/ Chỉ là tấm vải rách tối màu bọc gương mặt thuở xưa.

Cái gương mặt thuở xưa mình đã từng có, từng sở hữu. Giờ nó được bọc, được "lưu giữ", vẫn "còn đấy"... Vậy khổ cuối, đoạn cuối coi như một cuộc thương lượng. Và cuộc thương lượng đã xong. Chỉ cần suy nghĩ lại, suy nghĩ thêm, mọi chuyện sẽ trở nên sáng rõ, xoay chuyển tình hình. Nó an ủi, động viên, tức giải tỏa tâm lý người đàn bà, cũng là giải quyết vấn đề cho bài thơ. Cả người đọc cũng cảm thấy nhẹ nhõm.

Thông thường, người ta lúc còn trẻ thì kỳ vọng vào tương lai. Còn khi đã đứng tuổi thì hay lưu luyến nhớ lại những dấu ấn, kỷ niệm đẹp như muốn tự khẳng định mình, có khi còn pha thêm chút lòng tự hào, kiêu hãnh.

Tâm lý ấy là một phần tình cảm trong đời sống con người. Nó chính đáng, trong sáng, đẹp đẽ. Chỉ có điều nên có mức độ, biết dừng, chứ đừng để đi quá một giới hạn nào đó. Được thế, nó sẽ là hành trang tinh thần quý báu giúp người ta đi tiếp những đoạn cuối cuộc đời. ■

TÌNH CHA

(Tiếp theo trang 7)

đưa vợ con lên ở với ông trong trạm gác rừng, hy vọng vợ chồng chung lưng khai phá đất đai, trồng cấy, nuôi nấng mầm mống của đời ông. Nào ngờ một ngày ông đi rừng về chỉ thấy thằng Cù ngồi dựa cửa, khóc không ra tiếng. Ông hốt hoảng công thằng Cù đi tìm mẹ cho nó. Hôm sau và hôm sau nữa, cả thằng trời bỏ công đi tìm, ông đã băng qua cả chục con suối, vượt qua mấy mươi ngọn đồi, hú gọi khản cả cổ vẫn chẳng thấy bóng dáng mẹ thằng Cù đâu. Mãi sau này dân phố chợ mách, cô ta đi theo thằng buồn gỗ. Cô ta đi để đổi đời. Ông đau điếng, ông không ngờ, người đàn bà quê mùa mà thoát đày đã thay lòng, đổi dạ, coi ông chỉ như cây cầu cho nàng bước qua. Đời đen bạc đến thế là cùng. Ông đành ngậm ngùi nuôi thằng Cù bằng hai nỗi đau: một nỗi đại khờ và một nỗi nghèo khó.

Thành phố không có chỗ cho ông trú chân, ông ngồi dậy lấy ống tay áo lau khô nước mắt và quyết định đi ngược lại con đường cũ, sáng mai sẽ tìm hướng đi tiếp.

Ra khỏi thành phố, cứ theo con đường lớn ông nhằm về hướng núi mà đi. Vừa đi, ông vừa lục trong trí nhớ ôn lại những ngày ông vừa trải qua. Nhớ cái lúc ông đi kiếm một chỗ ngả lưng trên bờ một cái hồ nước lớn, giữa thành phố, đúng lúc người ta đang kéo nhau đi tiệc tùng. Xung quanh tấp nập những người, xuýt nữa ông va phải tay bạn học hồi phổ thông. Hần hần đang làm ông chủ hay đang giữ một chức vụ gì to lắm, nên diện mạo thật sang trọng, đi đứng đầy vẻ tự tin. May cho ông, lúc ấy đồng người, hẳn không nhìn thấy ông. Hú vía. Lại một lần ông đang cầm cúi đi vào một con ngõ nhỏ, bỗng đầu năm sáu con chó từ trong cổng không nhúc nhúc lao ra, con cao lớn như con bê, con lùn tí nhưng lưng to bằng cái cái yên ngựa, lông vàng xộm, cùng mấy con cún con ngắn ngắn cứ nhảy chồm chồm, nhe những cái răng nhọn hoắt, vàng khè chỉ chọc vào mắt ông, làm ông choáng, đổ xục xuống. May người nhà chạy ra kịp, nếu không chúng đã ngoảnh và tha ông như tha một con mèo. Bây giờ mới chỉ ngồi nghĩ lại, hai đầu gối ông vẫn còn bủn rủn. Còn cái đận ông vừa lợm khộm bước lên

bậc cửa cái nhà có bọn thanh niên, nam, nữ ngồi trước những cái máy tính, chưa nhìn rõ mặt đứa nào đã bị một tiếng con gái xoe xoe từ gian trong bắn ra: "Này ông già kia, tìm gì ở đây, đi đi. Chết khiếp đi được". Đi đi, nghĩa là mệnh lệnh, ông không được phép bước thêm một bước. Ông lại giật thót người.

Trở về nhà, ông Gù ngủ mê man, ngủ như người đã chết. Đang ngủ, ông nghe có tiếng gọi cửa. Tiếng gọi vừa nhỏ, vừa ngập ngừng như tiếng của người côi âm. Ông Gù cố mở mắt, ngóc đầu, đồng tai nghe và phán đoán thực, hư:

- Bố ơi! Mở cửa cho con, mau lên!

Tiếng gọi dừng được vài giây, lại có tiếng gõ cửa, lần này có vẻ gấp gáp hơn, tuy âm thanh vẫn nhỏ, nhưng đanh, ông nhận ra đúng tiếng gọi ban đầu, nhưng có vẻ như khẩn thiết hơn và đầy bí ẩn:

- Mở cửa cho con vào nhanh đi, bố.

Đến lúc ấy ông nhận ra chính xác tiếng thằng Cù. Ông vùng dậy, lao ra mở cửa.

Thằng Cù nhào vào nhà đem theo một luồng hơi lạnh. Nó vừa thở, vừa ôm chặt người ông, âm hiệu không cho ông bật đèn, không cho ông nói to và nó hỗn hển thì thầm trong nỗi hoảng sợ đến tột cùng:

- Bố! Chúng nó sắp đến đây để giết con.

Ông Gù hốt hoảng quỳ xuống ôm lấy đôi chân thằng Cù giọng lạc đi:

- Trời ơi! sao đến nông nỗi này! Nói mau đi con!

- Chúng nó vừa giết người cướp của ở ngã ba bố ạ, con sợ quá bỏ chạy, chúng sợ con khai ra nên đuổi theo giết con để bịt đầu mối.

- Chúng nó là những đứa nào, có ở thị trấn này không? Bố sẽ bảo người đến bắt hết bọn nó.

- Không! Không kịp rồi bố ơi, chúng nó đến chân dốc rồi, toàn những đứa không cha, không mẹ, không nhà. Chúng nó liều mạng lắm.

- Bình tĩnh đi con. Được rồi bố sẽ có cách! Con biết bố từng làm nghề giữ rừng rồi chứ?

Thằng Cù gật đầu, nhưng nó ngơ ngác chưa hiểu bố

nó sẽ làm gì?

- Bây giờ con cởi áo ra để mai bố giặt, hãy mặc tạm chiếc áo của bố rồi lên giường nằm đắp chăn và ngủ đi một giấc, mai sẽ bình yên thôi con! Nào bố ra lệnh: nghe bố đi con. Thằng Cù ngoan ngoãn làm theo.

Thằng Cù nằm, mắt nó chăm chú nhìn ông, gương mặt nó lộ rõ vẻ non nớt, thánh thiện. Bỗng ông quay lại, ôm ghì nó vào lòng:

- Con nhớ nhé, từ bây giờ con không đi đâu nữa, mãi mãi con phải ở nhà với bố! Nhớ không con?

Thằng Cù chớp chớp mắt, nó gạt liến mấy cái - Còn bây giờ nếu bố không gọi, tuyệt đối con không được lên tiếng. Chuyện đơn giản, bố đã có cách rồi, sẽ êm thôi! Thế nhé! Ông khe khẽ khép hai cánh cửa gỗ và đi ra ngoài.

Thằng Cù nằm im trong bóng tối, nó run lẩy bẩy, cố đoán xem bố nó sẽ làm gì với bọn giết người ấy? Nghĩ mãi nó vẫn không đoán ra. Cuối cùng, hơi ấm của căn nhà, của cái chăn bông làm nó thiếp đi lúc nào không hay.

Tỉnh dậy, thằng Cù thấy trời đã mờ mờ sáng. Nó hồi hộp đưa mắt nhìn khắp gian nhà, lại nhòm ra ngoài khe cửa. Có tiếng chim lích rích. Nó nhớ lại chuyện đêm hôm qua, thế là nỗi lo sợ lại ập đến khiến nó co rúm người lại. Phải vài lần lưỡng lự, cuối cùng nó chui ra khỏi chăn, rồi bò ra phía cửa nhìn ra ngoài qua khe cửa. Tất cả vẫn yên ắng. Nó hồi hộp rút nhẹ chốt cửa rồi nhón chân bò ra ngoài sân.

Hết đoạn bờ rào găng, bỗng thằng Cù khựng lại. Trước mắt nó, cách cửa nhà chừng mười mét, bên ngoài cánh cổng ghép bằng những cành rào tre là bố nó, mặt vàng ệch, ngồi dựa lưng vào một bên cổng, hai tay sõng suốt, cặp mắt nhoeo nước khấp hờ, người ông hình như đã cứng.

Nó trở mắt nhìn vào chỗ có một vết dao sâu hoắm, máu loang gần khắp cái ngực lép kẹp, xuống đến vạt áo, giờ đã sậm lại. Nó tròn tròn mắt, miệng há hốc khi nó nhận ra cái áo bố nó đang mặc trên người là áo của nó, vải thô, in hoa to như những bàn tay có năm ngón xoe ra. Loại áo của bọn thanh niên chơi bời đang thịnh hành, trên tay là một cây gậy bằng gỗ. Thằng Cù hiểu ra tất cả. Nó quỳ mọp xuống dưới chân cha nó.

Có lẽ lần đầu tiên nó biết thế nào là tình cảm và đặc biệt hơn đó là tình cha con. ■

V.T.M

TRANG THƠ CÁC TÁC GIẢ NỮ TP. HỒ CHÍ MINH NHÂN NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM 20-10

THU NGUYỆT

Mẫu tử

Ngày mẹ mất bông cà na rụng trắng
Hoa như mưa nhòe nhoẹt rồi tôi bởi
Trong nắm đất con lấp từ biệt mẹ
Có rất nhiều những cánh hoa rơi.
Hoa cũng như đời mẹ, mẹ ơi!
Nở lặng lẽ và rơi lặng lẽ
Cổ đơn nào hơn những người mẹ trẻ
Con chưa đủ lớn khôn để chia sẻ vui buồn.
Giọng ru buồn lên lên hoàng hôn
Ba mươi năm sau đời con mới hiểu
Nỗi cô đơn mẹ âm thầm gánh chịu
Nhiều như bông cỏ dại quê mình.
Giờ con cười bên những đứa con xinh
Nghe nước mắt chảy vào trong lặng lẽ
Bông cà na vẫn trắng tinh như thế
Nỗi cô đơn vui xuống đất muôn đời.
Ngắm con khờ con thắm gọi mẹ đi...
Mưa tí tách ngoài thềm như tiếng vọng
Nhìn lên vách con khóc cùng với bóng
Mẹ bây giờ mới hiểu mẹ ngày xưa.

VÕ THỊ KIM LIÊN

Chị

Chị trở về sau cuộc chiến tranh
Một tay không còn, tuổi xuân cũng mất
Năm tháng đi qua cửa lòng khép chặt
Đêm đêm tìm về cùng bóng hình anh

Nữ phụ chị, anh không về nữa
Sau trận công đồn anh hòa làn hương
Để mình chị với mảnh gương rơi vỡ
Sỏi bên nào cũng khắc khoải nhớ thương!

Năm mươi tuổi chị giành quyền làm mẹ
Tiếng thị phi ném trả cho đời
Nước mắt quyền nộ cười con trẻ
Để tròn đầy nửa mảnh gương soi.

PHAN NGỌC THƯỜNG ĐOAN

Chiều hoa cúc

Nắng đã tắt trên con đường về
mây ngừng trôi trong chiều em qua
cỏ lặng yên mùi hương khép lại
phía trời xa một vệt trắng non

không có gió lòng sao lay động
rưng rưng
đổ xuống
bóng tàn
con sông cạn khoe bờ lau sậy
ai gọi đỏ khăn giọng điệu ru

em ngơ ngác nhìn mùa qua vội
ngày cuối năm lặng lẽ đi về
dấu chân in chuỗi dài khắc khoải

nắng đã tắt
đường còn dài thăm
lời trăm năm ai nhớ hẹn hò
hoa cúc vàng kiêu sa vườn cũ
em mang về vỏ sò bờ xa.

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Em và núi

Lên núi
đưa tay ra là chạm được hương
giọt sương suốt ngày ẩn trong lá cỏ
như em luôn ẩn trong anh
trong trái tim phơi mở

Lên núi
đưa tay ra là chạm đỉnh trời
hơi thở ngọt mùi rượu cầm
như em luôn bơi trong men cay
trong tình yêu chan chứa

Có một lúc nào đó
anh tìm ra em không?
như tìm giọt máu
như tìm hình bóng
Lên núi
với hai tay rỗng không
cùng lồng ngực tràn ứ tên anh
chợt hiểu vì sao cô những tình yêu không cần lên tiếng...

ĐẶNG NGUYỆT ANH

Ru lời ngàn năm

Tưởng nhớ những bạn gái
hy sinh ở Trường Sơn thời chống Mỹ

Ru em sáng tỏ trăng rằm
Tóc xanh gối đất êm nằm rừng xa
Thịt da con gái nồn nà
Em ơi, bom đạn Mỹ qua lâu rồi....

Thương thời mười tám, hai mươi
Khát khao hơi thở một người con trai...
Ru em năm tháng rộng dài
Tình yêu bạn gái, nào người trăm năm!

Sốt rừng, muỗi vắt, đạn bom...
Tuổi xuân em đã hiến dâng trọn đời
Vắng trăng trinh nữ em ơi
Ôm em đất hát ru lời ngàn năm!

KHÁNH CHI

Nhà thơ

Một người mù
Thối sáo trên phố
Tiếng sáo thành con mắt
Nhìn vào cuộc sống
Nhìn vào con người
Rộn rã reo vui
Rưng rưng mọi nỗi niềm

Một người câm
Vẽ tranh góc công viên
Màu sắc thành âm thanh
Tiếng ca tiếng hát
Tiếng vui buồn nức nở khát khao

Nhà thơ cô đơn không tình yêu
Phiêu lãng trên cánh đồng số phận
Làm thơ về những nhánh cỏ
Nhưng con diều còn và đứt dây
Về những tiếng reo vui
Tiếng buồn than nức nở
Thơ thành con mắt tỉnh, mắt thức
Thơ thành trái tim yêu.

HÀ PHƯƠNG

Thơ

Như tình yêu
không thể nào định nghĩa
Thơ
Chợt đến
chợt đi
và một hôm nao
Lại vô cơ lại tàn

Tôi hé mắt nhìn qua kẽ tay
Vàng nắng gắt
Thời gian mù bụi
Không gian tít tắp
Câu thơ nào tôi nhặt
Câu thơ nào lặng lẽ ném đi

Vứt xa niềm vui
Vứt xa nỗi buồn
Vứt xa tuổi trẻ
Điều gì rồi cũng vứt xa
Riêng thơ
vứt nhỏ.

LÊ THỊ KIM

Nỗi đau

(tặng mẹ Sen)

Ru con cong mái phố
Mẹ nhặt về nỗi đau
Giữa cuộc đời bấn chạt
Đòn gánh oằn mắt sâu

Chưa một tiếng ngọt ngào
Đẩy xô qua đời mẹ
Toàn những lời đắng cay
Bây giờ con khôn lớn
Lại nói tiếng giận hờn
"Mẹ khổ nghèo chỉ rửa
Cho con- đời mưa tuôn"

Có nắm cục than hồng
Không đau như lòng mẹ
Có nẻ hết đôi chân
Rất đau bằng mắt mẹ...

Làm một con suối cạn
Sống trong đời cô thật
Lời ru cong mái phố
Mẹ nhặt về nỗi đau...

TÔN NỮ THU THỦY

Đoàn xe đã ra đi

Những chiếc xe
Rừng mình nổ máy
Tiếng còi đỏ
Buổi mai, buổi mai trong tươi
Mặt trời ở phía sau những con người
Dâng vườn như sóng
Ra đi

Nơi ngã ba
Con đường tiếng chim câu hòa trong tiếng biển cả
Con đường xe lam trở về bến đỗ
Đoàn xe đi biên giới xa lắc
Người lính giữ gìn sự sống trên từng tấc đất

Có cần nôi những lời thật dài
Về tình yêu đất nước.
Tôi phải làm thế nào
Trên những ngã đường vừa trống vắng?

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

NGHỆ THUẬT VIẾT TRUYỆN NGẮN CỦA ALICE MUNRO

JEANNE MCCULLOCH và MONA SIMPSON (Canada)

KHÔNG có chuyến bay trực tiếp từ thành phố New York đến Clinton, Ontario, thành phố nơi Alice Munro đang sinh sống, nên chúng tôi đã thuê một chiếc xe hơi ở Toronto và lái xe vòng vèo suốt ba tiếng đồng hồ mới đến được ngôi nhà mà nữ sĩ đang sống cùng người chồng thứ hai là Gerry Fremlin. Đó là một căn nhà khá lạ, có một sân sau và một vườn hoa. Munro nói rằng, căn nhà này là nơi mà Fremlin được sinh ra và hiện tại, bà đang làm việc tại đây. Chúng tôi đã trò chuyện với Alice Munro trong ba ngày liên tiếp để tìm hiểu về Nghệ thuật viết văn của bậc thầy truyện ngắn người Canada này. Buổi sáng cuối cùng của chúng tôi ở Canada, Munro đã chỉ đường cho chúng tôi đến ngôi nhà mà bà đã lớn lên. Sau khi luồn lách qua rất nhiều con đường nhỏ hẹp, chúng tôi đã tới được căn nhà tuổi thơ của Alice Munro. Đó là một căn nhà được xây bằng gạch, đối diện với một cánh đồng. Thật dễ dàng để tưởng tượng ra cuộc sống tuổi thơ của Munro ở đó.

Mặc dù là người đã giành được khá nhiều giải thưởng văn học, song Alice Munro vẫn tỏ ra rất khiêm tốn khi nói về sự nghiệp văn chương của mình. Bà là một người phụ nữ rất kín đáo và ít nói, tuyệt đối không khoe khoang về những thành tựu của bản thân. Khi được hỏi về công việc viết văn, bà từ tốn trả lời rằng, điều cần thiết nhất đối với một nhà văn chính là sự chăm chỉ. Bất cứ một sáng tác nào cũng cần nhiều thời gian để hoàn thành. Với Munro, viết văn là một công việc nghiêm túc và bà đã dành toàn bộ cuộc đời của mình cho văn học. Giống như Cynthia Ozick đã từng nhận xét, Alice Munro là một "Chekhov của Canada".

Cha của bà là Robert Eric Laidlaw, một người nông dân và mẹ là Anne Clarke Laidlaw, một giáo viên. Khi nói về thời thơ ấu của mình, Munro có một thái độ rất dịu dàng. Cha của bà đã sống tại ngôi nhà giữa trang trại chăn nuôi cào và chồn cho đến khi ông qua đời. Munro cũng lớn lên tại đó và bắt đầu những câu chuyện đầu tiên từ hiện thực cuộc sống của Ontario.

Phóng viên (PV): Những câu chuyện trong bộ sưu tập đầu tiên của bà, *Điệu nhảy của những cái bóng hạnh phúc* (*Dance of the Happy Shades*) có phải là một cộng hưởng giữa Ontario và thời thơ ấu?

Munro (M): Các câu chuyện trong tập này đã ghi lại cả 15 năm mà tôi sống tại Ontario. *Ngày của bướm* (*The Day of the Butterfly*) là một trong những truyện ngắn đầu tiên. Có lẽ tôi đã viết nó vào năm tôi 21 tuổi. Tôi còn nhớ rất rõ, tôi đã viết *Cảm ơn chuyến đi* (*Thanks for the Ride*) để tặng đứa con đầu lòng của mình khi tôi 22 tuổi. Những câu chuyện còn lại của bộ sưu tập được tôi viết ở tuổi 23.

PV: Bà có thường đọc lại những tác phẩm của mình không?

M: Có một truyện ngắn mà tôi đã phải đọc lại tại Harborfront là *Những ngôi nhà phát sáng* (*The Shining Houses*), hai hay ba năm trước đây, cho lễ kỷ niệm của tạp chí Tamarack. Đó là một việc khó khăn. Tôi nghĩ là tôi đã viết nó trong khoảng thời gian tôi 22 tuổi. Cách viết của tôi ngày đó và bây giờ không giống nhau và tôi phải vất vả chỉnh sửa, nhớ lại tất cả các thủ thuật tôi đã từng dùng tại thời điểm đó. Tôi cố gắng để sửa nó cho nhanh nhất. Khi đọc lại những gì đã viết, tôi có thể nhìn thấy được những gì mà tôi không bao giờ làm tại thời điểm hiện tại.

PV: Bà có bao giờ xem lại những truyện ngắn sau khi nó được xuất bản không?

M: Có chứ! Tôi đọc lại một lần các tuyển tập bởi vì tôi muốn tự nhìn lại bản thân, đồng thời sửa chữa lần cuối cùng và điều chỉnh những sai sót. Tuy nhiên, việc đọc lại các tác phẩm đã viết thường gây cho tôi cảm giác khó chịu. Vì vậy, tôi không đảm bảo việc tôi sẽ đọc



lại tất cả chúng.

PV: Bà có làm việc cùng với các biên tập viên của bà không?

M: Làm việc với các biên tập viên của tờ Người New York (*The New Yorker*) là kinh nghiệm chỉnh sửa văn bản đầu tiên của tôi. Trước đây, tôi rất muốn có những gợi ý từ họ cho các bản thảo của mình. Tôi cần có những đánh giá sắc sảo, nghiêm khắc và nó là thứ khiến tôi không thể lừa dối bản thân. Chip McGrath của *The New Yorker* chính là biên tập viên đầu tiên của tôi. Ông ấy là một người rất tốt, cho tôi nhiều hướng dẫn và tôi đã hoàn thành các câu chuyện của mình một cách tốt hơn nhờ vào những gợi ý từ các biên tập viên. Thường thì chúng tôi trao đổi với nhau về các bản thảo qua đường bưu điện, điện thoại, thì thoảng gặp gỡ một lần. Tôi đã gửi tất cả những truyện ngắn đầu tiên của tôi cho *The New Yorker* trong những năm 1950, sau đó là những tạp chí khác của Canada.

PV: Bà bắt đầu viết văn từ khi nào?

M: Tôi bắt đầu tập tành viết lách từ khi học lớp bảy hoặc lớp tám gì đó. Tôi đã phải nghỉ học đại học giữa chừng vì tôi không có tiền. Tôi học được hai năm tại Đại học Tây Ontario nhờ vào học bổng. Với tôi, đó là khoảng thời gian tuyệt vời nhất trong thời niên thiếu. Tôi đã không phải làm việc nhà trong suốt thời gian đó. Sau khi nghỉ học, tôi đã kết hôn. Lúc ấy, tôi 20 tuổi. Tôi và chồng mới cưới của tôi đã chuyển đến Vancouver. Chúng tôi nghĩ đến việc có một ngôi nhà của riêng mình và em bé nữa. Đó là lý do tôi sinh đứa con đầu lòng ở tuổi 21. Tôi đã viết không ngừng nghỉ trong suốt thời gian tôi mang thai vì tôi nghĩ rằng, có thể, tôi sẽ không viết được gì nữa sau đó. Mỗi thai kỳ đều khiến cho tôi mong mỏi tạo ra một cái gì đó trước khi em bé được sinh ra. Một người bạn của chồng tôi đã đến thăm chúng tôi vào thời gian tôi mang thai đứa con gái lớn. Ông ấy ở lại với chúng tôi khoảng một tháng hoặc là lâu hơn để làm bộ phim mới của ông ấy. Người bạn đó đã nói với chúng tôi rất nhiều câu chuyện thú vị, trong đó có câu chuyện về cuộc sống của một thị trấn nhỏ trên vịnh Georgian và chuyến đi của ông ta cùng với một cô gái địa phương. Đây chính là khởi điểm để tôi viết nên truyện ngắn *Cảm ơn chuyến đi*.

PV: Bà xuất bản cuốn sách đầu tiên khi nào?

M: Vào năm tôi 36 tuổi. Vì biên tập viên của Ryerson Press, một nhà xuất bản tại Canada đã nói rằng, tôi có thể xuất bản một cuốn sách của riêng mình thay vì kết hợp với những tác giả khác, nếu tôi có đủ số truyện ngắn cần thiết, nên tôi đã viết thêm *Hình ảnh* (*Images*), *Anh em cao bồi* (*Walker Brothers Cowboy*), và *Tấm bưu thiếp* (*Postcard*) trong khoảng thời gian cuối cùng, trước khi cuốn sách được xuất bản. Tôi đã viết một cách vô cùng chăm chỉ trong những năm tuổi trẻ của mình.

Chúng tôi có một tiệm sách và tôi làm việc tại đó mỗi ngày. Tôi cầm cùi viết lách, uống với một ly cà phê, tất bật với việc nhà, cố gắng trích ra một quỹ thời gian dành riêng cho việc viết bài.

Hầu hết các truyện ngắn của tôi đều được viết vào các giờ nghỉ trưa. Tôi đã làm việc rất tốt với cuốn sách thứ hai của mình, *Cuộc đời các thiếu nữ và những người đàn bà* (*Lives of Girls and Women*). Tôi sống cùng với 3 đứa con gái của mình và 1 đứa nữa của cô bạn gửi nhờ trông nom hộ và trông coi cửa hàng sách 2 ngày trong một tuần. Tôi thậm chí phải làm việc đến 1 giờ đêm và thức dậy vào 6 giờ sáng. Tôi đã từng nghĩ là tôi sẽ chết mất vì mệt mỏi và thiếu ngủ, khi tôi 39 tuổi. Đó thực sự là một cuộc đua tuyệt vọng đối với tôi. Tôi từ bỏ việc viết một cuốn tiểu thuyết vì tôi biết rằng, tôi hoàn toàn không có khả năng cho một công việc như thế, cho dù chỉ là một cuốn tiểu thuyết bình thường về thời niên thiếu hay thời thơ ấu.

PV: Bà bắt đầu viết một truyện ngắn khi đã có sẵn một cái sườn trong đầu?

M: Không hoàn toàn đúng. Các câu chuyện thường thay đổi hướng đi trong lúc viết. Thông thường, tôi có sẵn hướng đi cho câu chuyện trước khi tôi bắt tay vào viết. Trước đây, tôi không có nhiều thời gian dành cho việc viết lách, nên nhiều khi các câu chuyện tôi muốn viết phải nằm lại rất lâu trong đầu. Bây giờ thì đơn giản hơn, tôi viết nó vào những cuốn sổ ghi chép. Tôi có cả đồng những cuốn sổ ghi chép như thế. Tôi viết đầy những ý tưởng của mình ở trong đó, hy vọng sẽ hoàn thành nó vào một ngày nào đó. Tôi đọc lại những gì mình đang viết, theo dõi những lỗi sai và kéo mình quay lại để chỉnh sửa chúng.

PV: Làm thế nào để bà nhận ra là đang đi sai đường?

M: Tôi có thể viết trong một ngày và tưởng là mình đã làm rất tốt, rồi không muốn tiếp tục vào ngày hôm sau. Thế nên, tôi thường phải ép mình tiếp tục công việc. Khi tôi phải miễn cưỡng đi tiếp, tôi nhận ra những sai lầm của mình. Thông thường, ba phần tư quãng đường tôi đã đi là trơn tru, dễ dàng và một phần tư còn lại là thứ quyết định tôi nên đi tiếp hay dừng lại. Tôi nhận ra được điều này trong khoảng 1 hoặc 2 ngày suy nghĩ, đau khổ. Tôi nghĩ về một cái gì đó khác mà tôi có thể viết. Nó cũng giống như một kiểu của tình yêu vậy, bạn cảm nhận được những đau đớn và thất vọng sau khi đi chơi với một người đàn ông mới, nhưng chưa biết phải làm như thế nào, và rồi đột ngột nhận ra đã sai ở đâu và phải làm gì với nó.

Cũng có khi tôi không thể dứt khoát được, và tôi buồn chán suốt cả ngày. Những lúc như thế này, tôi thực sự rất khó chịu. Nói chung là tôi sẽ làm một cái gì đó trước khi tôi quyết định từ bỏ tác phẩm bị lỗi. Quá trình này có khi kéo dài suốt cả một tuần. Trong thời gian đó, tôi cố gắng cứu vớt nó và kết quả của những cố gắng thường không tốt. Tôi có thể tạo nên những thay đổi cho tác phẩm của mình, thường thì là những thay đổi vô cùng triệt để. Điều đó có thể không khiến cho câu chuyện của tôi trở nên tốt hơn, nhưng ít nhất nó cho tôi cái cơ hội để tiếp tục viết. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm và ra lệnh cho bản thân phải làm bằng được. Tôi có thể thay đổi quan điểm và cả giọng điệu nữa, khi mà tôi thấy nó thực sự cần thiết. Đôi khi, tôi có ý định viết một câu chuyện chỉ đơn thuần là để giải trí mà thôi. Tuy nhiên, tôi sẽ vô cùng đau khổ nếu như phần lớn những gì tôi viết chỉ phục vụ cho việc "giải trí". Thì thoảng tôi cũng viết được một tác phẩm trong một thời gian cực kỳ ngắn, như là *Người bạn thời trẻ của tôi* (*Friend of my Youth*) chẳng hạn.

PV: Bà là người thích đi du lịch, nhưng các tác phẩm của bà chủ yếu là viết về nông thôn, tại sao vậy?

GIẢI NOBEL VĂN HỌC NĂM 2013

TRƯA 10-10-2013 theo giờ Thụy Điển, Giáo sư Peter Englund, thư ký suốt đời của Viện Hàn lâm Thụy Điển đã thay mặt Hội đồng chấm giải, tuyên bố: Giải Nobel Văn học năm 2013 đã thuộc về Nữ nhà văn Canada Alice Munro, bởi bà là "Bậc thầy của truyện ngắn thế giới đương đại".

Alice Munro sinh ngày 10-7-1931 tại thị trấn Wingham, thuộc tỉnh Ontario, Canada. Mẹ bà là giáo viên, còn cha bà là một nông dân tháo vát. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, bà tu nghiệp nghề báo và tiếng Anh tại Đại học Tây Ontario, nhưng bỏ học giữa chừng rồi lấy chồng năm 1951. Cùng với chồng, bà định cư ở bang Victoria, vùng British Columbia và mở một hiệu sách. Munro viết truyện từ thuở thiếu thời, nhưng chỉ xuất bản cuốn sách đầu tiên năm 1968, tập truyện ngắn **Điều nhảy của những cái bóng hạnh phúc**, và nhận được sự quan tâm đáng kể ở Canada. Trên các tạp chí, bà xuất hiện từ đầu những năm 1950. Năm 1971, Munro xuất bản tuyển tập truyện ngắn **Cuộc đời các thiếu nữ và những người đàn bà**, mà các nhà phê bình coi như một *Bildungsroman* (dạng sách giáo dục, trong đó biến chuyển tâm lý của nhân vật chính là trọng tâm).

Munro nổi tiếng trước hết bởi truyện ngắn, và bà cũng sáng tạo nên nhiều tuyển tập chất lượng. Có thể kể đến các tập: **Bạn nghĩ bạn là ai?** (1978), **Những mặt trăng của sao Mộc** (1982), **Trốn chạy** (2004), **Khung cảnh nhìn từ Lâu đài đá** (2006), và **Quá đỗi hạnh phúc** (2009). Tuyển tập **Mỗi thủ, Tình bạn, Phán xét, Tình yêu, Hôn nhân** xuất bản năm 2001 trở thành nội dung chính của bộ phim **Thoát khỏi Nàng** ra đời năm 2006, do nữ đạo diễn Sarah Polley chuyển thể. Tuyển tập gần đây nhất của Munro là **Cuộc sống miễn thương** (2012).

Munro được thừa nhận nhờ lối kể chuyện thấm thía, tinh tế, đặc trưng cho sự trong trẻo và chủ nghĩa hiện thực nhân văn tâm lý. Một số nhà phê bình coi bà như một Chekhov của Canada. Truyện của bà thường lấy bối cảnh là cuộc sống trong một thị trấn tỉnh lẻ, nơi cuộc đấu tranh cho một chỗ đứng giữa xã hội lại gây ra những xung đột đạo đức và các mối quan hệ căng thẳng- những thứ phát sinh từ sự khác biệt thế hệ và khát vọng cuộc sống. Văn chương của bà chủ mục đến những sự kiện hàng ngày nhưng có tính quyết định, những mầm mống mới có thể minh họa cho thế giới xung quanh, và tạo ra những câu hỏi lớn lao trong một ánh chớp.

Hiện bà đang sống tại thị trấn Clinton, gần ngôi nhà tuổi thơ miền Tây Nam Ontario.

Tổng hợp lại, Alice Munro đang là chủ nhân của 16 tác phẩm được xuất bản bằng tiếng Anh, trong đó có 6 tuyển truyện ngắn; 13 bằng tiếng Pháp; 9 bằng tiếng Thụy Điển; 11 bằng tiếng Tây Ban Nha; 15 bằng tiếng Đức... Và được nghiên cứu, bình chú trong 19 công trình của các chuyên gia văn học trên khắp thế giới.■

PV (Theo Nobelprize.org)

BẮT NGỜ TẠI STOCKHOLM 2013

MẶC dù chỉ là người được đặt cược thứ hai, đứng sau tiểu thuyết gia người Nhật Bản Haruki Murakami trước khi lễ trao giải Nobel Văn học 2013 diễn ra, nhưng bậc thầy truyện ngắn của Canada, Alice Munro lại là người giành chiến thắng cuối cùng. Bà trở thành người phụ nữ thứ 13 nhận được Nobel văn học. Đây là một vinh dự cực kỳ lớn lao cho một đời văn. Từ lâu, Alice Munro đã được công nhận ở Bắc Mỹ và Vương quốc Anh, song, Giải Nobel sẽ khiến bà trở thành tác giả được cả thế giới biết đến. Trước khi giành vinh quang tột đỉnh này, Munro là tác giả từng đoạt giải Man Booker năm 2009 và gần như tất cả giải thưởng văn chương quan trọng của Bắc Mỹ.

Vì là người viết truyện ngắn nên tác phẩm của bà cũng dễ bị người ta bỏ qua. Tuy nhiên, với một tác giả Nobel văn học thì lại là chuyện khác. Bất cứ khi nào một giải Nobel được trao, các phương tiện thông tin sẽ thi nhau đăng tải, và Alice Munro sẽ trở thành một ngôi sao sáng chói, bất ngờ hiện lên giữa văn đàn quốc tế. Tất cả người đọc, giới phê bình sẽ chú ý đến bà, gọi tên bà và đọc các tác phẩm của bà.

Con đường dẫn đến giải Nobel đối với Munro không hề dễ dàng. Tỷ lệ đặt cược cho người chiến thắng chưa một lần đặt bà ở vị trí đầu tiên.

Được sinh ra vào năm 1931 nên Munro cũng là người phải trải qua rất nhiều khủng hoảng trong tuổi thơ và thời thanh xuân vì Chiến tranh thế giới thứ II.

Những năm 1950 – 1960, khi Munro mới bắt đầu sự nghiệp từ một người nội trợ, luôn bị phê bình là tác phẩm quá nhàm chán và bị coi thường bởi các nhà văn nam. Có một nhà văn đã nói với Munro rằng, anh ta không muốn có quan hệ với một nữ nhà văn và điều đó khiến cho người phụ nữ sẽ trở thành một nhân vật nổi tiếng sau này tức giận. Khi những nhà văn nam trích thượng này vào trong những câu chuyện của Munro, họ trở thành những kẻ khoe khoang, xấu xa, tệ hại. áp lực của điều kiện vật chất khó khăn và sự bức bối vì phải đối mặt với sự cười nhạo của người khác đã khiến Alice Munro bùng nổ. Xấu hổ và bối rối trở thành động lực cho các nhân vật của bà. Nghiệp văn của bà nhiều thất bại hơn thành công. Ngày còn trẻ, Munro là một người



phụ nữ lãng mạn, thích những điều lãng mạn. Tuy nhiên, cuộc sống không dễ dàng đã lôi nữ nhà văn đang lơ lửng trên mây xuống mặt đất, quảng đi những câu chuyện vô vị và thay vào đó là thực tế trong những cảnh đời bình thường với giọng văn sắc sảo và thẳng thắn.

Nói về giải thưởng Nobel của bản thân, Alice Munro thể hiện nó như một niềm hạnh phúc bất ngờ nhất: "Tôi biết là tôi được lọt vào vòng sau, nhưng tôi

chưa bao giờ nghĩ mình sẽ chiến thắng." Tuy nhiên, vì đã là người chiến thắng nên bà hy vọng rằng "điều này sẽ khiến cho người đọc quan tâm nhiều hơn đến truyện ngắn của tôi và coi nó như những tác phẩm nghệ thuật quan trọng."

Peter Englund, thư ký trọn đời của Viện Hàn lâm Thụy Điển, sau khi đọc thông cáo báo chí đã nói thêm rằng, "Munro đã tạo nên một hình thức nghệ thuật cho truyện ngắn hiện đại và bà đã gieo trồng nó một cách thành công gần như là hoàn hảo." Trong một cuộc phỏng vấn của Book Lounge, Alice Munro đã nói, "Tôi nghĩ là tôi không mấy thành công trong việc viết văn vì tôi không có bất kỳ tài năng nào." Tuy nhiên, ban giám khảo của Nobel năm nay lại tuyên bố rằng, "Nếu Munro không giành được giải thưởng cao quý này trước khi vĩnh biệt thế giới, đó sẽ là một thiếu sót khủng khiếp."

Ban Giám khảo Nobel đã quyết định dành cho Alice Munro một bất ngờ bằng việc gửi cho bà một tin nhắn thông báo chiến thắng vào lúc 4 giờ sáng. Stephen Harper, thủ tướng đương nhiệm của Canada đã gửi một lời khen ngợi đến Munro như một nữ nhà văn Canada đầu tiên đoạt được giải thưởng văn học cao quý nhất: "Canada vô cùng tự hào về thành tựu đáng chú ý này, nó là kết quả của một đời viết văn nổi bật nhất."

Người chiến thắng giải sẽ giành được 1.2 triệu đôla. Những tác giả lọt vào vòng chung kết của giải Nobel năm nay, ngoài Munro còn có hai tác giả người Mỹ là Joyce Carol Oates, Philip Roth, và Haruki Murakami của Nhật Bản. Munro tuyên bố rằng, bà sẽ nghỉ hưu cùng với giải thưởng Nobel, vì bà đã viết liên tục từ khi còn là một cô gái 20 tuổi cho đến tận bây giờ.■

VŨ NAM

Tổng hợp từ Internet

M: Khi bạn sống ở một thị trấn nhỏ, bạn sẽ được nghe nhiều điều về đủ loại người. Đó là điều mà bạn không thể có được khi ở một thành phố. Tôi sống hầu hết thời gian ở nông thôn, và bạn bè của tôi là những phụ nữ nông thôn. Tôi có thể tiếp xúc với một câu chuyện dưới mọi hình thức thay vì chỉ là một thông báo trên báo chí, và cũng có cơ hội quan sát nhiều hơn. Tôi cũng không gặp bất kỳ vấn đề gì với việc tìm kiếm tài liệu. Nó luôn tràn ngập trong đầu tôi. Đó là cuộc sống của cha mẹ tôi, các dì, bà ngoại, trang trại cào của cha tôi, những người hàng xóm,... Những câu chuyện của họ không bao giờ kết thúc cả. Đó là lý do tác phẩm của tôi tràn ngập cuộc sống nông thôn. Tôi thích những câu chuyện, những giai thoại từ thời thơ ấu của những người thân thiết xung quanh tôi.

PV: Phần lớn các câu chuyện của bà sau khi tái hôn đều được thiết lập tại Ontario. Là do bà chọn lựa điều này hay do hoàn cảnh đưa đẩy bà trở về chốn cũ?

M: Do tôi chọn lựa. Ngôi nhà tại Ontario thuộc về mẹ chồng tôi. Gerry sống ở đó để chăm sóc cho bà. Quang cảnh xinh đẹp ở đây cũng là một trong những thứ đã níu kéo tôi. Thật tuyệt vời khi chúng tôi có cùng một quan điểm và tôi nhận ra rằng, tôi sẽ không bao giờ rời khỏi nơi này một lần nữa. Mặc dù là người có được thành công ngay khi tập truyện ngắn đầu tiên ra đời, vì nó đã đoạt được giải thưởng Toàn quyền (Governor General), một giải thưởng văn học danh giá của Canada vào năm 1968, nhưng tôi lại thất bại hoàn toàn trong tham vọng viết một cuốn tiểu thuyết. Những lời đánh giá từ người khác đối với tôi tuy không phải là quan trọng lắm, nhưng nói gì thì nói, nó vẫn có thể khiến tôi bị tổn thương. Tôi cảm thấy xấu hổ vì những lời chê trách.

Với tôi, đọc sách là tất cả cuộc sống cho đến khi tôi 30 tuổi. Tôi thực sự sống trong các cuốn sách. Các nhà văn của miền Nam nước Mỹ là những người đầu tiên khiến tôi xúc động. Họ đã viết thật hay về cuộc sống nông thôn, cuộc sống mà tôi biết rất rõ. Tôi yêu thích Eudora Welty, Flannery O'Connor, Katherine Ann Porter và Carson McCullers. Khi viết, tôi có cả sự tự tin lẫn nỗi sợ hãi. Tôi là một người phụ nữ, một người mẹ, một bà nội trợ, tôi ý thức rõ điều đó và tôi cũng biết rằng, trong thời đại của tôi, văn chương là lãnh thổ của những người đàn ông. Nó khiến cho tôi lo lắng và đánh mất niềm tin của mình. Thế nào mới là một nhà văn tự tin? Các tờ báo địa phương không hề đá động gì đến tôi trong thời gian cha tôi còn sống, vì họ thực sự quý mến ông ấy, nhưng đến khi cha tôi mất đi thì lại là chuyện khác. Tôi phải đối mặt với tất cả những chỉ trích, phê bình. Họ nói truyện của tôi tệ hại, ngôn từ không đẹp, khó hiểu,...

PV: Bà thường viết mấy ngày trong một tuần? Và bà nghĩ gì về việc nghỉ hưu?

M: Cả bảy ngày. Tôi viết vào các buổi sáng, bắt đầu từ 8 giờ và kết thúc vào khoảng 11 giờ. Tôi không thích phải tạm dừng công việc của tôi vì những chuyện khác. Tuy nhiên, tôi vẫn đều đặn đi bộ mỗi ngày, khoảng 3 dặm, như một thói quen. Viết văn với tôi cũng như thói quen đi bộ mỗi ngày vậy. Tôi không chắc về việc tôi có dừng lại hay là không. Nếu tôi không còn viết nữa, có lẽ, tôi cần một cái gì đó để lấp đầy vào khoảng trống mà tôi đã mất. Tôi nhận ra là tôi đã không có bất cứ một thứ gì khác ngoài việc viết, để làm đầy cuộc sống của mình. Nếu tôi buộc phải nghỉ hưu, có lẽ, đó là một việc làm miễn cưỡng.■

THÁI LƯƠNG

Lược dịch theo Theparisreview.org

MỖI TUẦN GẶP MỘT NHÀ VĂN

Nhà thơ Lê Giang tên khai sinh Trần Thị Kim, sinh năm 1930. Quê quán: Tp Cà Mau.

Tác phẩm chính đã xuất bản: Phím đàn xanh, Bông vạn thọ, Ôi anh chàng hát rong...(thơ); Tim ngọc ở quê mình (bút ký, 1987); Suu tập, suu tằm: Bộ hành với ca dao (2004); Công trình suu khảo: (cùng với đoàn suu tằm Dân ca Nam bộ); 250 điệu Lý quê hương (1995); 300 điệu Lý Nam bộ (2002); Chuyên khảo: Tim hiểu dân ca Nam bộ (1983); Dân ca người Việt ở Nam bộ (2000); Biên niên sử âm nhạc: Hành khúc giải phóng (với Lư Nhất Vũ - Lê Anh Trung, 2010) cùng nhiều tập văn, bút ký và Dân ca các miền.

CHỊ NĂM LÊ GIANG

KIM QUYÊN



SINH ra bên dòng sông Gành Hào nơi vùng quê cuối miền đất nước của Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, nhà thơ Lê Giang đã sớm mang trong mình cái tính can cường, phóng khoáng của miệt nắng, gió, biển và rừng Cà Mau nên mới mười lăm tuổi, cái tuổi thiếu nữ còn nhiều mộng mơ nhưng chị đã sớm lên đường tham gia kháng chiến chống Pháp, rồi từ đó, bước chân xuôi ngược từ Nam ra Bắc với những công tác và nhiều ngành nghề khác nhau. Thời đất nước chia cắt, chị ra Bắc học văn hóa, học chính trị rồi trở về miền Nam chiến đấu từ năm 1963, làm công tác y tế. Trong lúc đang làm nhiệm vụ của ngành y thì hoàn cảnh khiến xui đưa đẩy chị đến với thơ, và suu tằm, phổ biến thơ ca dân gian ở các tỉnh phía Nam.

Đến với văn chương khá muộn, đời văn chương của nhà thơ giống như đoá hoa nở muộn nhưng không vì thế mà kém sắc phai hương, trái lại hương sắc ngày càng thêm mặn mà, đậm thắm. Suốt chặng đường thơ, giờ đây "gia tài" của chị thật phong phú, giàu có: 6 tập thơ, 7 tập bút ký, tản văn, 7 tập biên soạn sách dân ca, 7 kịch bản phim tài liệu nghệ thuật, cùng với nhạc sĩ Lư Nhất Vũ soạn 6 kịch bản và lời ca (nhạc cảnh và hợp xướng), chủ biên cùng chồng và con là nhạc sĩ Lê Anh Trung) 2 tập sách âm nhạc...

Mới đây, nhà thơ vừa ra mắt bạn đọc tuyển tập thơ, tập tản văn và bút ký "Ưi Chỉ có vậy thôi". Cẩm hai quyển sách trên tay, tôi không biết đọc quyển nào trước, quyển nào sau vì cuốn nào cũng có vẻ "bất mất", mời gọi.

Tôi "nhâm nhi" quyển thơ trước vì rất thích thơ của chị. Không phải thấy thơ được phổ nhạc nhiều và nổi tiếng rồi "bất quàng làm họ", mà dòng thơ của chị có nét đặc thù rất riêng của Nam bộ, dân dã chân chất, sâu lắng, tinh tế, phóng khoáng, hồn nhiên và...có hơi thơ.

"Tuyển tập thơ Lê Giang" dày trên 400 trang với gần 200 bài thơ là những "bài ký thơ", miêu tả những cảm xúc, những hình ảnh mà nhà thơ từng sống, từng trải nghiệm, gắn bó máu thịt với quê hương, làng xóm, với bạn bè, hàng họ và gia đình.

Cà Mau, quê hương của nhà thơ "Lang thang gió cát", hơn nửa đời người đi dãi cát tìm...những câu ca dao, hò vè, hát ru của mọi miền đất nước. Đời người nhặt nhạnh, kiếm tìm để dâng cho đời những điệu lý câu hò, những câu thơ chảy ra từ tâm can, máu thịt, đó là dòng thơ trữ tình của người con đất Mũi. Lặng mạn lắm! Thiết tha nghĩa tình quá đối!

Một áng mây xa mờ man cuối trời
Một cánh chim xa trập trùng cuối đất
Một đứa con yêu tìm về kỷ ức
Chân mây chiếu đỏ rực ánh hoàng hôn...
Thao thức Cà Mau, ta làm ánh sao khuya
Chong mắt tự tình bờ bãi vắng
Làm cánh nhận gọi trời yên biển lặng
Nước lờn nước ròng xuôi ngược với sông quê..."

(Thao thức Cà Mau)

Trên suốt dọc dài đường thiên lý, trải bao thăng trầm của cuộc đời, nhà thơ không chỉ nhớ về quê hương của mình mà nơi nào đã dừng chân, chị đều gửi gắm một chút tình riêng:

Nơi xa xôi anh đến
Giữa chiều dứt cơn mưa
Phủ Riềng xôn xao lá
Nắng lung linh đất vàng
Khi lòng đất trào dâng
Trắng phau dòng sữa mẹ
Anh yêu em người thợ
Vắt sữa rừng cao su...

(Phủ Riềng xôn xao lá)

Lên Phủ Riềng thì nhớ người công nhân "Vắt sữa rừng cao su", về Hậu Giang lại thương từng tên xóm, tên làng:

Mảnh đất này thương lắm, Hậu Giang
Từng tên xóm, tên làng sao mộc mạc
Như Vinh Viễn, Lương Tâm, dòng Trong dòng Dục
Mãi êm trôi xanh sắc thắm mây trời!...
Như dáng người chung thủy đứng chờ ai
Năm tháng đợi nghiêng mình soi bóng nước
Hậu Giang ơi! Đất miền Tây bát ngát
Nỗi niềm vui trang trải giữa mộng mênh!...
(Mảnh đất này thương lắm Hậu Giang!)

Ông bà tôi chèo ghe trên sông Hậu, sông Tiền
Bán lá lợp nhà cho người đi khẩn hoang lập nghiệp
Đêm khuya khoắt thă mái dãi, mái cụt
Giò đưa con buồn ngủ lên bờ
..Thương cha mẹ ông bà tìm lại bước xa xăm
Qua sông Hậu, sông Tiền, xuống Ô Rô, Rạch Gốc
Theo câu hát của người đi mở nước
Đừng để lòng mình lúc đục, lúc trong..

Còn nhiều bài thơ viết về miền Tây với những cảnh tình khác nhau khiến cho người đọc như chìm vào dòng sông cảm xúc, dạt dào với bao yêu thương quyến luyến mà nơi đó không phải chỉ riêng quê hương của tác giả mà cũng là quê của mọi người ở miệt đồng bằng châu thổ. Dòng thơ của chị đã phần là hoài niệm, là những cảnh sắc thiên nhiên luôn gợi nhớ về kỷ niệm hay con người. Nói về thơ chị, nhà thơ Vũ Quần Phương nhận định " ...Đọc thơ Lê Giang cần nhập vào tâm trạng tác giả, sống vào hiện thực thơ sẽ đi xa hơn những cảm xúc bà gửi trong câu chữ. Lê Giang thường trực một lòng yêu quê hương xứ sở. Dĩ vãng trong bà như một dây đàn căng, một cảnh một việc của hôm nay đọng tới là ngân nga, xao xuyến..."

Đêm nay mình ngủ đâu là bài thơ tôi rất thích vì tứ thơ gợi lên nhiều điều mà chỉ những người đã dạn dày trong cuộc chiến vừa qua mới thấm hết nỗi gian nan cơ cực của những đôi lứa đang mùa yêu đương mà không có nơi chốn yên bình để tâm tình chia sẻ, cuộc đời luôn bất an từng giây phút, "Sống nay chết mai", rày đây, mai đó, chưa định được nơi nào là mái ấm gia đình, nên họ thường bàn khoăn lo lắng những chuyện tưởng như là bình thường, là vụn vặt:

Chưa biết đêm nay mình ngủ đâu
Có thể Thác Mơ, không chừng Núi Giò
Anh là chồng, còn em là vợ
Cứ hỏi nhau hoài đêm nay ngủ đâu?...
Đang gối đầu lên mũi đất Cà Mau
Bỗng se lạnh vắng trắng khuya Bến Giá
Vừa mới cơm chiều với mẹ già Long Phú
Đã xạc xào đồng cỏ Lai Khê
... Cuối Trường Sơn bay bổng tiếng đa đa
Giật áo cho chống chiếu chiếu phơi nắng môt
Đâu cũng thấy đôi ta tuần trăng mật
Đâu cũng khẽ khàng in dấu nụ hôn...

Những câu thơ là những câu hỏi nghe lạ lùng, khó hiểu mà ngầm kỷ lại thương đến xót xa.

Tình yêu đối với gia đình qua thơ của tác giả cũng mang đến cho ta bao điều suy ngẫm. Hạnh phúc, khổ đau, yêu thương, hờn giận, bông đùa, cắc cớ... đều thể hiện trong từng ý thơ. Nhà phê bình Hoài Anh đã có câu ví von về đời thơ của tác giả " Một đời người đi cả trên.. thơ". Có lẽ vậy, đối với chị, đọc thơ hiểu được người, dù ý tứ có kín đáo thâm trầm, dù văn phong có dùng phép ẩn dụ, xa xa gần gần thế nào, người đọc vẫn cảm được bao nỗi niềm thâm kín.

Tuổi đời đã qua bát thập nhưng giọng thơ vẫn như ngày xưa, trữ tình, lãng mạn, đa cảm... Viết về tình yêu, chị bày tỏ như cô gái còn xuân trẻ lắm:

Anh đi bên em chiều chiều
Càng yêu ánh đèn thành phố

Ước mơ chân trời rộng mở
Cho tình yêu ta bay xa
Một chiều một chiều lại qua
Những chiều tình yêu còn đó
Như bầu trời quê lộng gió
Như dòng sông quê ru êm
Ta là cánh chim báo yên
Ta là mùa xuân đến sớm
Tình ta hóa thành sức sống
Dâng đẩy trời cao quê hương..."

(Đi trong chiều tình yêu)

Đa cảm, phóng khoáng với thơ thì ở mảng tản văn cách kể chuyện lại có vẻ bông đùa, hóm hỉnh, đôi lúc đầy triết lý sâu xa ẩn bên trong nụ cười để truyền lại cho con cháu những kinh nghiệm quý giá về cuộc sống bằng những trải nghiệm của chính bản thân mình mà không hề có một chút "lên gân, lên cốt" nào. Những tản văn nho nhỏ vui vui đã phác họa được cuộc sống hàng ngày với cách nhìn đời đầy lạc quan, mặc dù cuộc sống riêng tư có quá nhiều thăng trầm, trôi nổi.

"Sau mười mấy năm xa cách, tôi trở về thăm cha mẹ. Nơi ấy có bao buồn vui biến động để cho tôi mang theo trên đường đời thuở tuổi mười lăm, bắt đầu cuộc phiêu lưu đầy may mắn, luôn gợi nhớ quê nhà nơi cha mẹ sinh tôi...Cái mà tôi mang theo ấy, lạ thay- đó là cái mùi bếp núc của má, cái mùi của người đàn bà đảm đang quán xuyến". (Khởi bếp không tan). Nhớ về người mẹ nơi quê nhà, tác giả không nói điều gì cao xa mà chỉ nhắc tới mùi bếp núc và mùi cây trái ruộng đồng mà quanh năm má chăm chút miếng ăn thức uống cho gia đình, nỗi nhớ sao quá gần gũi, thân thương.

Nói về tài nấu ăn với món kho khô quệt của mình trong những ngày chiến tranh gian khổ, tác giả kể "... Ngày ở rừng, tôi đã nổi tiếng món kho quệt đã lừng lẫy nổi danh đến nổi trong một cuộc họp mặt rất đông anh em, nhạc sĩ H.H đã đứng lên giới thiệu: Xin giới thiệu nhà thơ Lê Giang nổi tiếng nhờ món kho quệt không thể nào quên. Ăn bữa cơm nhà chị, món kho quệt bao giờ cũng là món khiến cho người ăn nhớ đời, bữa cơm vừa ngon miệng vừa ấm tình bạn bè, luôn rộn vui tiếng cười tiếng nói, tràn ngập không khí gia đình".

Những chuyện sinh hoạt hàng ngày trong nhà được chị kể lại với giọng văn hóm hỉnh mà không kém phần tinh tế trong cung cách cư xử giữa vợ chồng "Sáng nào ông Năm cũng tập đi bộ rồi xách nước tưới mấy chậu kiểng mà vợ ông trông ngoài hàng ba, ông thích ngắm nghĩa rau cải hoa trái xung quanh nhà. Sau mỗi đêm, ông phát hiện chúng bỏ vôi, nảy mầm, he hé vãi chum bông khế.. ông liền thông báo cho vợ. Tuy nhiên, vợ ông đã phát hiện hết tội từ lúc ông tập đi bộ, nhưng bà cũng chạy ra cùng ông chỉ trỏ, làm như ông là người đầu tiên nhìn thấy chúng..."(Mặt ông ruối).

Tuy cuộc đời riêng lắm nỗi thăng trầm nhưng nhà thơ luôn là người lạc quan yêu đời yêu người, sống theo cung cách khuyên dạy của bà mẹ "Khóc không cho ai nghe, cười cho mọi người biết", mọi nỗi ưu tư buồn vui về chuyện nhà, chuyện xã hội chị đều trang trải trên trang giấy với đôi mắt bao dung và tấm lòng vị tha.

Đã vượt qua tuổi 80 nhưng xem ra nhiệt tình và tài năng vẫn còn sung mãn. Nhà thơ cùng nhạc sĩ Lư Nhất Vũ vẫn dong duỗi trên con đường suu tằm, thu lượm những tài sản quý báu về văn hóa nghệ thuật dân gian để giờ đây gom góp được một kho vốn quý phi vật thể khá đồ sộ mà khó có người nào làm được.

Người viết bài này không thể nói hết và không có khả năng viết đầy đủ, tròn trịa, chân xác một chân dung nhà thơ nữ như chị Năm Lê Giang.■

CHUYỆN LÀNG VĂN NGHỆ

NĂM 2000, sang một thế kỷ mới, mẹ tôi quyết định chuyển vào sống ở TP. Hồ Chí Minh. Vậy là già từ Hà Nội, nơi mẹ đã gắn bó từ năm 1954, sau khi rời những cánh rừng kháng chiến về đoàn Ca Múa Trung ương, rồi trở thành một người nghệ sỹ của nhân dân, được nhân dân yêu quý, với những bài hát gắn liền với tên tuổi của mẹ...

Thật sự việc mẹ tôi vào TP. Hồ Chí Minh với tôi là niềm một hạnh phúc, vì từ tuổi ấu thơ tới tận lúc bấy giờ, chẳng mấy khi tôi được ở gần mẹ. Ngày nhỏ, tôi ở với ông bà. Lâu lâu nhớ mẹ quá thì xin bà 5 xu đi tàu điện xuống khu văn công Cầu giấy thăm mẹ... Lớn thêm chút nữa theo trường học đi sơ tán, rồi cầm súng ra mặt trận... Đến khi hết chiến tranh thì lại ngược xuôi khi ra bắc, khi vào Nam trên những chặng đường mưu sinh...

con trai tôi, mẹ tôi còn nhiều bà con thân thiết, nhiều đồng nghiệp, đồng cảnh, và đặc biệt là những người bạn của tôi và của Châu - Hoa... Cũng ở đây tôi thường gặp nhiều đồng nghiệp nghệ thuật thân thiết của mẹ mà từ ngày nhỏ, tôi vẫn gọi là cô, là chú. Như cô Phùng Thị Nhân, nghệ sỹ Nhân dân, biên đạo múa. Cô Nhân cũng như cô Chu Thúy Quỳnh, thân với mẹ tôi từ thuở còn ở đoàn ca múa TỰ, và tình cảm ấy luôn thấm thiết qua hàng chục năm, nay lại gần nhau giữa Thành phố nên lại càng thấm thiết. Hay như cô Lê Chi - chú Mai Khanh, chú Quốc Trụ, nhất là vợ chồng NSND Ngọc Châu và chú Trần Chất, một giọng hát quân đội nổi tiếng. Nhiều buổi trưa cô chú chờ nhau đến chơi với mẹ tôi, những hào quang một thời mây mù mịt mịt nói cười ríu rít, rồi cơn cơn nước nước đái đàng nhau, rồi

hàng tháng ngoài mặt trận lửa đạn... Tôi ở với ông bà, còn Châu và Như thì đi trại trẻ, đứa trại này, đứa trại kia. Lâu lắm lắm mới được bố mẹ tới thăm một lần... Sau này lớn lên, Châu cũng như tôi nhập ngũ, rồi Châu học đại học kỹ thuật quân sự, rồi sang Nga làm tiến sỹ, rồi lấy vợ cũng là sinh viên Việt Nam học tại Nga là Nguyễn Thanh Hoa, con gái đầu lòng của nhà thơ Tố Hữu. Đạo ấy bác Tố Hữu ngoài là nhà thơ còn là một cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và nhà nước. Kể từ đấy, Châu ở chính bên nhà vợ, kể như đi ở rể. Nhưng dù vậy, trong tình yêu của mẹ, Châu bao giờ cũng là đứa con gần gũi nhất. Châu hiền lành, tình cảm, cứ có lúc nào rảnh rỗi là ngồi tâm tình bên mẹ hàng tiếng đồng hồ, không có buồn vui gì mà Châu không tâm sự, không miếng ngon nào là không chia sẻ với mẹ. Châu

thăm mẹ, mẹ vẫy lại gần, quàng vai tôi rất âu yếm và nói: "Con gắng đi Mỹ, sang đó tìm nơi ông Thơ (nhạc sỹ Hoàng Thi Thơ) yên nghỉ, thấp cho mẹ một nắm nhang..."

Thế rồi ít lâu sau, vợ chồng tôi có dịp đi Mỹ. Cho đến khi sắp về nước, nhớ lời mẹ, chúng tôi tìm đến công viên vĩnh hằng, nơi nhạc sỹ Hoàng Thi Thơ yên nghỉ, cung kính thay mặt cho mẹ tôi thấp hương cho nhạc sỹ và thưa với ông những tình cảm của mẹ, cũng như nguyện vọng của mẹ về việc đưa những tác phẩm âm nhạc viết về quê hương đất nước rất thấm thiết của ông để giới thiệu với công chúng...

Ngay khi về nước, chúng tôi liền đến thăm mẹ. Mẹ tỏ ra rất quan tâm tới những tấm hình chụp khi chúng tôi dâng hương cho nhạc sỹ Hoàng Thi Thơ. Mẹ xem rất kỹ từng tấm hình với vẻ mặt hết sức chăm

MẸ TÔI, TÂN NHÂN

LÊ KHÁNH HOÀI (Châu La Việt)

Nữ NSUT Tân Nhân tên thật là Trương Tân Nhân, sinh năm 1932 tại làng Mai Xá, xã Gio Mai, huyện Gio Linh, Quảng Trị. Hoạt động Cách mạng từ năm 13 tuổi, từng tham gia trong Đoàn Văn công Quân đội mặt trận Bình Trị Thiên và Trung Lào, Đoàn Ca múa Nhân dân Trung ương, Đài Phát thanh Giải phóng, rồi Đài Tiếng nói Việt Nam. Bà là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhạc sỹ Việt Nam khóa II.

Tân Nhân có một giọng nữ cao trữ tình, đậm chất miền Trung. Bà thành công với nhiều ca khúc dân ca và trữ tình cách mạng như Xa khơi (Nguyễn Tài Tuệ), Tắt nước đêm trăng, Nắng Ba Đình, Tình quê, Ru con (dân ca Nam Bộ), Tình quê hương (Trọng Bằng), Anh về miền Bắc, Chim Pongkle (Nhật Lai), Lắm tươi, Bên nôi con mẹ hát (Lê Lôi), Câu hò bên bờ Hiền Lương (Hoàng Hiệp - thơ Đảng Giao), Nhớ (Lê Yên).. và một số ca khúc nước ngoài. Đặc biệt với Xa khơi, được thu âm vào thập niên 1960, bà được đánh giá là người thể hiện thành công nhất ca khúc này, và đây cũng là một ca khúc gắn liền với tên tuổi của bà, được công chúng yêu thích và đón nhận rộng rãi dù đã hơn 50 năm...

Tân Nhân đã được trao tặng Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất và danh hiệu Nghệ sỹ Ưu tú (1988). Bà mất năm 2008 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 76 tuổi.



Tôi nhớ buổi đầu đón mẹ từ sân bay về, ngay khi tới cửa, mẹ thật sự choáng: "Nhà của Hoài đây thật à?" Mẹ tôi đã không tin nổi là đứa con có thể gọi là nhiều thiết thòi trên đường đời như tôi, nay lại có một cơ ngơi như vậy. Và cũng vì những căn nhà mà mẹ đã từng ở ngoài Hà Nội, chỉ có khoảng 4m², 8m², rồi 16m² và khá nhất là một căn hộ hơn 30m² sau này, tất cả đều trong những khu tập thể chật chội, có thể nói là chen chúc nữa...

Mẹ ở đây với chúng tôi một thời gian ngắn, rồi theo nguyện vọng của mẹ muốn có một ngôi nhà riêng, chúng tôi đã tìm mua cho mẹ một ngôi nhà "hơn cả trong mơ". Đây là một ngôi nhà nằm sát sân bay Tân Sơn Nhất, cũng hơn 100m², có tầng trệt, tầng lầu, có mảnh sân nhỏ trước cửa để mẹ tôi trồng hoa trồng lá... Và ưu điểm nhất của ngôi nhà này là nằm trong khu quân đội, rất yên tĩnh và trật tự trị an rất tốt. Đặc biệt ở đây có rất nhiều các cô, các chú là nghệ sỹ, là tướng tá của quân đội, vốn là bạn thân thiết của mẹ tôi suốt hai cuộc kháng chiến, nên ngoài những lúc tẻ tẻ, thì cũng thường gặp nhau mỗi khi họp chi bộ hay họp khu phố. Mỗi lần như thế quanh bà lại đầy tiếng nói cười vui vẻ...

Kể từ ngày bố tôi mất đi, rồi Châu (em trai tôi) và vợ con sang Đức sinh sống, mẹ tôi rất tâm trạng, dù bên mẹ luôn có Như là cô em út của tôi. Vào TP. Hồ Chí Minh, có lẽ mẹ có thêm nhiều nguồn tình cảm an ủi hơn. Ngoài vợ con tôi, đặc biệt là

cùng lân cận ra ngủ như ngày nào đi biểu diễn ở khắp mọi miền đất nước...

Mặc dù đã già từ ánh đèn sân khấu nhiều năm, nhưng mẹ tôi vẫn yêu nghệ thuật lắm. Mẹ vẫn thường ngồi hát bên cây đàn piano chuyển từ Hà Nội vào. Hát cho đồng nghiệp, cho bạn bè, cho đồng chí thân yêu. Rất nhiều lần đến đây tôi đã gặp những vị tướng tên tuổi mà năm xưa ra trận chỉ biết tiếng hát mẹ tôi qua chiếc đài bán dẫn nhỏ xíu, nay về già mới có cơ hội gặp gỡ nên đã tìm đến để nghị mẹ tôi hát cho nghe lại những bài hát năm xưa... Những khi ấy thú thật là đứng ngoài cửa lắng nghe, tôi không thể quả quyết rằng hát trên một sân khấu lớn ánh đèn rực rỡ hay chỉ hát riêng cho một người lính suốt cuộc đời trận mạc, thì người nghệ sỹ thấy lúc nào là hạnh phúc hơn?... Có lẽ với một người say mê lý tưởng và yêu nghệ thuật như mẹ tôi thì mỗi khi cất lên tiếng hát như thế đều là một niềm say mê tột độ và một ý nghĩa sâu sắc như nhau...

Trong ba đứa con của mẹ thì đứa hợp với mẹ tôi nhất, được mẹ tôi thương yêu nhất, và cũng chăm sóc mẹ tôi nhiều nhất, chính là Châu. Cũng như tôi, Châu (và cả Như) đều ít được gần bố mẹ. Ngày ấy là con cán bộ, mà lại cán bộ làm văn hóa - nghệ thuật, thì chắc chắn là phải xa bố mẹ suốt, bởi bố tôi thì đi viết báo ở các tỉnh, rồi đi chiến trường. Còn mẹ thì quanh năm suốt tháng đi biểu diễn, khi trong nước, khi ngoài nước, khi thì lần lại

yêu mẹ lắm lắm, đến mức nhiều khi tôi nghĩ trong trái tim Châu không còn chỗ cho tình yêu nào khác ngoài tình yêu với mẹ... Trước khi mẹ tôi quyết định vào TP. Hồ Chí Minh, Châu và Hoa đã rất muốn đón mẹ sang sinh sống tại Đức (Châu là GS.TS tại Đại học Bochum, đã đưa gia đình sang sinh sống ở đây). Ai cũng cho như thế là rất hợp lý... Nhưng mẹ lại không nghĩ vậy. Khi nhớ con thì mẹ tôi bay sang thăm, có khi ở lại chơi hàng tháng, nhưng ở hẳn bên đó như ao ước của Châu thì không, dù mẹ rất yêu Châu và vợ con Châu...

Mẹ tôi là người rất yêu văn học, đọc rất nhiều tiểu thuyết và thân quen nhiều nhà thơ (Tố Hữu, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Xuân Quỳnh...). Trước đây khi còn đi biểu diễn, mẹ tôi cũng thường ngâm nhiều bài thơ trên sân khấu và trên làn sóng đài phát thanh, được nhiều người nghe yêu thích. Những ngày vào ở phía nam, mẹ vẫn đọc rất nhiều sách. Đặc biệt hơn là mẹ sáng tác rất nhiều thơ và có nhiều bài thơ, đặc biệt là về tình mẫu tử hay về số phận người nghệ sỹ của mẹ đọc rất xúc cảm (sau này mẹ tôi có gom lại thành tập *Nắng và đời*). Văn học, nhất là thơ ca, như một sự đồng cảm, sẽ chia với mẹ. Qua những dòng thơ ấy, ai cũng cảm nhận được trong con người của mẹ, ngoài là một danh ca, còn là một tâm hồn thơ nhiều rung cảm, nhiều day dứt với đời...

Cuối năm 2007, một lần sang chơi

chú, nhưng không nói thêm một lời nào...

Điều hết sức kinh ngạc là chỉ 4 hôm sau, trong một buổi sáng như mọi sáng mai, khi ra quét sân, mẹ bất ngờ ngã xuống vì một cơn đột quỵ. Và kể từ khi ấy, mẹ tôi không một lần mở mắt...

Từng ngày tết trời qua, chúng tôi cứ ước mong năm mới mẹ sẽ mạnh khỏe hơn, thì bất ngờ sáng mồng 8, hơi thở mẹ trở nên rất yếu ớt... Rồi mẹ tôi lặng lẽ ra đi... Thật ra mẹ đã chuẩn bị cho ngày ra đi từ rất lâu rồi. Mẹ có một chúc thư căn dặn chúng tôi từ nhiều năm trước, và cũng từ ấy, anh em chúng tôi hứa với mẹ sẽ quyết thực hiện chúc thư của mẹ không sai một điều gì...

... Mẹ tôi ra đi đã 5 năm, nhưng nhiều người vẫn không nghĩ mẹ đã mất. Chúng tôi, những người con của mẹ cũng như vậy. Đến tận hôm nay, khi đâu đó giữa đất trời, và trong tâm hồn những đứa con, những bạn bè anh em của mẹ, mỗi khi những giai điệu mượt mà của *Xa khơi* hay *Câu hò bên bờ Hiền lương*, của *Chim pongkle* hay *Gió mùa thu mẹ ru con ngủ*... vang lên, nhiều người vẫn thốt gọi Tân Nhân... Tân Nhân và *Xa khơi*, Tân Nhân và *Câu hò bên bờ Hiền lương*... vẫn còn sống mãi, đẹp đẽ và vĩnh cửu giữa cuộc đời này...■

Chị ngồi vẹo cổ ngẩng nằng qua ô cửa sổ. Cái dáng ngồi thất thểu đến tội nghiệp ấy không làm cho mấy vật nặng vàng đang nhảy nhót ngoài kia bớt lung linh. Chỉ có điệu mảnh vườn nhỏ quá, nó chỉ bằng một thềm đất nhỏ mà ở quê người ta vẫn thường chừa lại làm lối. Thế mà chị cố trồng được đủ thứ, hai dây hoa sen cạn chạy dài, một giàn hoa tím xuân leo kín tường, một cây ớt lúc nào cũng sai quả lúc lỉu để bổ chống ngấm măng. Riêng phần của mẹ chồng là mấy cây đinh lăng, vài ba bụi cối xay, cỏ sữa, cam thảo đất. Toàn mấy thứ thảo mộc chị lấy tận quê ngoại xuống để mùa hè bớt cảnh phơi ướn nước cho hạ nhiệt. Vậy thôi cũng đã chật cứng cả vườn, chật đến mức muốn đi hái thứ gì là phải lách nghiêng chân để tránh dẫm vào cây cỏ. Thế mà mấy hôm nọ chồng chị mua về cả đồng hạt rau diếp cá, xà lách; húng chó, tía tô... Anh bảo trồng lấy một lượt khu vườn, chỉ đúng chỗ hai hàng hoa sen cạn rồi bảo "hoa hoét làm gì, có ăn được đâu". Nói xong phăng phăng hết hoa của chị và gieo hạt rau xuống đó. Đây là cái lí do mấy ngày hôm nay chị hay ngồi ngẩn cổ nhìn ra mảnh vườn tiếc nuối...

Chị đang ngồi ước giá mà lòng chị cũng nhảy nhót reo vui được như những tia nắng kia, thì tiếng chuông điện thoại bàn đổ dồn khiến chị giật mình vỡ vụn dòng suy nghĩ. Ở đầu dây bên kia anh dặn gọn lỏn vài từ "Anh bận. Không về ăn cơm đâu" rồi cúp máy. Chị thở dài nghĩ ngợi, con thì đưa đi du học, đứa về quê ngoại nghỉ hè, chồng thì đi nhậu nhẹt, vậy còn nấu nướng làm gì cho mệt, chị thì ăn linh tinh gì chả được. À! Phải nấu chứ, không nấu lấy gì cho con mèo lười ăn, tính nó rất quái, bữa nào cũng phải có cơm trộn cá. Mà phải là cơm nóng, chứ mấy hạt cơm nguội khô là nó ngoảnh mông đi một mạch không thèm dấn đo. Có nhiều hôm vắng chồng con, ngồi nhai cơm nguội một mình bị nghẹn nấc nên nấc xuống. Nó ngồi chễm chệ trên cửa sổ kêu ngoeo ngoeo ý bảo "đấy, bà chủ thấy chưa, cơm khô khốc thế đến bà còn nuốt không nổi cơ sao bắt tôi ăn". Chị lườm lườm nó trách "mày thì làm được cái gì, chuột không có để bắt, suốt ngày chỉ kêu đòi ăn, luồn cuồn vướng chân". Nhưng mà nếu không có nó bầu bạn, chắc chị sẽ héo rũ trong mùa hè này mất.

Lúc chẳng có việc gì làm, chị mang những bức tranh của đứa con gái lớn ra sắp xếp lại. Nếu chị không động tay vào chúng thì bụi sẽ phủ mờ, bụi còn sẵn sàng nhấn chìm cả phòng vẽ trên tầng bốn. Từ khi nó đi du học, căn nhà này như tắt hẳn một mảng màu rực rỡ, màu của tuổi trẻ. Chị ngồi nhớ khi nó còn ở nhà, nó thường diện đồ rộng thùng thình, cắt tóc ngắn như con trai, miệng cười tươi như hoa và trốn nhà đi bụi như cơm bữa. Chả cần son phấn, mascara cũng chẳng cần nề hà phép tắc, chị cầm tuồng con bé cứ sống hồn nhiên bản năng như cây cỏ. Gặp gió thì lay, gặp mưa thì mát, gặp nắng thì trở hoa ngồng nghênh, thách thức. Ấy vậy mà chính chị lúc nào cũng mong muốn uốn nắn, bẻ cong cái mầm xanh mơn mớn ấy giống như người ta uốn bờ-rào, cây cảnh để mần nhân người đời. Cuối cùng thì được gì? Con bé căng cựa vượt xa vòng tay chị. Thời gian đầu chị đã từng rất đau khổ vì nghĩ mình đẻ con ra mà mất con, đến nay cả tâm tính nó thế nào chị cũng không nắm bắt được. Nhưng bây giờ mỗi khi ngồi một mình trên phòng vẽ của con, chị lại nở một nụ cười pha lẫn chút tiếc nuối xót xa. Chị mừng vì nó ít ra đã dám sống thật với bản thân mình. Hơn chị của ngày xưa...

Chị ngày xưa từ quê lên phố học. Bươn trải trải trập mới tồn tại vất vưởng ở thành phố này. Giống như hầu hết những đứa con gái tỉnh lẻ khác, chị mơ ước được ở lại thành phố này. Không hẳn vì chị thích sự năng động nơi đây, nói đúng hơn là chị đã mệt mỏi. Nhưng chị sợ cảm giác bị thất bại khi phải lùi thối về quê. Sợ nỗi ám ảnh nghèo đói, vất vả của đời chị sẽ kéo dài cho đời con cái sau này nếu cứ bám lấy miếng quê khốn khó. Chị bắt đầu kiếm tìm mọi cơ hội cho mình, giống như đi tìm một tấm vé thông hành để trở thành người thành phố. Ước mơ của những đứa con gái tỉnh lẻ lúc ấy chỉ có thế. Nó mãnh liệt hơn tất cả nhu cầu. Nó vùi lấp những mơ ước cao đẹp khác. Dù cho không ít người có miễn cưỡng phủ nhận nó nhưng vẫn cứ lao vào cuộc kiếm tìm điên cuồng trong cái vẻ thần nhiên thường thấy.

Chị đẹp. Đàn ông theo chị nhiều, giàu sang hay nghèo hèn đều có, trai tỉnh lẻ hay trai Hà Nội cũng đủ cả. Sẽ là dễ dàng có được tấm vé thông hành làm công dân thành phố lâu dài nếu như trái tim chị lại không trót yêu một chàng trai nghèo tỉnh lẻ. Sự đời vốn cứ thích chéo ngoe như thế mới đủ thử thách con tim. Mới có một ngày như hôm nay chị ngồi đây mà tiếc nuối. Suy cho

BỨC TRANH

Truyện ngắn của
VŨ THỊ HUYỀN TRANG



cùng chị cũng giống như con nhện sống ba nghìn năm trước cửa miếu Phật bà Quan Âm^(*). Hàng ngày ngập trong khói hương và những lời cầu khẩn vẫn chỉ ngộ ra rằng ở đời thứ quý giá nhất là thứ không có được và thứ đã mất đi. Dù sau đó, khi nhện được Phật cho vào sống cõi người dưới thân xác Châu Nhi. Để rồi trải qua nhiều buồn đau cuối cùng đã nhận ra thứ quý giá nhất chính là hạnh phúc hiện đang nắm giữ chứ không phải là thứ không có được và thứ đã mất đi. Còn chị chắc kiếp trước tu chưa thành tâm nên kiếp này vẫn chỉ tiếc giọt sương từng đến bên đời mình rồi rơi vỡ mất. Hình như ai trong chúng ta cũng vậy thôi, mỗi người mang giấc mơ về một giọt sương đã được cơn gió Trường Phong mang đến rồi mang đi sau khi lỡ gieo vào lòng ta giấc mơ lấp lánh màu hạnh phúc. Thế nên chị cứ nhớ mãi về người đàn ông đó, người mà chị đã từng yêu.

...Người từng vẽ lên trong kí ức chị một giấc mơ bình yên ấy là Phương. Phương từng bảo:

- Chúng ta sẽ hạnh phúc trong một ngôi nhà nhỏ có khu vườn rất rộng. Đất đai quê anh trù phú lắm, cánh đồng và gió trời, tiếng chim và hương hoa. Nơi đó em cứ việc trồng thật nhiều loài hoa mà em thích, một vài cây vú sữa cho các con và thật nhiều vị thuốc. Em ở nhà viết văn chờ anh sau mỗi chuyến chở hàng về là ngôi nhà lại tràn ngập tiếng cười. Nên hãy theo anh về quê đừng bon chen chốn đô thành này không hợp với em đâu.

Chị coi đó là một lời cầu hôn nhưng đã bị chối từ dù anh đã vẽ ra một thế giới bình yên mà chị đã từng ước mơ trong thâm sâu ý nghĩ. Chị chối từ vì chị sợ những giấc mơ đẹp để quá thường không thành hiện thực. Nhất là khi nghe lái xe đường dài của anh với bao nhiêu trắc trở sao có thể trở thành bến đỗ bình yên của chị. Chưa kể về trình độ học vấn và hoàn cảnh gia đình Phương cũng thua kém chị nhiều. Chị yêu Phương thật lòng nhưng chị cần một người đàn ông giỏi giang hơn

minh mới có thể chở che cho chị cả cuộc đời. Phương đã xoay vào lòng tự ái thâm sâu trong chị khi anh nói rằng thành phố này không phải là nơi dành cho chị. Chị sợ cảm giác thất bại. Phải rời bỏ một nơi nào đó trong hối tiếc cũng là một thất bại. Vì thế chị đã chọn Phan để là người bám trụ lại Hà Nội duy nhất trong số đám bạn thân hồi đại học. Chiếc vé thông hành đã có, chị quay cuồng nửa đời người ở đất này, ngoảnh lại thấy cô đơn một cõi...

Chị ngồi lau bụi trên từng bức ảnh của con. Mỗi vết lau lại hiện ra một mảng màu mơ ước. Bức tranh nào cũng ẩn hiện một cánh cửa, cánh cửa đó bị đóng kín nhất chặt một đôi mắt đang hùng hục lửa như muốn thiêu đốt tất cả. Chị có cảm giác như có cái gì đó tức tưởi, muốn căng cựa, giãy giụa để trốn thoát sự kìm hãm, tù túng. Chị nhìn rất kĩ từng bức tranh, trái tim chị đau buốt khi nghĩ về những ngày dài nhốt chặt con trong phòng vẽ. Chị giả vờ như không nghe thấy tiếng đập cửa, tiếng gào khóc van xin của con. Chị chỉ nghe thấy sự hẫ hẫ trong trái tim một người mẹ đã từng bất lực về đứa con ngang bướng. Những ngày sau con hoàn toàn câm lặng. Dù cho chị hoảng sợ đã mở toang cánh cửa thì con vẫn ngồi đó không bước chân ra thế giới bên ngoài. Chỉ sống nhờ thùng mì tôm, nước lọc và một cái nhà vệ sinh khép kín. Lúc nào chị bước vào cũng thấy con cặm cũi vể. Những cánh cửa và đôi mắt, chớp mí tựa mặt hồ thu...

Chị thích tất cả những bức tranh con vẽ như thể con bé không chỉ vẽ cho nó mà vẽ cho cả sự tù túng trong cuộc đời của chị. Chị đã sống quá nhiều cho lý trí. Giống như một cỗ máy luôn được nâng cấp, lập trình những thứ hiện đại nhất. Cuộc đời đã nhấn nút, cỗ máy cứ thế mà hoạt động. Người máy thì không có trái tim. Còn chị thì dường như đã đánh rơi trái tim ở đâu đó khi mang lời cầu hôn của một người đàn ông thả lên trời. Chị giờ ngồi tưởng tượng ra khu vườn thật rộng, chị ngồi đọc sách trên một chiếc xích đu màu trắng. Dưới tán cây râm mát chim chóc hót véo von, vào mùa thu lá vàng phủ đầy lối đi, phủ êm đềm những giấc trưa không mộng mị. Chị sẽ viết những câu thơ mang đôi cánh của gió, mang màu sắc của hoa và tiếng nói cất lên từ tâm hồn chân thật nhất.

Ở mảnh vườn như thềm đất thừa này hàng ngày chị nhìn những loài cây chen chúc nhau để đón ánh nắng, để mọc chồi, đơm bông. Khi chị ngồi bên cửa sổ đọc sách, những câu chữ như cũng đang căng cựa muốn nhảy bung khỏi trang giấy đóng khung. Mọi thứ đều trở lên ngọt ngào và nhẹ nhàng. Thằng nhỏ nhà chị chỉ mong nhanh đến hè là ra tàu về quê ngoại để tránh lặt học hè đầy đặc. Để được theo ngoại đắp mương tát tép, được leo đèo theo thằng em con nhà chú đi thả diều trên núi, được lúi lúi ngô khoai nhem nhuốc những ngày hè. Mỗi lần con từ quê điện lên, chị nghe thấy trong tiếng cười vô tư lự của con dường như có chút tiếc nuối vu vơ của chị. Con bảo:

- Đạo này chiều nào ngoại cũng phải lên núi tìm con. Cứ thả diều một lúc thấy gió thổi mát rượi là nằm xuống ngủ quên lúc nào không biết. Con biết chỗ nào ngày xưa mẹ hay mang ngô lên nướng, biết cả chỗ mẹ ngồi trú mưa những hôm đi chăn trâu. Bây giờ cái hốc đá đó mọc lên toàn nấm, nấm gì hay lắm mẹ ạ, có rất nhiều màu sắc.

Chị nghe con kể mà muốn trốn phố về quê. Muốn bỏ lại căn nhà bốn tầng lúc nào cũng thấy thiếu tiếng người. Chồng chị đi công tác suốt ngày, đôi khi chẳng phải vì công việc anh cũng vui thú bạn bè ở một miệt vườn xa lắc lư nào đó. Hình như trong nhà chị ai cũng chán phố nên bỏ lại ngôi nhà này cho chị trông nom. Chiều nay đứa bạn thân điện hỏi thăm, sau tràng cười giòn tan, sau câu chuyện công việc chồng con, bạn không quên hỏi chị một câu đau đến điếng lòng:

- Thế nào, làm người thành phố có thấy thích không? Chị bỗng tắt nụ cười, mắt rơm rớm bảo:

- Đạo này chưa gì đã mắc bệnh tuổi già. Ngày nào cũng chỉ ngồi nhớ cổ hương thôi.

Bạn lại bảo:

- Minh chuyển về đây công tác đã chục năm rồi, gấp đôi cả quãng thời gian đã sống ở dưới đó. Vậy mà thi thoảng vẫn nhớ phố đến cồn cào nữa là...

- Vậy hóa ra chúng ta thiếu cái gì thì nhớ cái đấy à?

- Cũng có thể là vì ai cũng cần phải có một cái gì đó để tiếc nuối, nhớ nhung. Nhớ nhung cũng giống như một món đồ trang sức càng đẹp thì càng đắt. Đời ảo nhỉ?

Chị cười bảo bạn đạo này học đâu cái thói ưa triết lý. Ở đầu dây bên kia không nghe thấy tiếng cười. Nắng bên này cũng tắt. Con mèo nằm cuộn tròn trên cửa sổ lìm dim mắt. Chị lại nhốt mình trong phòng tranh của con gái và ngắm nhìn những đôi mắt đang căng cựa.

(*) Câu chuyện về con nhện trên cửa miếu Phật Bà Quan Âm.

HƠN 30 năm, tôi rời khỏi đồng ruộng để đi "lên rừng xuống biển", nhìn ngắm thiên hạ mà tìm kiếm cái đẹp. Đến khi tóc đã pha sương, tôi mới chịu ngồi lại định thần nhìn ngắm thật kỹ, thật sâu cái làng quê của mình. Rồi bất chợt, tôi nhận ra những vẻ đẹp của đồng quê, trong đó, có vẻ đẹp của phụ nữ nông thôn. Họ là những người mẹ, người chị, người em tay chai mặt nám. Nếu ta chịu khó vạch khói đốt đồng bay đi, vạch rơm rạ nắng tấp mưa sa ra, thì trước mắt ta sẽ hiện ra một người phụ nữ nông thôn thuần hậu.

Tôi có người chị bà con cô cậu ruột tên Trần Thị Hên. Chị thứ sáu, nên tôi gọi theo cách gọi địa phương là chế Sáu. Năm nay, chị đã 71 tuổi mà còn rắn rỏi lắm. Người chị ốm o nhưng nụ cười thì ấm áp lạ. Gần trọn cuộc đời chị sống trong cái làng ngày bé tôi sống. Làng nằm ven sông Bạc Liêu, sau lưng là cánh đồng phèn mặn. Mùa mưa, dân làng tôi đi cấy cấy, mùa hạn gặt lúa, đập rơm. Lúc nông nhàn thì đi giăng lưới, cầm câu kiếm sống. Những mùa mưa nắng đi qua, nhiều chục năm đi qua, nhịp sống làng tôi vẫn vậy. Quả là cái làng thuần nông thứ thiệt.

Chị tôi từ cái làng thuần nông ấy sinh ra rồi lớn lên. Nghe nói ngày xưa chị đẹp nhất xóm. Thế nhưng, đương Hai tôi (ba chị) bắt ép gả cho anh Sáu tôi (chồng chị). Anh Sáu mặt đen như đất nồi, lại rồ tàn ông, giò cẳng ốm tong ốm teo, sức khỏe yếu lắm, lại đi kháng chiến biến biệt. Nói vậy chứ thì thoảng anh cũng có vẻ. Mỗi lần về chỉ tặng chị một... đứa con, chứ chẳng giúp được gì. Vậy mà họ ở với nhau đến đầu bạc răng long, có bấy mặt con, ít nghe tiếng cãi vã. Chỉ có điều chị cực lắm, thay anh xốc vác việc nhà như đàn ông. Ba giờ sáng, người ta đã nghe chị lo mọ nấu cơm, rồi bốn giờ đã đi phát cỏ. Đến xế chiều, chị lại lặn ngụp cấy lúa đến đỏ đèn. Nhìn cái đường phằng chạy dài hơn một thước của chị, đám thanh niên le lưỡi lác đầu. Một tay chị dựng vợ gả chồng cho bấy đứa con. Mỗi lần có đứa nào ra riêng là chị lại "cụ bị" xuống xuống nào cọt, kèo, lá; thậm chí, đến chén, nôi, lò, củi, gạo, muối... để chờ qua lo cho chúng. Mười bữa, nửa tháng chị lại chèo xuống chở một quây chuối, mấy trái dừa khô, ít gạo... qua thăm con. Con dâu hoặc con gái sanh là chị qua ở để lo nhà cửa, chăm sóc sinh nở cho chúng đến ra tháng mới về.

Từ ngày ba má tôi qua đời, chị thường xuyên ra nhà tôi hơn. Lúc thì cầm trên tay mấy củ khoai mì, khi thì một bó rau lang. Rau lang do chị trồng đem luộc chấm cá kho ăn nó ngọt ngào lắm sao. Chị hay kể: "Hồi nhỏ, cậu lý lác lắm! Chế ầm cậu về nhà chơi, cậu nhảy vào cái lu bể rồi ngủ khò làm chế tìm xanh máu mặt". Cách đây hơn mười năm, lúc đó ba tôi bệnh nặng phải chở đi Sài Gòn trị, ở nhà, vợ tôi lại chuyển bụng sanh thành út, chị tất tả chạy ra, chỉ huy, cắt đặt công việc: "Mợ Ba, mợ Tư (hai bà chị dâu tôi), di Sáu (em gái tôi) cứ ở bệnh viện lo cho vợ thành Nghĩa. Chế về nhà nó nấu cơm cho mấy đứa nhỏ ăn rồi mang cơm vào". Chị ở để lo việc nhà, chăm sóc vợ tôi sanh đến ra tháng mới về. Tôi từ Sài Gòn về đi thẳng vào bệnh viện thấy chị tất bật choàng khăn ấm cho vợ tôi, đút sữa cho con tôi. Tối đến, chị trải chiếu dưới sàn gạch để mấy chị em nằm. Họ thức suốt đêm. Một bà chị, một cô em, ba chị em bạn dâu, chân người nọ gác lên chân

người kia mà thủ thủ tâm sự. Tôi nhìn rồi ứa nước mắt!

Điều - em gái tôi, năm nay đã 46 tuổi, ba năm trước nó bước xuống xuống sẩy chân té làm nứt xương đùi, chị lại tất tả chạy đến nhà nó lo heo gà, cơm nước. Tối chị vào mừng ngủ với nó. Nhìn cái bóng chị in trên mùng dũi dũi mà khắc khổ, Điều nhớ má, nó khóc: "Phải chị em còn má hén chế!". Chị cũng sụt sùi rồi ôm nó: "Thì đi còn chế đây mà!".

Chị thương yêu, bao dung em út như thế, nhưng đứa nào không phải thì chị rầy. Mà cách la rầy của chị lạ lắm. Có lẽ trong đời người ai cũng có lần vấp ngã, và tôi cũng không ngoại lệ. Nhiều năm trước tôi cũng có một lần "xao xuyên ngoài chống ngoài vợ", không còn cha mẹ đâu để mềc, vợ tôi về quê khóc rấm

sẩy chân của mình như một thứ ma quỷ.

Lối sống, tính cách của chị tôi, của làng tôi làm tôi suy nghĩ thật nhiều. Ngoài chợ, chỗ tôi ở, người ta sống với nhau theo cách "đèn nhà ai nấy sáng". Nhà bên này có đám tang, hai vợ chồng trẻ nhà bên kia chờ đến chiều đóng bộ như đi chơi sang ngồi vào bàn ăn cháo rồi phúng điệu và chấm hết. Nhiều chị em bạn dâu, thậm chí cả chị em ruột sống với nhau cạnh khốe, dấm dấm vì cạnh tranh làm ăn và sự cách biệt địa vị, tiền tài. Còn ở làng tôi, hễ nhà ai có hữu sự, đặc biệt trong dòng họ, là người ta đến trước, nhảy xồm vào công việc của gia chủ như công việc của mình. Kề nấu nướng, người mượn bàn ghế... Khi ai đó bệnh hoạn thì cả đoàn người kéo ra chợ chờ, nằm lán lóc ở bệnh viện để chia sẻ,

đựng gạo, muối; hay làm máng xối, hoặc dùng lá dừa gói bánh, hấp bánh lá... Qua bàn tay của chị, người ta thấy, ngày xưa, cây dừa nước chẳng những được sử dụng để làm vật dụng gia đình, làm nhà ở, mà nó còn hữu ích trong việc làm ăn và đi vào văn hóa ẩm thực. Chị ngồi và thao tác một cách điêu luyện như rỗng bay phượng múa, khiến gã đạo diễn phim (vốn là một nhà văn) cứ ngạc nhiên trở mắt nhìn, quên cả chỉ huy. Tôi thì buồn man mác, bởi mai này, nếu chị tôi mất đi, những kinh nghiệm quý ấy cũng sẽ mất theo, dù rằng sự hữu ích của cây dừa nước trong đời sống hiện tại không còn bao nhiêu nữa.

Chị tôi làm bánh vào bậc tài hoa nhất xóm. Có thể kể một lò một lốc các loại bánh mà chị hay làm như: bánh lá dừa nước, bánh ít, bánh tét, bánh bông lan, bánh thưng... Những loại bánh do chị làm vừa trông rất đẹp, lại vừa ngon. Thời buổi bây giờ nhịp sống hối hả, cần bánh để cúng kiến là người ta chạy ào ra chợ mua chứ ai lại ngồi gói, luộc, nướng cho đầu lưng. Thế nhưng, chị tôi lại duy trì cái nếp cũ của làng quê là gói bánh vào dịp giỗ chạp và nấu bánh tét đêm giao thừa. Tết nào tôi cũng nhận hai đòn bánh tét của chị làm tôi nhớ Tết quê đến nao lòng. Hễ nhà con cái, em út... có những việc quan trọng là chị đến để chỉ huy làm bánh. Giọng điệu của chị mới thuyết phục làm sao. Chị bảo: "Làm bánh cúng ông bà vừa tiết kiệm lại vừa thể hiện công sức để tỏ tấm lòng thành. Cái hiếu hạnh nằm cả trong chiếc bánh. Có những thứ tiền bạc không mua được". Các cô gái ở xóm đi theo chị làm bánh cảm thấy vui, Tết mà gói bánh thì làm cho Tết càng sinh khí. Ở quê tôi, người ta gói bánh đối công với nhau, ít có ai đi chợ mua bánh vào những dịp cúng kiến tết nhất. Vì vậy, các cô gái của làng tôi ai cũng biết làm bánh đẹp, bánh ngon. Chắc chắn rằng, các cô thôn nữ ấy được đào tạo từ cái lớp "nữ công gia chánh" mà chị là linh hồn của lớp học.

Đức tính thuần hậu của chị tôi và những người phụ nữ nông thôn có thể lý giải bằng mấy nét như sau: Thuở tiền khản hoang, vùng Nam bộ nổi tiếng là vùng đồng chua nước mặn và sương lam chướng khí qua các câu ca dao: "Chèo ghe sợ sấu cần chum/ Lên bụng sợ đĩa xuống rừng sợ ma". Hay: "Xứ nào ghê cho bằng xứ Cạnh Đền/ Muối kêu như sáo thổi, đĩa lội lênh tợ bánh canh". Và thêm nạn loạn lạc cướp bóc nữa. Yếu tố thứ hai là những người đi khẩn hoang có hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, là những kẻ cơ nhỡ, tha phương cầu thực. Hai yếu tố địa lý và lịch sử ấy buộc người khẩn hoang phải làm cật lực mới có cái ăn; đồng thời, phải thương yêu, đùm bọc, nương tựa nhau mới mong sống được. Từ đó, hình thành lối sống, tính cách của từng cá thể và nếp sống của làng xóm. Làng xóm nào càng giữ được nếp sống thuần nông thì người phụ nữ thuần hậu càng nhiều, bởi vì nó chưa bị các yếu tố văn hóa khác xâm nhập, làm phai nhạt. Đức tính thuần hậu của phụ nữ nông thôn là một thứ văn hóa nội sinh của vùng đất.

Một nhà nghiên cứu văn hóa có uy tín đã nói rằng: "Nông thôn là thành lũy cuối cùng để bảo vệ văn hóa truyền thống". Thế nên, tôi mong lối sống của phụ nữ nông thôn được xem trọng và được gìn giữ như một vốn quý của Nam bộ, của dân tộc. ■

MỘT NGƯỜI CHỊ Ở QUÊ

Bút ký của PHAN TRUNG NGHĨA



rút với chị. Thế là chị lại tất tả chạy ra, trên tay cầm mấy con cá kèo và một bó rau lang. Thấy tôi, chị không nói không rằng mà xộc vào bếp làm cá kho lạt dấm me rồi luộc rau. Mâm cơm dọn lên toàn là những món tôi thích. Tôi ăn ngon lành, chị chỉ ăn qua quýt, chủ yếu là nhìn tôi ăn. Gần cuối bữa cơm, chị đưa tay vạch tóc tôi lên rồi bảo: "Tóc cậu bạc nhiều rồi đó! Mới đó mà cậu mợ (ba má tôi) đã không còn! Chế thì sắp xuống lỗ, còn cậu thì đã già, gắng mà giữ gìn sức khỏe! Cậu làm đến chức gì thì chế không biết, chỉ biết trong dòng họ, làng xóm mình, cậu là người có uy tín. Nếu cậu sẩy chân thì mặt mũi chế biết để đâu?". Nói xong, chị ứa nước mắt rồi rủ áo về quê. Chị đi mà như chạy, cái kiểu chạy trốn nỗi sợ. Cái sợ của chị ngấm qua tôi rất nhanh. Tôi sợ sự

Chị em bạn dâu lâu lâu buồn thì rủ nhau ngủ chung rồi nói chuyện thâu đêm suốt sáng về thời con gái. Nhịp đời của làng tôi cứ chậm chậm trôi đi trong sự ảm áp, giống như ai đó nhóm lên ngọn lửa cháy triền miên từ đời này sang đời khác.

Chị chẳng những sống tình cảm, siêng năng mà còn giỏi nữa. Trước đây, tôi có viết một kịch bản phim "Văn minh là dừa nước". Hãng phim Giải phóng về quay, chị được mời vào làm nhân vật minh họa cho việc thuở xưa người ta sống dựa vào thiên nhiên là chủ yếu, nông dân đã khai thác, chế tác cây dừa nước phục vụ cho đời sống như thế nào. Chị ngồi trước ống kính chăm lá lợp nhà, bện đàng làm giường ngủ; thắt giỏ xách cơm, giỏ đựng trầu, chẻ lạt bó mạ; chằm gàu múc nước, chằm cá vun, cá bịch

TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN

Hà Thị Cẩm Anh là cây bút dân tộc Mường, ở xứ Thanh. Năm 13 tuổi chị đã có truyện ngắn, bút ký in trên báo chí văn nghệ của tỉnh như Người bạn văn hóa,... Bạn viết, bạn đọc, gọi chị là "Thím cô khoai" như tên nhân vật mà họ yêu thích trong tác phẩm đầu tay cùng tên của chị (1963). Gần 20 năm sau đó không thấy chị ra sách. Năm 2003 chị đột ngột xuất hiện, với một chùm 5 truyện ngắn dự thi, in trên trang nhất báo Văn nghệ. Thật ngạc nhiên, như là một "thím cô khoai" khác. Càng ngạc nhiên hơn khi truyện ngắn Gốc cội xù xì được trao giải Nhất. Từ năm 2000 đến nay, chị có 8 tập truyện, trong đó có 5 tập truyện ngắn đã in ở Nxb Văn hóa dân tộc; ngoài ra có các truyện ký, kịch bản phim. Đã nhiều người viết về tác phẩm của Hà Thị Cẩm Anh như Trọng Miên, Hòa Diệu Thủy, Lã Thanh Tùng..., đặt ra nhiều vấn đề thú vị.

HỒN MƯỜNG trên đất Mường có còn không? Phải chăng là câu hỏi day dứt của nhà văn Hà Thị Cẩm Anh bao trùm lên toàn bộ tập truyện ngắn Một nửa của người đàn bà. Ý tưởng dựng lại không gian văn hóa sinh hoạt đậm chất dân tộc Mường đã chỉ phối sáng tác của chị. Trong chín truyện ngắn: Nước mắt đỏ, Con tắc, Cười chạy, Trăng rằm, Một nửa của người đàn bà, Cửa hồi môn, Cuộc đời bị đánh cắp, Giải vía, Đối thoại với sự bất tử... những nhân vật, không gian, con người, ngôn ngữ, tình tiết, ứng xử, cách nghĩ... đều thấm đượm hồn Mường. Tuy nhiên, hồn Mường cũng như một cơ thể sống, khi không được bảo vệ, giữ gìn nên hiện tại nó đang bị thương, đang bị xáo trộn và mất dần đi bản chất vốn có. Đó là điều rất đáng tiếc. Từ sự tiếc nuối ấy nhà văn Hà Thị Cẩm Anh đã gửi lòng vào những trang văn với hai góc nhìn: Một là về những kỷ ức đẹp của thời thơ ấu trong quá khứ, như những truyện Nước mắt đỏ, Trăng rằm, Một nửa của người đàn bà... Hai là sự nuối tiếc xót xa cho thực tại như Đối thoại với sự bất tử, Cuộc đời bị đánh cắp, Giải vía, Con tắc... Hai cảm xúc đó nhiều khi cùng tồn tại trong một nhân vật. Tất cả được hiện lên qua những suy tư, liên tưởng, ẩn ức, mê say... của nhà văn. Hàng trăm câu ví von, so sánh gợi cảm và chân thực. Chẳng hạn trong truyện Nước mắt đỏ khi nhân vật chị kể chuyện câu Xường với những suy tư buồn mà vẫn rất đẹp, rất có tình: "Câu Xường tủi phận nên đã hóa thành ngọn núi đá rất đẹp như một người thiếu nữ Mường mười tám đứng nép mình bên bờ sông để đón đợi câu Xường hẹn mụ Dạ Dẫn gửi lại bến Cửa Hà cho cô bạn, cô đôi". Nhân vật Mụ Dạ Dẫn trong sử thi Để đất đẻ nước được tái hiện với suy luận mới, khiến người đọc tò mò. Ngay cả cách miêu tả nhân vật cũng đậm chất Mường: "Mỗi tình của mẹ tôi cũng chỉ bắt chợt như ruột con lủ cạn tràn qua dốc núi". Tình cảm của cha và mẹ nhân vật được nhà văn miêu tả rất thơ mộng, đậm sắc núi rừng: "Hai người quấn quýt nhau như hai con chim chèo peo vào mùa tháng ba, mùa hoa gạo nở"... Hoặc miêu tả nhân vật Mẹ dưới con mắt nhân vật người cha: "Cô ta đâu phải là một con chim quen quen mới ra giàng? (Cửa hồi môn)". Ngay cả cách miêu tả tâm lý nhân vật cũng gắn với tư duy của người Mường. Người Mường rất coi trọng bếp lửa nên khi khác họa cái chông chênh của người đàn bà (người vợ bị Khá bỏ rơi) không chồng, không con, tác giả viết: "Chông chênh như không có một mái nhà, không có bếp lửa chày bập bùng mỗi đêm đông giá rét"(Giải vía). Như vậy tư duy của người Mường vẫn đượm trong nếp suy nghĩ của con người nơi đây.

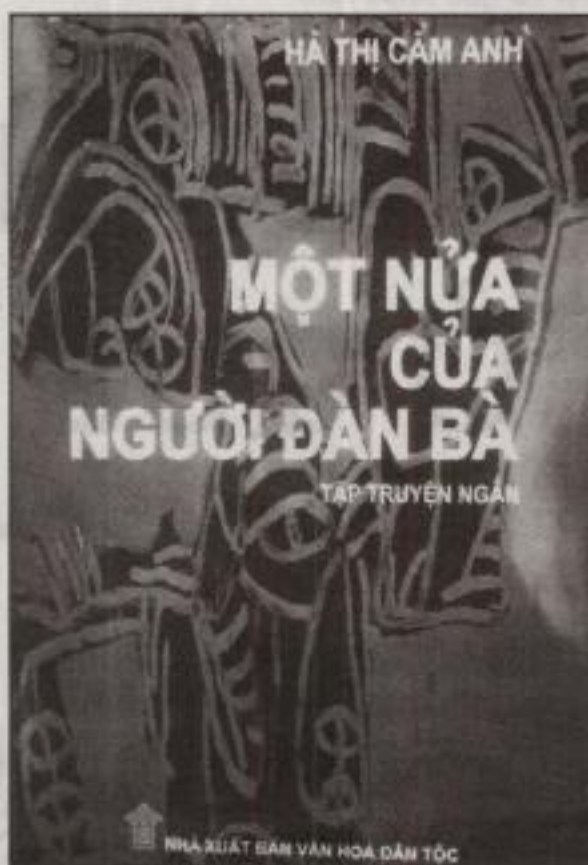
Chúng ta tìm thấy hồn Mường trong nhà sàn, bếp lửa. Người Mường gọi bếp là để chỉ gia đình. Khi ngọn lửa trong bếp đỏ lên, chính là sự sống hiện diện ở đó. Cùng với tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng mõ trâu, tiếng trai gái hát Xường giao duyên gọi bạn tình... còn có các trò chơi văn hóa khác như ném còn cũng rất được người Mường xem như là "tín ngưỡng" của mình. Trong truyện Trăng rằm nhà văn đã miêu tả khá tỉ mỉ. Hình ảnh nhà sàn, bếp lửa đã trở đi trở lại trong tác phẩm như là điệp khúc của âm nhạc, tác nhân cũng như chứng nhân về tình già của người đàn ông và người đàn bà ở Thung Lũng Si Dỗ.

Hồn Mường còn được tác giả gửi gắm sâu đậm nhất trong tình yêu thiên nhiên. "Đối thoại với sự bất tử" là giấc mơ hay là sự hóa thân của nhà văn vào thiên nhiên. Như câu chuyện thần thoại, lại cũng rất đời thực. Vấn đề tư tưởng được thoát ra từ ngôn ngữ tự nhiên, ngắn gọn dứt khoát và súc tích. Núi, sông, rừng, cây cối... nói lời bất tử với con người với mong muốn họ có thể hiểu để biết yêu và trân trọng thiên nhiên, yêu sự sống. Mỗi quan hệ thiêng liêng của con người và con vật (con cạp) - một loài hung dữ nhưng sống rất biết ơn, có trước có sau với người có công với chúng (Con tắc). Tác giả đã nhân hóa con cạp có hồn người... Những cái tên đất, tên làng, tên rừng như Mường Ai, Mường Phấn, Mường Dỗ, Chuông Cò, Chiếng Va... cũng có sức gợi riêng, là nơi

HỒN MƯỜNG TRONG TRUYỆN NGẮN HÀ THỊ CẨM ANH

(Đọc Một nửa của người đàn bà, tập truyện, Hà Thị Cẩm Anh, Nxb Văn hóa dân tộc, 2013)

THY LAN



gắn bó máu thịt với tác giả, đã nẩy hạt mầm văn chương tươi tốt. Chị đã tạo được một tiếng nói riêng trong văn chương đáng tự hào. Cái tự hào của người con biết lưu giữ những giá trị của cha ông để lại. Chị không được học hành nhiều, ấy vậy mà văn chị trong trẻo, tự nhiên như nước suối, lại phong phú, mượt mà như lá rừng, đôi khi tuôn như thác đổ. Lại thấy văn trần trụi hoang dã như thú rừng, giản dị như nhà sàn, bếp lửa, gai góc, sắc lẹm như dao đi rừng, hình như có cái say say của rượu cần, bằng lăng của mây bay, gió thổi, cái điệp trùng, vững chãi của núi non....

Hát Xường cũng là nét văn hóa không thể thiếu góp nên hồn Mường. Nhà văn đã khắc họa được sinh hoạt hàng ngày của người Mường không tách rời điệu Xường. Câu xường đã dẫn đường cho tình yêu hạnh phúc của người đàn bà xứ Mường (Giải vía): "Thương thật thương rí Hoa râm rí đơm bông càng khạc/ Hoa núc nác đơm bông càng không/ Hoa lý trúc, lý hồng đơm bông bờ hôn" (Trích Xường giao duyên của người Mường)... Chủ đề hạnh phúc là khát khao thường trực mà chị luôn giải bày trên trang sách.

Hồn của bản mường bị biến dạng. Cuộc sống, tâm hồn tác giả đi vào văn chương như một tất yếu. Cẩm Anh là người con gái của đất Mường, hơn ai hết thấm đẫm "chất văn hóa" bản Mường. Câu hát Xường giao duyên còn đó, chị thì đã sang "cái tuổi nó đuổi xuân đi". Nhớ về tuổi trẻ chị càng tiếc nuối câu Xường. Cũng là chị tiếc một câu xường đẹp - hồn của bản Mường bị người ta bôn cợt... Chị lại khát khao những giá trị đích thực của hồn Mường. Chị đã giải bày trong nhân vật của mình.

Phải chăng chị muốn nói cái đẹp của câu Xường phải đi liền với ứng xử đẹp. Chính con người, không ai khác quyết định giá trị của câu Xường. Đằng này "gã đàn ông" - cha của nhân vật tôi đã lợi dụng nó để nói lời "đầu môi, cửa miệng". Câu Xường khi đó từ giao duyên thành vô duyên, tự mình đánh mất hồn mình. Trước cảnh ngộ éo le: "Câu Xường giao duyên thật đẹp. Lòng người lại giống một cái vực sâu thẳm. Người mẹ của nhân vật tôi lại đang vật vã với sai lầm, cả tin, nhẹ dạ nên "Tìm ra được nơi xuất xứ của câu xường thì bấy cây cầu đá, tám cây cầu lim ấy thành cây cầu Liềm La dẫn bà xuống địa ngục" (Cửa hồi môn).

Mở đầu truyện là cái chết bi kịch của đời người đàn bà-mẹ đẻ nhân vật tôi. Cha lấy vợ khác là Mẹ - bà ta là chủ một khách sạn, có tiền, và tự cho mình cái quyền quyết định số phận người khác. Bà giảng dạy để cha thành người đàn ông của bà rồi đẩy mẹ vào con đường

cùng cực, cướp con mẹ, hành hạ tinh thần, thân thể mẹ: "Thật ra mẹ chẳng khác gì ma xó. Bà đòi ăn, rách mặc.... Nhìn thấy tôi, toàn thân bà run lên, nụ cười trên môi bà thì tôi không bao giờ quên được. Rạng rỡ, tươi tắn và sung sướng lạ thường! Lúc ấy, tôi sợ con ma xó là bà nên co cẳng chạy..." Đứa con chứng kiến sự đau khổ đến ngây dại của người đàn bà, mà mãi sau này nó mới biết là mẹ mình. Bài thơ người cha viết cho mẹ, sám hối với mẹ, là của hồi môn cho con gái. Nhân vật người cha còn tìm lại lương tri, biết ân hận vì có tội với vợ con. Không phải câu Xường nào ngọt lỏ tai cũng thật, tác giả nói lời cảnh tỉnh. Có những tài sản vô giá đôi khi chỉ là giá trị tinh thần, như bài thơ cha để lại cho con vậy.

Trong phần lớn các truyện của chị, con người sống với nhau rất vô ơn, giả tạo, tham tiền tài, địa vị (Cuộc đời bị đánh cắp), tàn nhẫn (Cửa hồi môn), tha hóa, sa đọa, vô trách nhiệm (Một nửa của người đàn bà), kỷ thị, ích kỷ, ngu muội (Giải vía), con người móc ngoặc, cấu kết tàn phá thiên nhiên đến khủng khiếp (Đối thoại với sự bất tử), con cái thiếu trách nhiệm với cha mẹ (Trăng rằm)... Nhưng phản ánh sự đảo lộn về đạo đức, nhân phẩm cũng là tiếng lòng của nhà văn muốn tìm lại hồn Mường.

Trong Một nửa của người đàn bà, đến phút cuối cùng, bi kịch gia đình-xã hội mới được vén bức màn che. Có nỗi đau xót nào hơn: kẻ hại đời chị mình năm xưa, cha của cháu mình, kẻ bạc tình lâu nay mình tìm kiếm - lại chính là chồng mình. Chị tiết người em nhìn thấy chữ ký oan nghiệt trên tờ giấy - bằng chứng duy nhất của kẻ giấu mặt - lại là chữ ký quen thuộc. Trớ trêu của cuộc đời vẫn còn đó, cuộc sống đất Mường chưa yên. Đó còn là sự thiếu trung thực trong "Cuộc đời bị đánh cắp". Nỗi oan, nỗi khổ của con người trong Giải vía... Tiếng khóc trong truyện Con tắc được nhà văn miêu tả ám ảnh đến lạ. Con Tắc (con cạp cái) khóc ân nhân cứu mạng (bố mẹ Đa): "Con tắc cứ khóc mãi, khóc hoài. Tiếng kêu đau đớn của con vật làm bóng đêm lờm xờm xuống...". Còn Đa và em gái mất cha mẹ "tiếng khóc của chúng rơi tõm vào hố sâu hun hút của rừng già". Bị mang tiếng là gia đình mắc bệnh hủ cùi, bị con người ghê lạnh, chúng và bố mẹ phải sống trong rừng sâu. Giờ bố mẹ cũng đã mất. May thay loài vật (cạp) đã che chở cho chúng. Trong khi đối tượng làm chúng sợ lại là con người...

Nhà văn Hà Thị Cẩm Anh đưa ta vào một thế giới của người Mường với những câu chuyện đời éo le đến tê lòng. Hồn Mường trong tác phẩm của chị sống dậy nhờ ngôn ngữ bản địa được chị phát huy: "Cạp nhá thịt ông đi!" (Là một cách rửa của người Mường), Đi cốt (Kiếp luân hồi), Cồn trọc (gội đầu)... Truyện của chị kể theo mạch cảm xúc nhân vật, không theo tuyến thời gian. Văn tự nhiên, cây bút bộc trực, giàu hình ảnh, giàu chất thơ... Dù rất công phu, nhưng nhà văn đã không tránh khỏi sự quá tham chi tiết. Nhiều chi tiết bị lặp lại trong cùng tác phẩm hoặc ở những tác phẩm khác nhau. Chẳng hạn việc lấy những động thái của tự nhiên như núi, rừng... để so sánh với tâm trạng con người gần như là một mô típ quen trong tập truyện. Hơn nữa, sự cam chịu, chậm giải phóng... ở một số nhân vật khiến ta thấy chưa thỏa mãn.

Chín truyện ngắn của Hà Thị Cẩm Anh trong tập truyện Một nửa của người đàn bà là chín cung bậc tình yêu núi rừng, yêu con người. Nhà văn đã phóng bút bằng tâm hồn, ký ức và sự trải nghiệm. Đọc tác phẩm của chị ta càng quý trọng thiên nhiên, yêu văn hóa Mường, yêu dân tộc. Đồng thời đằng sau tác phẩm vẫn là câu hỏi day dứt mọi thời đại: con người phải làm gì để giữ lại hồn mường, hồn mình trong mỗi bước đổi thay của xã hội?■

ĐỌC SÁCH

KHÚC BI CA NHỮNG BÀ MẸ ĐƠN THÂN

(Đọc tiểu thuyết *Người cha hiện đại* của Trầm Hương, Nxb Văn hóa văn nghệ, 2013)

DƯƠNG KIM THOA



CHỌN ngôi trần thuật là "tôi", cô bé Chuẩn Kim đang độ tuổi dậy thì, người viết cố gắng "lựa" một góc soi chiếu cuộc đời sao cho vô tư hơn cả. Dưới mắt "tôi", mọi thứ được phân tích và đánh giá theo hướng "thiện chí", với khát vọng của đứa trẻ mong có được gia đình trọn vẹn.

Nhưng hình ảnh của "người cha hiện đại" vẫn hiện rõ nét một đại diện cho nhóm những "người lớn nhảm tâm", chỉ biết sống cho những ham muốn và toan tính cá nhân quên đi cả sợi dây gắn kết thiêng liêng của huyết thống. Và như một hình tượng phản biện, người mẹ đơn thân, mẹ của "tôi" hiện lên một vóc dáng âm thầm, lấm lũi, tần tảo, chắt chiu và chịu đựng. Hai con người, cha và mẹ của Chuẩn Kim cứ đi song song trong truyện, soi chiếu vào nhau, làm phản đề cho nhau, khiến "tôi" - Chuẩn Kim hiểu về cuộc sống hiện đại với những con người "hiện đại".

Đi suốt chiều dài cuốn sách là nỗ lực tìm lại người cha cho hai con của mẹ Chuẩn Kim. Rất nhiều khi có cảm giác nỗ lực đó là củi đốt vào khoảng không. Nhọc nhằn vô ích. Và suốt chiều dài ấy là những chi tiết xuội xả, buồn trôi, ích kỷ của người đàn ông không thể làm cái nóc cho một tổ ấm gia đình. Cuộc "chiến đấu" không đơn giản. Nó lấy đi của người mẹ tuổi xuân, sức khỏe, sức chịu đựng nhẫn nại, và kinh khủng nhất, lòng tin.

Nó bóc dần lớp vỏ đạo đức giả, hiện ra tính cách tàn nhẫn và vô tâm của người đàn ông không còn thiết tha với những giá trị gia đình thiêng liêng. Người đọc có thể hiểu được những dồn nén đầy bức xúc và xót xa của tác giả khi viết như một sự đúc kết: "Bởi thế kỷ XXI có những người cha hiện đại như Nguyễn Hòa, có người mẹ hiện đại như Ngọc Trầm, có người đàn bà siêu hiện đại như bà Mai Dung, có những hiệp sĩ hiện đại như bác Tâm mà có những đứa trẻ mang lấy bị kịch thời hiện đại như chị em Chuẩn Kim, những đứa trẻ là nạn nhân của sự ích kỷ, lòng đen tối và những thủ đoạn hèn hạ của những người lớn nhảm tâm..." (tr.348)

Là nhà văn, nhà báo, tác giả Trầm Hương lý giải sự rạn vỡ và đứt gãy của các tổ ấm gia đình thời hiện đại là bởi sự lớn mạnh vượt mức của cái "tôi" ích kỷ. Nếu ai cũng chăm chăm sống vì cái tôi ấy, sự đứt gãy là đương nhiên. Nếu ai cũng muốn đẹp bỏ mọi vương vãi, lo toan cuộc sống, chỉ để cống hiến trọn vẹn cho đam mê, ngay cả khi đam mê đó là chính đáng, thì sau mỗi cánh cửa gia đình thời hiện đại sẽ có một bị kịch hiện đại.

Bị kịch thời hiện đại đầy không ít bà mẹ đơn thân, cực chẳng đã, trở thành những "thánh mẫu". Họ phải chống chọi với cuộc mưu sinh mà "thơm tho" mấy ai biết nhọc nhằn ai hay". Ấy thế mà, những người phụ nữ dám dấn thân cho tình yêu và trách nhiệm thiêng liêng mẫu tử ấy, đôi khi vẫn bị gọi là những "người đàn bà ngu xuẩn". Nhà văn Trầm Hương đã lặn vào những bị kịch gia đình, bị kịch thân phận của người phụ nữ thời hiện đại, để ngợi ca sự "ngu xuẩn" này. Cái gọi là "tình nữ" trong văn chương được thể hiện rất rõ ở đây.

Người ta sẽ thấy cuốn sách này có rất nhiều từ và cụm từ lặp lại một cách đầy chủ ý như "người cha hiện đại", "người mẹ hiện đại", "người lớn nhảm tâm", "mối tình tuyệt đẹp", "tình bạn lớn",... Con người hiện đại rất giỏi trong việc dùng các mỹ từ để khóa lấp những sự thật tối tệ của họ. Người cha hiện đại trong tác phẩm đã luôn có một hàng rào của những mỹ từ như thế phòng vệ. Chẳng hạn, nếu ai đó nói sao anh ta không gửi tiền nuôi con, người cha này sẽ bảo, "tôi đã gửi tiền vào tài khoản để tuí nhỏ dùng đến sau này", hay khi ai bảo liệu có người nào đó ngăn cản họ về với con chẳng thì người cha này sẽ nói ngay "ai cấm tôi về với con là tôi đẹp liền"... Sự lặp đi lặp lại của những "luận điệu đàn ông" cứ thân nhiên hằn vào tâm trí người đọc.

Nhà văn Trầm Hương đã nhìn ra bị kịch phổ biến: người ích kỷ ngày càng đông hơn, gánh nặng hy sinh và trách nhiệm lại càng dồn hơn về phía những người không thể sống ích kỷ.

Khi phải chịu đựng quá nhiều bầm dập, người ta dễ bị ve vuốt bởi suy nghĩ, "tôi đã quá khổ rồi, vậy tại sao tôi phải có trách nhiệm quan tâm tới ai khác nữa, mọi người chẳng quan tâm tới tôi thì thôi". Từ mảnh đất của lối tư duy đó, sự vô cảm và cái ác rất dễ nảy mầm. Vậy mà sau tất cả những thiệt thòi, người mẹ trong tác phẩm vẫn dạy các con biết tha thứ, biết chấp nhận, và biết chia sẻ với những người xung quanh. Người tốt phải là người biết quan tâm đến người khác. Bởi có thông điệp này mà khi khép lại những trang cuối cùng của cuốn sách, người ta không thấy dư vị của nó đắng chát. Nó kéo độc giả lên một tầm khác: cuộc đời là thế, đôi khi, dù nhẫn nại và yêu thương không thể đem cho ta hạnh phúc thì hãy vẫn cứ cần phải yêu thương và tha thứ.

MẮT KHÓI

(Đọc *Tiếng dơi đêm*, tập thơ của Trương Ngọc Lan, Nxb Hội Nhà văn, 2013)



HOÀNG VIỆT HẰNG

THƠ Trương Ngọc Lan mãi là sợi tơ trời vương vấn, lưu giữ những mảnh nhân thế thật buồn mà không bị lụy, thấp sang bạn niềm yêu sống, người ngoại thiên muộn, để sống đẹp hơn mỗi ngày.

Nhà thơ Trương Ngọc Lan vừa ra mắt tập thơ thứ chín, *Tiếng dơi đêm*, 52 bài,

mỗi bài bằng lòng như mắt khói, chuyển tải đến bạn đọc nhiều ưu tư day dứt của một đời sống hiện thực rất lắm khúc gặp ghềnh.

Thơ Trương Ngọc Lan giàu liên tưởng, nghĩ ngợi và chỉ trình bày với tiết tấu chậm. Vốn là cô giáo dạy đàn piano, âm hưởng của *Du dương* và *Sao em nhìn đi nơi khác* vẫn là nốt mi trầm tràn vào thơ.

Trong cách nhìn của chị những dấu chấm buồn thương đậu vai mình. Thật buồn thâm thẳm, vì tình xưa mất tích còn âm bản/ lang thang trên giấy đợi tâng hình. Thơ chị biết cách tiết chế, không dài lời. Biết cách diễn tả tâm trạng khi hỗn hoang vu không nơi bầu vùi. Đời một con người đôi khi không thể nhớ hết bao lần dọn dẹp nhà, dọn dẹp đồ đạc hành lý trong mỗi chuyến đi. Sự thu xếp và dọn dẹp lại ngôi nhà, không gian sống là chuyện thường tình. Trương Ngọc Lan còn một sự dọn dẹp khác biệt nữa - dọn dẹp hỗn vĩa của mình: xót xa và đắm đuối/ tôi về dọn dẹp hồn tôi lại/ gói mấy bơ vơ của một thời. Và chợt phát hiện ra, vết nắng lạ/nắng lạ chan khô mắt. Rồi vết/nhật nhanh những rã rời.

Thơ chị viết thật chân thành, bộc lộ rõ thái độ: có những điều khó nói được ra/ ta không thể bắt mình thêm đối trả/ giả vờ vui/ giả vờ cười/giữa bao nhiêu chung chiêng nhốn nháo.

Thời cuộc chung chiêng thế sự đầy biến ảo khôn lường. Nghe nhìn và nghĩ ngợi. Tâm thế nhà thơ có nhiều điều miêng đắng/ nuốt không trôi bầm dập tẻ đau/ tìm ánh mắt mắt nào nhìn thẳng. Và chị khát khao ánh mắt nhìn trực diện, để tìm kiếm sự ấm áp từ ngón tay mà chênh vênh/ ngón ấm nơi nào?

Bạn muốn tìm ngón tay ấm trong thời hiện đại không dễ. Tìm sự trung thực càng không dễ trong vàng thau trộn lẫn trên đường đời. Thơ Trương Ngọc Lan vừa có nỗi day dứt vừa biết thả lỏng nỗi đau, buông vào không gian rộng lớn. Ví như ngày, có ai nghĩ ra trước Trương Ngọc Lan một ngày vui là một ngày trẻ, ngày vui là ngày trẻ/ ngày buồn là ngày già. Già và trẻ được sánh với nỗi vui buồn và không gian mở. Rồi cao hơn là niềm đam mê đam mê là ngày nắng bước ta/ lợi gió mưa lập cập. Diễn tả tâm trạng đam mê nó giúp người sáng tạo thỏa sự vẫy vùng. Đam mê mà thơ còn biết lợi gió mưa mà đi tới khát khao/ lợi gió mưa lập cập. Thơ lợi gió mưa là hình ảnh dễ để gửi gắm nỗi buồn.

Ở một bài giới hạn khác chị viết: mất một lúc điệu tình thô thể/ những chiều thu ập ủ hơi may/ vòng tay che chắn mỗi ngày/từ đây nông nổi. Và thơ giấu kỹ nỗi buồn dưới đáy hồn/ vận thành vòng cảm/nghĩ ngút hương khói/ giới hạn giữa hai hàng/ giấy bay... khổ thơ này gợi cho người đọc một cách cảm bằng hình ảnh của thơ, khi nhìn trực diện vào cuộc đời: có lúc nào không lo nồn úp/ nắng mưa/thời thế/ riêng tư/ bao giờ cân bằng được...

Sự âm thầm, khiêm nhường của nhà thơ nhiều năm viết "chui", giấu chống, vì chị chỉ e sẽ làm khó cho anh. Chuyện không thích thơ là chuyện bình thường. Nhưng khi đã sống chung, đã tôn trọng sở thích của nhau lại là chuyện khác. Trương Ngọc Lan in thơ lại gửi nhà bạn. Lựa một cách kín nhẽ để chống chị không ngăn thơ phú, văn chương mà mình trót đam mê. Vì mỗi người đều có cách lựa chọn một cuộc sống riêng cho mình. Sống chung mà vẫn tôn trọng sự riêng tư. Cũng là một cách thỏa hiệp để cùng tồn tại. Trương Ngọc Lan từng viết bài *Mắt khói*, một bài mắt khói hay cả tập mắt khói?

Cả tập thơ là tâm thế của mắt khói. Diệu vợ buồn, diệu vợ yếu đuối, diệu vợ can đảm. Chị biết bình tâm điều chỉnh mình để cân bằng cuộc sống và để thăng hoa thi ca.

VĂN NỖI NIỀM QUÊ

(Đọc *Đường vắng*, tiểu thuyết của Hiệu Constant, Nxb Hội Nhà văn, 2013)

HỒNG KỲ



ĐƯỜNG vắng đưa một cái nhìn mới mẻ, như những vết khứa sắc, đầy xót xa, diễn tả những mảng đời thực ở Việt Nam, ở Pháp và nhiều miền thế giới...

Từ đầu đến cuối, các truyện luôn điểm xuyết hình ảnh từ các nền văn hóa Pháp, Hồi giáo, Thiên chúa giáo, Phật giáo, châu Phi, mà văn hóa Việt vẫn là sợi chỉ đỏ...

Những người đàn bà Afghanistan sùm sụp trong bộ burqa đen, nhìn thế giới qua những lỗ ren nhỏ tí gần ngang tầm mắt! Fatia góa bụa, nuôi ba con. Một buổi đi làm đồng về muộn, chị bị hiếp dâm. Và gã hiếp dâm chị đã đi huênh hoang khắp làng... Đáng buồn là luật pháp xứ này lại đổ tội cho người đàn bà: "Nơi đây hình như người ta không phân biệt giữa bị hiếp và ngoại tình..." Fatia bị xử theo một hủ tục man rợ trung cổ: ném đá cho đến chết...

Những chấm phá về một đề tài cảnh cáo dữ dội qua miệng của Phương Hoàng Đỏ, người Mông Cổ, một "đại gia" kiếm tiền để truyền bá nền văn hóa du mục của dân tộc mình. "Đầu đầu cũng là người Tàu... họ thao túng tất cả thị trường hàng hóa... Họ còn mua trọn cả những mỏ vàng mà đất nước chúng tôi có rất nhiều... Thế nên, thế hệ trẻ chúng tôi muốn ách điều đó lại...", ở châu Phi thì: "Rừng bị khai phá một cách bừa bãi. Voi bị giết để lấy ngà, tê giác thì lấy sừng... Người Tàu vơ vét hết với những đồng đô la xanh của họ..."

Qua tiểu thuyết của mình, tác giả nuôi tiếc những gì là truyền thống... Nỗi niềm chung của những người con xa xứ khi trở về, bị bất ngờ trước đổi thay trên quê hương... "Tôi viết cho bạn từ một thế giới mà tôi có thể đặt tên cho nó là Thế giới bị lãng quên, hay Thế giới tuyệt vọng [...] Trong một nghĩa nào, Thế giới bị lãng quên này chỉ đơn giản là thế giới của những hoài niệm..."

Quán, Hiến, Huỳnh, Tứ, An, khác biệt về giới tính và học thức, là những nhân vật điển hình cho nền văn hóa "lúa nước" với tất cả những vui buồn của một gia đình thuần nông ở đồng bằng bắc bộ. "Quê anh vốn là một vùng đất phù sa màu mỡ, năm hai vụ mùa chiêm xen kẽ [...] Mỗi lần phải đóng học cho con, mẹ lại phải bán lúa..." Đọc những trang sách viết về gia cảnh gia đình nông thôn Việt Nam được tác giả dành cho nhiều cảm mến, bạn đọc đôi lúc rung rung và chợt tỉnh lại. Đầu đó trong cảnh đời khổ, lòng nhân hậu vẫn tồn tại, và tình người thật bao la... Nữ tác giả Việt kiều này còn vấn đau đầu với những nỗi niềm đất nước.

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC NHÀ VĂN ĐÀ LINH



ĐỊNH MỆNH NÀO ĐÃ XUI ANH VIẾT... (*)

(Trích điệu văn đọc tại lễ tang nhà văn Đà Linh - Nguyễn Đức Hùng của Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam)

HỮU THỈNH

TRONG niềm xúc động sâu sắc, Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Nhà xuất bản Lao động, Nhà xuất bản Đà Nẵng và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin: Nhà văn Đà Linh đã vĩnh biệt chúng ta!

Ra đi ở tuổi đang sung sức, với bao nhiêu dự định và suy ngẫm đến độ chín, anh để lại nỗi đau đứt ruột cho người thân và bạn bè. Và hình ảnh một nhà văn hào hoa, đôi mắt đượm buồn, tư lự với những trang văn tư lự, đượm buồn lúc này như lên tiếng cãi lại định mệnh tàn nhẫn: Không, Đà Linh không thể mất. Anh vẫn còn đây, đâu đó, bên cạnh chúng ta.

Đà Linh tên khai sinh là Nguyễn Đức Hùng, quê ở xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Nhưng anh lại được sinh ra ở Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 1958, trong một gia đình cán bộ miền Nam tập kết. Của cải vô giá mà anh được thừa kế đó là dòng máu của hai đảng viên cộng sản. Cha anh, cụ Nguyễn Thuật và mẹ là bà Phạm Thị Sơn là hai cán bộ kháng chiến chống

Pháp dũng cảm nổi tiếng ở vùng Núi Thành. Cái chất Quảng của lý trí và nghị lực sớm thấm vào anh từ nhỏ. Tốt nghiệp phổ thông vào loại giỏi, anh thi đỗ điểm cao vào trường Đại học Tài chính, một trường Đại học với mức sàn trúng tuyển vào hàng đầu trong làng Đại học lúc bấy giờ. Đà Linh học giỏi các môn học bắt buộc. Một học lực như thế thu hút hết thời gian và sức lực của một sinh viên. Nhưng Đà Linh, không biết bằng cách nào đã âm thầm tự học tiếng Pháp đến mức có thể đọc và dịch các tác phẩm văn học và chính luận. Chính cái ô cửa phụ của một cán bộ tài chính này lại là cánh cửa chính dẫn Đà Linh vào con đường văn học.

Hình như Đà Linh đã sớm nhận ra rằng văn học không chấp nhận sự may rủi và bất cứ sự chuẩn bị dễ dàng nào. Với một tấm bằng tốt nghiệp đại học vào loại ưu của ngành tài chính, anh không mấy khó khăn để kiếm một công việc ở một cơ quan kinh tế nào đó, một chỗ ngồi mà một sinh viên bình thường phải tốn sức chen chân. Nhưng chàng cử nhân Nguyễn Đức Hùng tỏ ra không vội vã như vậy mà lặng lẽ xếp tấm bằng đại học vào một góc để nhận lấy bộ quân phục thời bình, một quyết định khiến cho cha mẹ và những bạn bè thân thiết hết sức bất ngờ. Chỉ đến

khí mãn hạn nghĩa vụ quân sự, anh xin về làm kế toán trưởng ở nhà xuất bản Đà Nẵng thì người thân và bè bạn mới lơ mơ đoán ra cái mộng văn chương của Nguyễn Đức Hùng. Chính ở đây, bên cạnh những con số là những con chữ, và hình như chỉ những con chữ mới làm nên tên tuổi nhà văn Đà Linh.

Đà Linh là nhà văn của thời hậu chiến. Bốn phần của anh là phải trở thành một nhà văn thuộc thế hệ mới. Đóng góp hay không đóng góp, tồn tại hay không tồn tại, bắt đầu từ cái ý thức về thế hệ này. Đà Linh đủ thông minh và hiểu biết để nhận ra điều đó. Đọc truyện của Đà Linh, người ta ít gặp những xung đột dữ dội, những trạng huống đột xuất, những hành động chói chang, quá cỡ. Đó vốn là sở trường của thế hệ các nhà văn chiến tranh. Đà Linh, nhà văn hậu chiến, anh ưa chọn những cốt truyện bình thường, những con người bình thường nhưng luôn luôn gửi vào đấy những phát hiện bất thường. Anh luôn đặt mình vào các góc khuất, và ở cái góc khuất đó, anh tạo ra lợi thế riêng để quan sát, theo dõi những chuyển động của đời sống và con người ở dạng tế vi nhất. Ngay cả những trang hồi tưởng về chiến tranh, anh cũng không muốn gây sốc người đọc bằng những chi tiết khốc

liệt mà lảng xuống, dõi theo những nấc thang tâm lý của nhân vật. Người đọc sẽ còn nhớ mãi *Nàng Kim Chi sáu ngón*, một truyện ngắn xuất sắc được lấy tên chung cho tập truyện ngắn tiêu biểu nhất của giọng văn Đà Linh. "Ai sinh ra trên đời, cũng đều có cố tật, nếu không lộ ra ở tay, chân, thân thể thì sẽ lộ ra ở phần khác. Chính cố tật mới là con người. Với cố tật, người ta mới nhận ra nhau, hiểu biết nhau". Một cách nhìn đời, nhìn người của Đà Linh mới khoan dung và sâu sắc làm sao.

Năm tháng, tự vượt và trải nghiệm đã cho Đà Linh đạt tới một sự tích tụ. Anh viết truyện vừa, truyện ngắn, viết lý luận, phê bình và dịch thuật. Chứng như chưa vừa lòng với tình yêu mạn mõi dành cho quê hương, trong bốn tập sáng tác, Đà Linh viết tập tiểu luận *Lấp lánh đất Quảng*. Một tập tiểu luận phục dựng những gì là tinh chất của truyền thống văn hoá để bù vào những ngày thơ ấu phải sống trong cảnh đất nước bị chia cắt, xa quê hương. Rồi dồn dập, trong vòng 7 năm, anh cho ra đời 4 tập sách dịch của Pháp: *Người bán cung Ba ra soi* (1999), *Kẻ độc tài và chiếc võng* (2005), *Tương lai văn học* (2006), *Cảm ơn* (2006).

Hiếm thấy một người hết mình với bạn bè như Đà Linh. Anh còn hết mình hơn nữa trong công việc. Gặp nhau ở đâu anh cũng say đắm nói đến công việc. Trong những ngày trọng bệnh, bạn bè đến thăm, anh say sưa nói về những dự định sáng tác, xuất bản, chỉ đến khi mệt là mới dừng lại lấy sức. Con người với những khao khát tràn ra khỏi các trang sách ấy đã tìm thấy đất dụng võ. Từ một kế toán trưởng, anh trở thành Phó giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Đà Nẵng, Phó Tổng thư ký Hội Nhà văn Đà Nẵng, Trưởng lý giám đốc Nhà xuất bản Lao động. Đáng say sưa mỗi cương vị là một dấu ấn về nghề và về cái tình với người cùng nghề. Đà Linh chăm chút, âu yếm, trân trọng mỗi cuốn sách của bạn như của chính mình, trước sau nguyên vẹn một tâm nguyện hướng tới người đọc. Trong công việc thăm lạng, vui vẻ giấu mình sau cái vình quang của người khác ấy, đã có biết bao nhiêu hy sinh, cực nhọc, kể cả "những giọt nước mắt đối không thấy" của Đà Linh.

Đà Linh ơi! Định mệnh nào đã xui anh viết. "Chỉ một ngòi bút mà gói mở hư vô"? Nay anh đã đi về cõi ấy, nhưng không phải cõi hư vô. Tình nghĩa của bè bạn, của người đọc, niềm tiếc thương vô hạn của gia đình, người thân níu giữ anh ở lại mãi với tất cả những gì mà anh đã hết lòng thương yêu, dành dùm và dâng hiến...■

(*) Tiêu đề do tòa soạn đặt

Nhà văn Đà Linh tên thật Nguyễn Đức Hùng, quê ở Tam Giang, Núi Thành, Quảng Nam. Nguyên Phó Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Đà Nẵng. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ủy viên BCH Hội LH VHNT Đà Nẵng. Phó Tổng thư ký, Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật Hội Nhà văn Đà Nẵng khóa I (2002-2007). Do bệnh hiểm nghèo, ông đã tạ thế sáng ngày 30-9-2013 tại Hà Nội, hưởng thọ 56 tuổi.

Nói đến Đà Linh - Nguyễn Đức Hùng là nói đến bản lĩnh của một người làm xuất bản. Những tựa sách "nhảy cảm" nhất, những cuốn sách "gai góc", những bản thảo tác giả và đối tác xuất bản biết là "khó" nhất, các tác giả và người làm sách hầu như đều tìm đến Đà Linh để gửi gắm như: *Thơ Trần Dần*, *Cõi người rung chuông tận thế* (Hồ Anh Thái), *China Town, Paris 11-8* (Thuận)... Với bè bạn làng văn, ông được yêu quý với bút danh Đà Linh. Ba tập sách được xuất bản mang tên ông - *Nàng Kim Chi sáu ngón*, *Giấc mơ của dòng sông* và *Truyện của người* - tuy không nhiều nhưng truyện nào đọc cũng ấn tượng. Ngoài ra, ông còn là một trong những nhà văn sống tận tình với bạn văn cả nước, được các nhà văn yêu mến và quý trọng.

Vĩnh biệt nhà văn Đà Linh, Hội Nhà văn Việt Nam, Tuần báo Văn nghệ xin gửi lời chia buồn sâu sắc đến Hội LH VHNT Đà Nẵng, Nhà xuất bản Đà Nẵng, cùng toàn thể bạn bè thân hữu, độc giả và gia quyến nhà văn.

MỘT NGỌN LỬA CHÁY ĐẾN TẬN CÙNG

NGUYỄN KIM HUY

TIN Nhà văn Đà Linh - Nguyễn Đức Hùng - nguyên Phó Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Đà Nẵng đã qua đời tại Hà Nội sau gần ba tháng chống chọi với căn bệnh nan y, đến với chúng tôi lúc 9h45 sáng 30 tháng 9 khi cơn bão số 10 đang hoành hành trên Biển Đông và sắp đổ bộ vào miền Trung.

Đầu tháng 7-2013, khi nghe tin anh lâm bệnh nặng, đang phẫu thuật tại Bệnh viện Việt Đức, anh em Nhà xuất bản đã khẩn trương tổ chức một chuyến xe để có điều kiện đồng đủ anh em ra Hà Nội thăm anh. Anh nằm trên giường bệnh, liên tục nhắm mắt chịu đựng những cơn đau, nhưng đôi mắt vẫn sáng lên đầy sức sống khi anh nín đau, gương cười hồi thâm từng anh em một về gia đình, công việc, sức khỏe... Anh dặn dò chúng tôi phải cẩn thận, giữ sức khỏe, trong khi chúng tôi phải hết sức trấn tĩnh để giữ được vẻ bình thường hồi hạn trò chuyện với anh. Sau khi đọc được bệnh án anh trên giường bệnh rằng căn bệnh ung thư của anh đã chuyển sang giai đoạn cuối, lục phủ ngũ tạng đều có dấu hiệu di căn. Khi đến lúc phải nắm tay anh từ biệt để trở về Đà Nẵng, ai trong chúng tôi cũng nhói lòng cố giữ để không khóc, không ứa nước mắt, vì ai cũng biết rằng đây là cái nắm tay cuối cùng với anh, là lúc đang vĩnh biệt anh. Trong cơn đau, anh lặng lẽ nhìn theo chúng tôi...

Vậy mà, khi nhận được tin anh đã trút hơi thở cuối cùng, chúng tôi vẫn không thể nào không bàng hoàng. Trong sáu xa, chúng tôi vẫn thầm cầu mong một phép màu trong cuộc đời sẽ xảy ra, phép màu linh ứng để anh còn có thể trở về Đà Nẵng gặp anh em, bạn bè như ngày xưa... Là Kế toán trưởng từ những ngày đầu thành lập Nhà

xuất bản năm 1984, rồi chuyển qua làm công tác biên tập sau khi theo học khóa Xuất bản 1987 - 1990 tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Hà Nội, đảm nhiệm chức Trưởng ban biên tập rồi Tổng biên tập Nhà xuất bản. Cái tâm, cái tầm của một Tổng biên tập như anh đã cuốn hút về Nhà xuất bản những công tác viên tâm cổ với những đóng góp to lớn cho các công trình xuất bản như Huy Cận, Tế Hanh, Nguyễn Văn Bổng, Tô Hoài, Nguyễn Trung Đức, Hoàng Ngọc Hiến, Dương Trung Quốc, Nguyễn Ngọc, F. Jullien... Nếu không có Tổng biên tập Nguyễn Đức Hùng xoay tròn lăn lộn làm việc mọi lúc mọi nơi với công tác viên và đồng viên thuyết phục mọi người ở Nhà xuất bản lao vào công việc, chắc rằng Nhà xuất bản khó có thể có những công trình, tác phẩm được dư luận bạn đọc đánh giá cao hoặc gây ra nhiều tranh cãi như *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới*, *Văn - Thơ - Lý luận phê bình văn học miền Trung thế kỷ XX*, *Minh triết phương Đông và Triết lý phương Tây*, *Đường vòng và lối vào*, *Bàn về cái nhạt*, *Bàn về chữ thời*, *Đại tượng vô hình*, *Ba người khác*, *Cõi người rung chuông tận thế*, *China Town*, *Trần Dần thơ*... Một phần tư thế kỷ gần bó và cống hiến cho Nhà xuất bản, anh thực sự là một ngọn lửa cháy lên đến tận cùng và có sức lan tỏa sự nóng ấm nồng nhiệt đến mọi người. Nếu hạnh phúc và ý nghĩa cuộc sống là phải sống hết mình cho công việc và để không bao giờ bị lãng quên ở nơi mình từng sống, thì anh chính là người đã có niềm hạnh phúc ấy thật trọn vẹn.

Anh em trong giới văn nghệ Quảng Nam, Đà Nẵng, cả nước cũng sẽ khó mà quên được anh. Ký bút danh Đà

Linh trên các tác phẩm ngắn, sắc và lạ, anh đã để lại dấu ấn nhà văn trong lòng bạn đọc với các tập truyện *Giấc mơ của dòng sông*, *Nàng Kim Chi sáu ngón*, *Truyện của người*, *Vĩnh biệt cây võng đồng*..., tập tiểu luận *Lấp lánh đất Quảng* và nhiều đầu sách dịch Văn học Pháp... Có thể nói, cùng với một số anh em, anh chính là người nhiệt thành nhất trong việc vận động thành lập Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Đà Nẵng, Hội Nhà văn Đà Nẵng mà anh đã đảm đương chức Chi hội phó, Phó Tổng thư ký trong nhiệm kỳ đầu sau này...

Tôi với anh càng nhiều duyên nợ. Là người em cùng quê Núi Thành (anh ở Tam Giang phía biển, tôi thuộc Tam Mỹ phía núi), cùng gần bó với nghề biên tập sách khi tôi là Biên tập viên còn anh là lãnh đạo biên tập Nhà xuất bản, lần lượt được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam và cùng tham gia BCH Hội Nhà văn Đà Nẵng ngay sau khi thành lập. Tôi không thể kể hết những gì mình đã gần bó cùng anh trong cuộc sống, trong công việc mà anh luôn tỏ ra và xứng đáng là một ông anh... Trong thâm tâm, tôi vẫn biết mình còn mang nợ anh nhiều việc, nhất là khi anh chuyển về Nhà xuất bản Lao động sau một biến cố buồn.

Chúng tôi bay ra Hà Nội để tiễn anh về cõi vĩnh hằng. Cầu mong cho Anh được thanh thản yên nghỉ. Những gì Anh đã có với tư cách Nhà văn Đà Linh hay Tổng biên tập Nguyễn Đức Hùng, đều sẽ còn lại mãi trong sự quên thất tiếc thương Anh của chúng tôi, của mọi người!■

NGHỆ THUẬT

NGƯỜI PHỤ NỮ CẢ ĐỜI THEO NGHIỆP MÚA

NGUYỄN BẢO

Đã trên nửa thế kỷ đam mê với nghệ, có thể khẳng định rằng Nghệ sĩ Nhân dân Chu Thúy Quỳnh sinh ra chỉ để dành cho múa. Ngay từ năm 14 tuổi, như cái duyên từ kiếp trước, bà và múa đã gắn bó với nhau cho đến tận bây giờ. Cuộc đời bà sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nếu không có múa, vì nó đã mang lại cho người phụ nữ này tất cả - từ tình yêu đến nghệ thuật - đã đưa Chu Thúy Quỳnh trở thành một trong những tài năng lớn của nghệ thuật múa đương đại Việt Nam. Hiện nay, với tư cách là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, NSND Chu Thúy Quỳnh đã cùng nhiều thế hệ nghệ sĩ múa, chung lưng đấu cật, đoàn kết phấn đấu để cùng nhau đưa con thuyền múa Việt Nam - vừa giữ gìn bản sắc, tinh hoa nghệ thuật dân tộc, vừa cố gắng hoà nhập với nghệ thuật múa hiện đại, tiên tiến của thế giới. Bởi, trong dòng chảy của kinh tế thị trường đầy cam go này, cùng với các thể loại nghệ thuật sân khấu khác, nghệ thuật múa cũng phải vươn lên để lấy lại niềm tin và tình yêu của công chúng, nhất là lớp khán giả trẻ...

MÚA - TÌNH YÊU VÀ CUỘC SỐNG

Dù nghe danh bà đã nhiều, mến mộ bà từ lâu, nhưng đến hôm nay chúng tôi mới có dịp được gặp mặt người phụ nữ tài sắc nổi danh này. Vừa bước qua tuổi thất thập đắc tửu, nhưng sự trẻ trung, sức sống mạnh mẽ và nụ cười hết sức yêu đời, chân thành và thật sự cởi mở của nghệ sĩ Chu Thúy Quỳnh, khiến mọi người càng quý trọng bà. Người ta vẫn thường cho rằng, nghề nghiệp quy định một phần tính cách, hay nói cách khác, tính cách bị ảnh hưởng ít nhiều tới công việc mà bạn theo đuổi. Nhận định này, có lẽ cũng rất phù hợp với Chu Thúy Quỳnh...

Nhóm nhà báo chúng tôi ngồi trong căn phòng tầng 5 của Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, đây cũng là nơi NSND Chu Thúy Quỳnh dành để lưu giữ những kỷ niệm đáng nhớ của cuộc đời. Lật giở từng trang nhật ký bằng ảnh, bà ngược dòng thời gian kể cho chúng tôi nghe những tháng ngày đẹp đẽ đã trải qua và được bà khắc sâu trong trái tim mình. Những ngày tháng của tuổi trẻ, bà phiêu lãng hồn mình trong những điệu múa, khi rộn ràng trong những đêm diễn phục vụ quân dân ở chiến khu, có khi lại thướt tha uyển chuyển trong điệu múa của nước Nga Xô viết. Tất cả, những dòng ký ức cứ hiện về rõ mồn một trong tâm tưởng của bà.

Vào nghề từ năm 14 tuổi, ngay từ những ngày hòa bình đầu tiên trên miền Bắc (1955) ở cái độ ăn chưa no, lo chưa tới ấy, Chu Thúy Quỳnh đến với nghệ thuật chỉ bằng sự thích thú, bởi từ thuở còn thơ, bà đã được bố cho đi xem múa. Khi trở thành quân số của Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam, Chu Thúy Quỳnh vẫn chưa biết gì đến khái niệm yêu nghề, say nghề, mà tất cả đối với cô bé chỉ là con số không tròn trĩnh. Nhưng nhờ may mắn, tài năng mẫn non ấy đã được nuôi dưỡng trong môi trường nghệ thuật chuyên nghiệp nên đã sớm cơ hội phát sáng. Với những khán giả yêu mến bộ môn múa những năm 60, 70 của thế kỷ XX, chắc hẳn vẫn chưa thể quên được hình ảnh quen thuộc của diễn viên Chu Thúy Quỳnh. Một diễn viên múa tài năng, gương mặt lúc nào cũng bùng sáng, uyển chuyển và nhịp nhàng qua từng điệu múa. Thời ấy, cứ nhắc đến thể loại nghệ thuật đỉnh cao này, người ta sẽ nghĩ ngay đến Chu Thúy Quỳnh. Cứ đêm diễn nào có cái tên Chu Thúy Quỳnh, thì Nhà hát Lớn Hà Nội tối hôm đó chật kín người xem. Khán giả đến rạp thời ấy chỉ muốn một lần tận mắt thấy Thúy Quỳnh bằng xương bằng thịt. Hình ảnh và tên tuổi của bà, tràn ngập các sân khấu múa, không chỉ riêng Việt Nam mà còn vươn xa ở các nước bạn. Người ta không ngại ngần đặt cho bà cái danh xưng viên ngọc sáng của bầu trời Phương Đông. Dù lúc đó, trong làng múa đã có nhiều tên tuổi bậc thầy, nhưng người xem vẫn bị say đắm với hình ảnh tuyệt đẹp của một vũ công biến hóa đa dạng, có thể thuần thục và nhuần nhuyễn những điệu múa nổi tiếng thế giới của nữ nghệ sĩ trẻ Chu Thúy Quỳnh.

NHỮNG KÝ ỨC KHÔNG THỂ NÀO NGƯỜI...

Là một phụ nữ thành công trong sự nghiệp, nhưng bà tự nhận bản thân có những sóng gió trong đời sống tình cảm riêng tư. Bà vẫn nồng cháy tình yêu khi nhắc đến người đàn ông của cuộc đời mình. Người bạn đời tài

hoa cùng nghiệp múa ấy chỉ đi chung với bà trên một đoạn đường rất ngắn, rồi để bà tự bước tiếp trên con đường của mình. Chồng mất vì căn bệnh hiểm nghèo khi Chu Thúy Quỳnh mới độ tuổi 40, với một cậu con trai còn nhỏ, cái tuổi "tứ thập nhi bất hoặc" mà nhan sắc của người phụ nữ đang đẹp rực rỡ của tuổi hồi xuân, Chu Thúy Quỳnh vẫn được không ít các đấng bậc mày râu cả trong và ngoài ngành múa để ý tới - không ít lời ngỏ ý muốn xây đắp tình yêu nhưng bà đều từ chối - bởi tâm trí bà thường sống với kỷ ức những tháng ngày đắm ấm bên người chồng đã quá cố của mình. Theo quy luật tình cảm của trái tim, người phụ nữ khi đã trao trọn vẹn cho một người đàn ông, sẽ không bao giờ người ngoại nổi nhớ. Cho đến nay, dù chồng mình đã ngoài 30 năm khuất bóng nơi cõi vĩnh hằng, nhưng NSND Chu Thúy Quỳnh vẫn luôn luôn tưởng tượng rằng người chồng thân yêu luôn ở bên cạnh mình. Bà đã kể cho cánh nhà báo trẻ chúng tôi những tâm sự thầm kín nhất: "Nghệ thuật múa đã ưu ái mang đến cho tôi nhiều món quà đặc ân, mà món quà lớn nhất là người chồng của mình. Chính cố biên đạo múa Mạnh Hùng cùng với cố NSND Phùng Thị Nhạ, là người đã tuyển tôi vào Đoàn Văn công Trung ương (Sau này là Đoàn Ca múa Trung ương). Lúc đó, anh Mạnh Hùng 19 tuổi còn tôi vừa vào tuổi 14. Thấy tôi còn bé nên anh Hùng không muốn nhận vào. Nhưng rồi, tình yêu nghệ thuật của cái buổi đầu trong sáng, tinh khôi ấy, cuối cùng cũng đưa lại cho hai chúng tôi những tình cảm hồn nhiên, trong sáng của tuổi thanh xuân tươi trẻ. Hai chúng tôi trở thành thầy trò, rồi trở thành bạn thân, và yêu nhau như sự xếp đặt của tạo hoá. Sau 8 năm yêu nhau, chúng tôi quyết định trở thành là "người một nhà" trong ngôi nhà chung của ngành múa non trẻ Việt Nam"...



Chu Thúy Quỳnh trong điệu múa Gặp gỡ bên mâm cỗ pháo.



NSND Chu Thúy Quỳnh.

Đang say sưa kể chuyện về múa, bỗng giọng bà trầm xuống, ngắt quãng. Ánh mắt bà đượm buồn khi nghĩ về hình ảnh của thể loại nghệ thuật tinh tế này trong thời buổi kinh tế thị trường hôm nay đang khá trầm lắng và thiếu vắng đi tính tổng thể của một sân khấu chuyên nghiệp, mà trong đó sự thiệt thòi lớn nhất, là tuổi nghề của người nghệ sĩ múa quá ngắn ngủi. Với đặc thù của múa - học thì khá dài mà hành thì thời gian rất hạn chế. Chưa kịp hành bao nhiêu, đã bị áp lực của cuộc sống đè nặng lên đôi vai. Với nghệ sĩ múa (nhất là nữ giới), thì ngoài 30 tuổi, hầu hết đều không thể lên sân khấu với những vai sô-lét được nữa, chưa kịp đạt tới đỉnh cao của sự thăng hoa, đã bị chìm lấp bởi nỗi lo tuổi tác. Đó là một trong những lý do tác động rất lớn đến sự phát triển của múa. Nghề múa cũng như một vài bộ môn nghệ thuật kén người khác, nó đòi hỏi tính tỉ mỉ và độ toàn bích. Vì thế, khi nói đến múa, nhiều người tỏ ra khá hồ hững, ngay cả lớp trẻ hôm nay. Bởi trong suy nghĩ của nhiều người, múa như một thứ gì đó ngoài lề, dường như chỉ dừng lại ở mức độ phụ họa, minh họa mà thôi. Nhưng phải những người đã từng trải trong nghề, với cái nhìn khách quan, khoa học, mới có được cái nhìn đúng đắn, hợp tình, hợp lý nhất.

Trong làng múa đương đại Việt Nam, NSND Chu Thúy Quỳnh là một cái tên đặc biệt mà khi nhắc đến, các bạn bè đồng nghiệp nhiều thế hệ đều hết sức quý trọng, bởi lòng yêu nghề nồng nhiệt, say đắm và tài năng cả trong biểu diễn và sáng tác của bà. Khi vào tuổi 40, ở cái tuổi đã "toan về già" của nghề múa, Chu Thúy Quỳnh vẫn quyết định đi tu nghiệp ở Ấn Độ trong khoảng thời gian 5 năm. Éo le hơn, khi có quyết định lên đường cũng là thời gian chồng bà đang trải qua những ngày tháng khó khăn với căn bệnh hiểm nghèo. Gạt nước mắt đau đớn, Chu Thúy Quỳnh quyết tâm thực hiện hoá dự định của ước mơ. Nhận được lời động viên của người chồng yêu quý, bà càng thêm động lực và niềm tin để phấn đấu, hoàn thành ước nguyện của một người nghệ sĩ!

Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, NSND Chu Thúy Quỳnh chia sẻ: "Hiện nay, nghề múa vẫn còn khá nhiều khó khăn, hạn chế trong công tác biểu diễn để đến được với công chúng, tuy lòng yêu nghề của các nghệ sĩ múa thì không bao giờ vơi. Khán giả không có nhiều cơ hội để thưởng thức nghệ thuật múa "chuyên nghiệp", theo nghĩa đúng nhất của từ này, nhất là lớp trẻ hiện nay đã có quá nhiều sân chơi "hiện đại" hơn để họ tìm đến. Đó cũng là một thiệt thòi cho nghề múa nói chung, nhất là các nghệ sĩ trẻ đang ngày đêm cố gắng, sáng tạo cho nghệ thuật múa. Đây cũng là những trăn trở, băn khoăn của các cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa nghệ thuật, cũng như của đồng đảo công chúng yêu quý, trân trọng nghệ thuật múa Việt Nam".

CÁM ƠN MÙA THU

Truyện ngắn của HOÀNG NGỌC DIỆP

TRAI viết khai mạc đã ba ngày. Toàn U 50 trở lên. Râu ria, râu thà. Nhấn nhụi, bảnh bao. Điều đà, trịnh trọng. Mỗi người một vẻ. Rồi nàng xuất hiện, như một làn gió mát. Dáng dong cao, ngực căng phồng trong chiếc áo sơ mi kẻ giản dị, vẻ trẻ trung toát ra từ vầng trán cao, cặp mắt tươi vui của nàng khiến tất cả như bừng sáng. Nàng mang theo đứa con trai và một giỏ to đựng trái cây đặc sản. Cháu... à em xin lỗi. Hôm nay thủ trưởng cơ quan mới cho em đi - nàng giải thích về sự chậm trễ của mình. Anh cười dễ dãi, không sao, trại viết còn dài, mới đi tham quan, chưa sinh hoạt tác phẩm. Bữa cơm chiều, với tư cách trưởng trại, anh thân mật giới thiệu nàng. Vài nhà văn nữ nhũ mày, tỏ ý hơi khó chịu. Đi trại sáng tác mà như kăng-gu-ru, kè kè thằng con. Tuy vậy, sau bữa ăn, mọi người vẫn thường thức đặc sản nàng mang đến một cách vui vẻ.

Phòng của mẹ con nàng tình cờ lại kế phòng anh. Từ bên này, anh nghe tiếng thằng bé cười giòn, tiếng bước chân trẻ con chạy huỳnh huých ngoài hành lang và tiếng nàng gọi con í. Nàng nuôi con thật khéo. Thằng nhỏ nhắn nhụi, đáng vốc cằm, đôi mắt sáng như trăng rằm. Sáng nào nàng cũng cầm dù, túi đeo trên vai, thằng bé thì mang trên lưng chiếc ba lô nhỏ xíu, đầu đội mũ có tua rua. Em cho cháu xuống bãi biển nhặt vỏ sò vỏ ốc anh ạ. Cháu thích mang về làm quà tặng các bạn ở lớp lá. Nàng chào anh và vui vẻ nói. Anh tham gia vài câu rồi nhìn nàng dẫn con đi, hơi thất vọng. Tuy ở kế bên, nhưng anh thật khó nói chuyện lâu với nàng. Chúc trưởng trại của anh làm nàng có vẻ hơi dè dặt. Thêm vào đó, lúc nào nàng cũng xoay tít quanh thằng bé.

Cánh đàn ông lỡ cỡ bắt đầu chuyển hướng chú ý sang phòng của hai mẹ con. Liên tục có những buổi đánh tiến lên âm ỉ mà kẻ bại trận phải chịu hình phạt đáng sợ: bôi lọ nghe lên mặt. Dĩ nhiên, ai cũng có phần. Những bộ mặt dục ngang nét vẽ bằng than đen nhánh làm tất cả bỏ lờ ra cười. Nàng cũng cười nghiêng ngả khi thấy anh bị vẽ những dấu thập đen trên mặt. Phần nàng cũng được anh cẩn thận vẽ hai vết ria như mực tàu làm gương mặt tròn trĩnh thật ngộ nghĩnh. Thằng bé là người thích thú với trò chơi vẽ râu nhất. Nó nhảy nhót la hét khiến nàng phải gờ ngón tay dọa. Sau cuộc chơi, hàng rào thưa giữa anh và nàng như được gỡ bỏ.

Một chiều, anh thả bộ ra bãi biển. Nàng đã nhặt. Bãi tắm đen ngòm người. Từ xa anh nhận ra mẹ con nàng đang hí hup dưới những lớp sóng bạc đầu, những lượn sóng vỗ vụn khi choãi vào bờ. Anh đứng nhìn hai cái bóng ôm chặt nhau dính liền thành một khối như hòn đá vọng phu. Hồi sau, hai mẹ con lên bờ, loằng ngoằng đuổi nhau trên bãi cát, thỉnh thoảng lại ngồi thụp xuống. Thằng bé mặc chiếc quần xịp bé xíu, còn nàng vẫn nguyên bộ đồ dài bị nước biển ướt sũng (nàng què đến độ không dám mặc bikini). Anh mỉm cười, thấy lòng vui vui, cô này thật lạ, đi tắm biển mà còn mặc cỡ.

Buổi tối, nhận ra nàng ngồi một mình ngoài hàng lang, trên chiếc ghế đá hướng ra biển, anh tới ngồi bên nàng.

Thằng nhỏ ngủ rồi hả, cô Trâm? Anh hỏi.

Đạ. Thiệt quân luật. Ở nhà cũng đúng chín rồi là cháu phải lên giường. Anh Toàn chưa ngủ à?

Ờ. Bọn tôi già rồi, ngủ ỉt.

Anh mà già - nàng mỉm cười và nhìn anh. Dưới ánh đèn vàng mờ ảo, nàng trông thật gợi cảm trong chiếc váy hoa li ti màu nhạt cổ trễ. Chẳng hiểu sao, điều đó lại khiến anh cạnh buồn.

Họ trao đổi về nghề. Nàng có lối nói rất hài hước, hóm hỉnh.

Em viết ít lắm. Em chỉ viết khi nào... cần tiền. Hết trong túi có tiền là ngay lập tức em... bỏ bút.

Thế thì anh mong em lúc nào cũng cần tiền. Để em đừng bỏ bút. Phí lắm. Em viết được đấy - Anh góp ý một cách chân thành nhưng hơi kè kè. Trong số những nhà văn trưởng thành thời hậu chiến, anh được đồng nghiệp nể trọng nhờ giành nhiều giải thưởng và có giọng điệu riêng. Mấy chục năm trong nghề, anh chẳng lạ gì một vài cây bút nữ không thực tài nhưng nhờ nhan sắc và những "chiêu trò" mà tên tuổi cũng đình đám. Nhưng chắc chắn nàng không nằm trong số ấy.

Khi nhận được giấy mời dự trại, em bán tin bán nghi... Vì em không nghĩ là mình được ưu ái thế. Xưa nay, em chỉ loanh quanh viết về xóm liễu, nơi em đang ở. Toàn hạng người dưới đáy xã hội. Đi điểm. Hoang thai, Trộm cắp. Giết người. Lương thiện lắm thì cũng là cái bang, phụ phen tạp dịch. Em không biết gì về đời sống của những đại gia, chân dài, những quý bà quý cô xinh đẹp. Em "ăn thịt" gần hết dân xóm

liều rồi - Nàng nói một cách hồn nhiên và bất cười. Anh cũng cười, khen nàng viết chân thực. Thát ra thì nàng không đẹp. Mặt tròn, răng cửa hơi thưa. Tuy nhiên, bộ ngực căng phồng dưới lớp áo kín như bưng làm trí tưởng tượng của cánh đàn ông thỏa sức tung hoành. Anh - dù bề ngoài tỏ ra thần nhiên nhưng nhiều phen cũng lặng thầm ngắm nàng. Từ hôm nàng đọc tác phẩm trong buổi sinh hoạt trại thì anh bắt đầu nhìn nàng bằng con mắt khác. Câu chuyện về bà già gánh nước thuê đi tắm sông, lờ sây chân chết được nàng viết bằng một giọng từng tưng, như đùa. Nhưng nó làm anh xúc động. Anh nhìn thấy đằng sau nụ cười của nàng là sự cảm thông sâu sắc. Truyện có nhiều chi tiết đắt giá, cho thấy nàng thông minh và có khiếu quan sát. Giọng văn của nàng lạ và tốc độ. Nàng sẽ tiến xa đây. Anh thầm nghĩ. Khi chỉ cho nàng những chỗ còn vướng về trong truyện ngắn, anh hài lòng vì nàng lắng nghe một cách chăm chú và... đẩy cảm kích (ấy là anh nghĩ vậy).

Bỗng nàng kêu lên

Anh nghe xem. Tiếng sóng biển ù ù, y hệt tiếng cối xay lúa...

Ừ. Tiếng thở của biển đấy. Anh nói một cách văn vẻ.

Em dần quen nên rất nhạy cảm với những âm thanh giống tiếng xay lúa, giã gạo - nàng nửa đùa nửa thật.

Nàng là người Bắc, nhưng đã theo gia đình vào miền Đông Nam bộ từ lâu. Nhà nàng có vườn rẫy, hơn chục con bò cái lai shien, giọng nói của nàng còn hơi cứng âm sắc địa phương.

Họ im lặng, lắng nghe tiếng sóng biển ầm ào như hù dọa. Một cơn gió đi hoang làm tóc nàng bay vẩn vơ, vài sợi dài mỏng manh vô tình phất qua mặt anh. Anh làm cử chỉ như muốn nắm lấy những sợi tóc tình nghịch và khẽ chạm vào tay nàng. Chỉ thế thôi nhưng anh cảm giác như nàng giật thót. Tim anh rung lên. Mùi thơm từ mái tóc và thân thể trẻ trung của nàng khiến anh bồn chồn. Anh thêm được cảm lấy tay nàng. Thêm cảm giác người phụ nữ ngã đầu vào ngực mình. La thật. Chính anh cũng ngạc nhiên. Từ lâu lắm, cảm xúc yêu đương trong anh như đã xơ cứng. Thậm chí xúc cảm trước những cảnh đẹp thiên nhiên trong anh cũng chẳng mấy còn. Trái tim anh như chú gấu mê mệt trong giấc ngủ đông. Nhưng bây giờ, chú gấu bỗng bừng tỉnh vì tiếng

suối chảy róc rách, tiếng chim hót véo von và hoa đồng cỏ nội thơm ngào ngạt. Chẳng lẽ anh yêu nàng? Tuy nhiên, anh vẫn ngồi nghiêm, giữ khoảng cách... an toàn với nàng, dù trong lòng muốn nổi loạn.

Em vẫn thỉnh thoảng đọc truyện ngắn của anh trên các báo - Nàng lại nói sau một khoảng im lặng dài.

Đọc làm gì - anh lắc đầu, vẻ chán nản. Từ lâu rồi anh không hài lòng với những gì mình viết. Càng lớn tuổi, cái nhìn cuộc đời của anh hình như càng u ám, buồn bã hơn. Những trải nghiệm tiêu cực khiến anh nhìn đâu cũng chỉ thấy lọc lừa, dối trá, thoái hóa, biến chất. Anh đã thử đổi mới mình, viết về những điều tốt đẹp, những tâm hồn tinh khôi chưa vẩn bụi trần. Nhưng anh bất lực.

Khi anh trở vào, Nguyễn - bạn cùng phòng của anh đang cúi đầu bên chiếc laptop. Anh ta làm thơ. Nguyễn quay lại, nhìn anh đầy hàm ý:

- Anh vừa nói chuyện với cô Trâm à?

- Ờ.

Hình như cô ta đi trại lần này là lần đầu. Lạ hoắc.

- Ờ. Cô ta ở tỉnh. Một cây bút triển vọng đấy.

- Em thấy cô nàng cảm phục anh ra mặt. Anh sướng thật. Lúc nào cũng được phụ nữ ái mộ.

Nguyễn nói rồi lại cúi đầu vào laptop. Hẳn tảng lờ chuyện mấy ngày nay, hẳn vẫn tìm cách "thả dè" khi mẹ con nàng dạo chơi trên bãi biển. Nhưng con cá khôn ngoan luôn tránh né cái mũi câu đầy hiểm họa. Nguyễn cũng chẳng mấy buồn lòng. Đời hẳn quen lượn lờ quanh những phụ nữ độc thân nhiều tiền và khát tình. Các bà các cô loại này vô khối và họ luôn sẵn sàng chỉ tiến, tình cho những bài thơ bóng bẩy và vẻ lãng tử của hắn. Nguyễn có hai thằng con trai sống với cô vợ đã ly dị nhưng hẳn chẳng ngờ ngàng gì đến con, mặc cho vợ tự xoay xở.

Hai ngày tiếp theo, anh cảm thấy khoan khoái vì Nguyễn đến thăm nhà bà con, ở lại không về. Thằng nhỏ của nàng được hai nhà văn nữ đứng tuổi dẫn đi ăn kem. Sau bữa chiều, anh rủ nàng đi dạo. Áo thun ngắn tay, quần ngắn đầy những túi và dây thể thao khiến anh thấy mình trẻ ra. Nàng quần jean xắn vải nấc, chân trần, tay xách lủng lẳng đôi dép quai hậu. Em thích cảm giác cát ướt lả vào xạo dưới chân. Nàng nói. Họ đi sát mép nước, vừa đi, vừa nhìn xuống cát để tìm những con ốc biển xinh đẹp. Nàng kể cho anh nghe về công việc của nàng. Một nhân viên cạo giấy mần cán, với mức lương đủ đi đám cưới hàng tháng và mua cho con vài hộp sữa. Nàng yêu văn chương và để sống được, nàng viết. Người ta thừa nhận nàng giỏi chuyên môn nhưng vẫn nhìn nàng như nhìn một ả chấp mạch. Đồng nghiệp nữ cười nhạo nàng lèng èng, chẳng bao giờ dám bỏ tiền mua một cái váy đẹp hay thời son môi đắt tiền. Nhưng họ lảng đi khi nghe nàng nói, mỗi tháng nàng tốn tiền triệu mua sách báo. Khi nàng nhận được những tờ giấy báo lãnh nhuận bút thì họ nhìn nàng một cách ghen tỵ. Rõ ràng là không phải ai cũng viết được văn như nàng.

Năm nào em cũng là chiến sĩ thi đua. Nhưng thật ra, em rất lè loi, đơn độc trong cơ quan. Anh ạ. Em không có người đồng cảm, chia sẻ. Nàng nói, giọng trầm trầm. Anh an ủi nàng, rằng cô đơn là mệnh số của người cầm bút. Anh hiểu nỗi cô đơn của nàng như hiểu chính sự cô đơn của anh.

Anh lấy vợ ở tuổi hai sáu. Một cuộc hôn nhân sắp đặt. Bảy giờ, sau gần ba chục năm chung sống, tỉnh vô tâm, đơn giản của vợ vẫn vậy. Đặt lưng xuống giường là tít thò lỏ. Đêm đêm anh cầm cùi viết, vợ vẫn ngáy vô tư, chẳng nghĩ đến việc pha một ly sữa hay cà phê nóng để động viên chồng. Không đồng cảm, nhưng cũng chẳng có bất hòa gì trầm trọng. Vợ vẫn chợ búa, nấu nướng, giặt giũ mỗi ngày. Hai cô con gái ngoan ngoãn và yêu bố. Sự đơn điệu, nhàm tẻ như được lập trình sẵn của cuộc sống vợ chồng không đủ để giữ lửa trong trái tim người đàn ông. Ở một trại viết, hồi lâu rồi, anh liêu liếm chơi trò úm với một cây bút nữ, chủ yếu để... đỡ nhàm tẻ. Rồi như con



Minh họa của NGUYỄN KHÁNH TOÀN

CẨM THẠCH

Người Việt
trên Biển Hồ

Những trẻ con người Việt trên Biển Hồ Xiêm Riệp
Biết chèo thuyền da chấy màu than
Những người mẹ đông con
Da đen giòn màu nắng

Những cụ già trong túp thuyền thăm lặng
Chưa một lần về thăm quê
Tựa vào con sông vô về
Ru cuộc đời lam lũ...

Anh mắt
Trên biển Hồ Xiêm Riệp
Làm ngực tôi đau
Họ như cánh Lục Bình trôi, trôi mãi.

Nhịp cầu Chôm Lôm

(Vé vụ đầm đò 7-10-2006, 19 học sinh bị chết đuối
ở Con Cuông – Nghệ An)

Mưa giăng lối nhỏ em về
Quanh co lưng đèo dốc núi
Nước ngập con suối
Đổ tràn bờ sông cuốn trôi con đò

Những ngày qua
Ai đặt trái núi lên ngực
Mẹ ngóng con cả dòng sông thức
Nỗi đau Chôm Lôm!

Con chưa về giấc ngủ chưa yên
Mười chín chỗ ngồi còn đó
Đất trời nức nở
Những ai chưa về?

Giờ rừng ôn lạnh đèn khuya
Khói hương bay nổi cách chia đôi bờ
Nhịp cầu đã nổi ước mơ
Thương đau về một con đò, còn nguyên!

NGUYỄN THỊ KIM THU

Ngõ là...

Ngõ là trời đã quang mưa
Bồng đầu sấm chớp ban trưa mịt mù...

Ngõ là nước đọng ao tù
Ai dè trong trẻo giọt thu giữa đời

Ngõ là giếng gió tôi bồi
Cấu vổng rặng rờ, chân trời nắng lên

Ngõ là êm ấm bốn bên
Giữa Đông lạnh giá, dưới trên gió lửa...

Ngõ là được, hòa ra thua
Nhà cao cửa rộng hóa chùa đang tu!

Ngõ là heo may mùa thu
Hay đầu gió bắc ù ù kéo sang

Ngõ là sớm, hòa muộn màng
Ngõ là vội, hòa lại càng thanh thoi!

Ngõ là đi, ngõ là đi!
Đời còn đâu bề
mặt tôi
ngõ là...

Có hết nỗi buồn?

Bóng bẽnh một ánh mắt ai
Nhìn ta trong nắng ban mai đầu ngày
Lặng thầm vẫn một vòng tay
Nường ta ngạt thở vội ngày cách xa
Ru say một bản tình ca
Ngán lên dịu ngọt thiết tha trong hồn
Một ngày chia một nụ hôn
Đắm say
còn hết
nỗi buồn nhân gian?

TRẦN THỊ NƯƠNG

Cháy lặng im

Xử lạ
non ngơ ngác đất trời
Cây và đất. Lá và hoa. Ong và mật
Hương không lời...
buộc ta giữa chơi vơi.

Xử lạ
Cổ xưa đời đá
Triệu triệu năm
Cựa núi chào đời.
Đá ngủ quên
không biết mình kết ngọc...
Không biết mình hóa đá... Xa phía.

Xử lạ
Cỏ dòng sông phát sáng
Cỏ loài hoa tàn...
mời bắt đầu thắm.
Có một tình yêu bất diệt
hút mật trời vào đá
Cháy lặng im...

Sen

Vừa thấp sáng bùng
ngày cũ
Tình tế hương,
lộc nắng vàng tươi
Lung linh đáy nước
hồng muôn thủa
Ngưng thắm
hồn vĩa đất trời.

Vội trốn đầu
khoảng trống không lời
Xe sắt thu
hao gầy hổ cũ
Lam lũ bùn
nuôi sen tình tứ
Giữ riêng mình
vị đắng trong tâm...

Đông qua
còn lại tiếng sâm cầm
Ngó sen cũ
ngồi gương mặt nước
Mỗi cánh nhỏ
mỗi con thuyền tình khiết
Ngát trong đời
sen ngát cả trong thơ.

vật quen lối cũ, anh trở về ngôi nhà của mình, tiếp tục gặm nhấm niềm vui, nỗi buồn vụn vặt của đời sống công chức tỉnh lẻ. Anh chạy trốn câu hỏi thình thoảng lại nhói lên, rằng anh có hạnh phúc không? Nhưng hạnh phúc là hai từ thiêng liêng mà trừu tượng và hầu như không có thực. Thế là anh lại an tâm với những gì số phận đã an bài.

Thật ra, hồi hai mươi, anh đã say đắm một cô bạn gái. Giữa đám sinh viên nữ nội trú, trông cô chín mộng như trái táo với đôi má hồng, cặp mắt trong veo. Thi thoảng anh mang cho cô vài đoá hoa hoặc đôi khi là ổ bánh mì nóng hổi. Cô bao giờ cũng đón anh một cách nhiệt thành. Khi truyện ngắn đầu tiên của anh được đăng báo, cô mừng rỡ. Cậu viết rất hay. Minh tin chắc sau này cậu sẽ là một nhà văn tên tuổi. Cô nắm chặt tay anh, mắt sáng ngời vì vui sướng. Anh cảm thấy ngập tràn tình yêu và sự biết ơn đối với cô. Nhưng anh quá nhút nhát nên cứ khất lần câu nói quyết định để chuyển giai đoạn cho quan hệ giữa hai người. Và khi anh đủ can đảm thì cũng là lúc cô rẽ sang lối khác.

Họ nói đủ thứ chuyện và chỉ quay về khi nhận ra, trời tối từ lúc nào. Gió càng lúc càng lạnh. Bầu trời li nhợt sáng. Vắng trăng mờng mảnh nhợt nhạt trôi lững lờ giữa những bùm mây. Trăng soi đường cho những kẻ đi chơi trẻ đấy. Anh nói một cách khôi hài. Họ đi sát vào nhau như để san sẻ hơi ấm. Thật hạnh phúc vào lúc này, khi không phải lo nghĩ điều gì và cảm nhận rất rõ hương vị mặn mà của biển, ánh sáng xa xôi mờ ảo của những con tàu ngoài khơi, về ẩm ướt của bờ cát dài hun hút. Nét mặt đầm chiêu và như siêu thoát của nàng làm tim anh chợt nhói. Nàng thật cô đơn, gán gù và thân thương. Anh nghĩ mình có thể lang thang cùng nàng suốt đêm nhưng đột nhiên anh dừng lại, đưa tay ôm lấy nàng. Toàn thân nàng run rẩy. Không rõ vì lạnh hay vì xúc cảm. Nàng úp mặt vào ngực anh và nghe rõ nhịp tim anh đập gấp gáp. Nhưng anh chưa kịp đặt nụ hôn lên má nàng thì

nàng đã đẩy anh ra.

Về tới phòng, anh pha trà nóng, ngồi uống một mình rồi đi nằm, gác tay lên trán, nghĩ ngợi. Tiếng sóng biển ào ào gieo vào lòng anh nỗi buồn man mác và sự tiếc nuối. Anh mơ màng nghĩ, ước gì mình được sống ở thành phố biển thơ mộng này thật lâu, bên cạnh... nàng. Nhưng lập tức, anh thấy hiện hiện nụ cười có chiếc răng cửa bị sứt một miếng ngộ nghĩnh, ánh mắt nàng như đang nhìn anh giễu cợt. Anh thở dài, xoay người úp mặt vào gối, chạy trốn những ý nghĩ bột phát của mình.

Sáng hôm sau, mặt mũi nhợt nhạt, râu ria tua tủa, anh dậy sớm, một mình ra biển. Không gian lênh loãng sương mù. Mặt biển phẳng lặng, tít ngoài xa, trời và biển giao nhau một màu xám sáng. Những cánh bướm giống như cánh bướm khổng lồ đứng bất động nơi chân trời. Anh cảm nhận mùa thu đang đến gần qua hơi lạnh của gió biển. Đêm qua, anh ngủ chập chờn, không sâu giấc. Anh luôn nghĩ đến nàng và tự cười nhạo mình vì những ý nghĩ viển vông. Tuy nhiên, nó làm anh cảm thấy rạo rức.

Buổi chiều, nàng chủ động qua phòng anh chơi. Thành bé nhảy tưng lên vì được "qua nhà bác Sáu" ăn kẹo. Nhưng nàng chỉ cho nó ăn hai chiếc vì sợ sâu răng. Anh nhận ra thành nhỏ không giống mẹ. Chắc nó giống ba. Anh cảm thấy ganh tỵ với người đàn ông vắng mặt.

Ngồi đối diện với nàng bên bàn nước, tim anh đập mạnh. Cảm xúc tối qua như còn nóng hổi trong anh. Nhưng cuộc trò chuyện vừa bắt đầu thì bị ngắt ngang phủ phàng vì cú điện thoại di động. Nàng đứng bật dậy, xin lỗi anh rồi chạy ra góc hành lang để nghe. Thành nhỏ dợm chạy theo mẹ nhưng anh đã kịp ôm lấy nó. Nào. Bé con ở đây với bác. Nó ngoan ngoan sà vào lòng anh.

Ba con ở nhà hả? Anh hỏi nó cho có chuyện. Thành bé ngúng nguẩy. Con không có ba. Chỉ có bà ngoại và cậu Ba, cậu Tư. Anh giật nảy người. Không có ba?

Vậy ba con đâu? Con không biết.

Ra vậy. Cô ấy li hôn? Hay là... Anh thoáng nghĩ và lắc đầu để xua đi những giả thiết. Nàng còn trẻ thế. Lẽ nào...

Phát hiện mới về nàng khiến anh bất an. Trông nàng thật thanh sạch, trong trẻo. Nhưng biết đâu, đó chỉ là vỏ ngoài.

Nàng đã trở lại bàn nước. Thành nhỏ leo tót lên lòng mẹ, đưa tay nghịch mái tóc dài của nàng. Anh chợt nhận ra, sắc mặt nàng đã thay đổi. Trông nàng buồn và như hơi lo lắng.

Mai em phải xin phép về trước, anh ạ - Nàng nói, giọng chùng xuống. Thủ trưởng của em không cho em ở hết trại. Công việc ở nhà nhiều lắm. Anh đừng trách em nha. Người ta cho em đi mấy ngày thế này là tốt lắm rồi.

Từ lúc đó, anh không còn làm được gì, nghĩ được gì ngoài ý nghĩ anh sắp mất nàng. Đêm đến, đèn bên phòng nàng sáng rất lâu khiến anh bồn chồn. Mãi mới thấy nàng hé cửa bước ra và anh chỉ chờ có thể, vội vàng đến bên nàng.

Họ cùng ngồi xuống chiếc ghế đá quen thuộc. Anh lần tìm bàn tay nàng, xiết chặt. Bàn tay nóng ấm với những vết chai cứng (nàng bảo đó là vì nàng làm lụng nhiều) khiến anh bối rối. Cả anh và nàng đều nhận thấy bất cứ lời lẽ nào cũng không thể diễn tả nổi ý nghĩa của giây phút trọng đại trước cuộc chia tay. Họ lặng im, cảm nhận hơi ấm từ thân thể, nghe rõ tiếng thở và nhịp tim hồi hả của nhau. Rồi như không thể ghim giữ nổi cảm xúc, nàng quay lại, áp mặt vào vai anh thổn thức. Em xin lỗi. Những ngày qua, em cảm thấy thật vui, vì có người hiểu và chia sẻ với mình. Cảm ơn anh.

Anh sẽ rất nhớ em. Và cả thành cu con nữa - anh nói, như nói với chính mình. Sự thật, lòng anh đang xao xuyến, bất chấp cả ý muốn của anh. Đau buồn vì ý nghĩ sẽ xa nàng mãi mãi, anh hiểu rằng mình bất lực, không thể thay đổi điều gì trong cuộc đời.

Em còn trẻ, hạnh phúc còn ở phía trước.

Em ạ - anh vuốt ve vai nàng, tóc nàng. Anh hôn lên cặp môi hơi khô của nàng và tự nhủ, nếu nàng ở lại thêm vài ngày nữa, có trời biết anh sẽ thế nào. Thật lạ là nụ hôn không thổi bùng ham muốn của anh, chỉ mang lại cảm giác dịu dàng tràn ngập. Vài giây rồi nàng luống cuống ngồi thẳng lên và nhìn anh bằng cặp mắt ướt đẫm.

Hạnh phúc ư? Có thể em đã đánh mất nó rồi cũng nên. Vì thành nhỏ. Nhưng em không ân hận.

Anh bàng hoàng và liến đó thấy nhẹ nhõm vì mối hoài nghi được giải tỏa khi nàng nói, thành bé không phải con ruột nàng. Trong một lần đến thăm bệnh viện nhi, nàng đã thấy nó. Thành bé nằm lọt thỏm trong chiếc giường nôi, gương mặt nhỏ xíu thiêm thiếp, hơi thở khô khè. Cô y tá bảo nó là con một cô gái lỡ lằm. Cô ta mang con đến đây vì thành bé bị viêm phổi nặng nhưng sau đó không thấy tới đón nó nữa. Thành bé thức dậy, nhìn nàng và... mếu. Nàng đưa tay ra, nó liến nắm chặt tay nàng như vũ vào sự sống. Và thế là bất chấp những lời can ngăn của gia đình, bạn bè, nàng nhất quyết xin bệnh viện cho nàng mang nó về.

Có hai người thích em. Nhưng họ đều yêu cầu em phải đưa thành bé vào có nhi viện. Ốc chưa mang nổi mình ốc mà còn đòi mang cọc cho rêu. Ai cũng bảo em khùng. Nhưng anh thấy đấy, em vẫn nuôi con em ngon lành. Em sẽ không bao giờ xa nó. Thành bé rất đáng yêu. Đúng không anh? Nàng khẽ nói.

Vì mẹ nó cũng đáng yêu. Anh gần như thì thào. Xiết nhẹ nàng vào lòng, anh lại hôn lên mắt nàng, tóc nàng, môi nàng, giọng anh rung lên vì xúc cảm - Những ngày qua, anh cảm thấy như mình trẻ lại. Cảm ơn em. Cảm ơn mùa thu...

Mùa thu là mùa của chia ly... anh ạ - Nàng họa theo.

- Nhưng mùa thu lại cho ta gặp nhau...

Nàng lại áp khuôn mặt nóng bừng vào vai anh...■

NGƯỜI THỜ CHỮ THÁNH HIỀN

ĐỨC HẬU

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh sinh ngày 2 tháng 5 năm 1948 tại làng Động Trung, xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Từng là chuyên gia giảng dạy ngữ văn Việt Nam cho cán bộ trung - cao cấp tại Cam puchia; nguyên trưởng bộ môn khoa Hán Nôm trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; nguyên tỉnh uỷ viên, giám đốc sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Thái Bình. Tác phẩm chính: Nhận diện Văn hóa làng, Hương ước Thái Bình, Kể chuyện Lê Quý Đôn, Lễ hội Thái Bình... Ông được trao 4 giải thưởng của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam cho các công trình nghiên cứu văn hóa, và một số giải thưởng khác.



Nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh

NĂM 2004, viện Âm nhạc Việt Nam tổ chức một cuộc hội thảo về ca trù tại Hà Nội. Đây là một trong những hoạt động để lập hồ sơ để nghị UNESCO công nhận ca trù Việt Nam là di sản văn hoá thế giới. Nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh lúc đó là giám đốc sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Thái Bình được mời đọc tham luận về ca trù Thái Bình. Giờ giải lao, giáo sư Trần Văn Khê đi xe lăn đến gặp Nguyễn Thanh và nói:

- Người Việt ở Paris nói với tôi rằng trước kia ở đến Đống Xâm, Thái Bình có tục chầu chũr, tức là mời các đào nương giỏi nhất về hát chầu Thánh những ngày lễ hội. Tham luận của anh chưa thấy đề cập tục này.

Nguyễn Thanh thành thật trả lời:

- Thưa giáo sư, quả thật tôi chưa được biết chuyện ấy.

- Tục này rất hay. Anh thử tìm hiểu xem thế nào, giáo sư nói.

Về Thái Bình, Nguyễn Thanh xuống Đống Xâm ngay. Các cụ cao tuổi chỉ còn nhớ khi còn bé có đi xem hát nhà tơ, nhưng không biết gì hơn. Các nghệ nhân ca trù trong vùng cũng không còn ai. Đi về nhiều lần, tìm trong các thư tịch cổ nhiều nguồn cũng không có manh mối gì. Là người nghiên cứu chuyên nghiệp, sự kiên trì là phẩm chất tự nhiên mà lần này Nguyễn Thanh cũng thấy thất vọng. Nhưng nhớ lại cuộc gặp giáo sư Trần Văn Khê, anh không thể bỏ cuộc. Một hôm về Đống Xâm, ông thủ nhang của đền nói "Nghe bác bác đang tìm hiểu đến đức Thánh, có cái này bác xem thế nào. Tôi thì mù tịt". Ông đưa cho Nguyễn Thanh một cuốn sách cũ đầy bụi. Cầm lên phủi bụi và đọc lướt, Nguyễn Thanh mừng như được vàng. Cuốn sách viết tay rất đẹp, cả chữ Hán và chữ Nôm gồm 140 trang, nhiều chữ Nôm cổ rất khó đọc, 14 trang đầu đã rách nát, những chữ còn lại cho thấy đây là phần thần tích Triệu Uy Đà và hoàng hậu Trình Thị. Phần còn lại là 93 bài văn tế, văn khấn các loại. Đặc biệt, trong đó có 8 bài ca trù cực kỳ cổ. Các bài ca có thể tổ sư văn, tế bà Trình Thị, quê gốc ở Đống Xâm, là vợ Triệu Đà. Suốt ngày hôm ấy Nguyễn Thanh ngồi tại đền đọc một mạch xong cuốn sách. Sau đó anh ký nhận cuốn sách mà anh coi như báu vật.

Năm 2006, viện Âm nhạc tổ chức hội thảo quốc tế về ca trù lần cuối để hoàn

tất hồ sơ xét công nhận di sản văn hoá thế giới. Hàng trăm nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế đã được nghe tham luận đọc thảo của nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh. Anh đã dịch các bài ca cổ nhất và đưa cả bản gốc để giới thiệu trước hội thảo cùng với bản tham luận của mình. Để chuẩn bị tham luận 4 trang cho cuộc hội thảo ấy, anh đã phải nhiều ngày tháng tìm tòi, dịch thuật, tra cứu để đưa ra những luận cứ khoa học và những tư liệu có sức thuyết phục. Vì thế, trong giới nghiên cứu văn hoá và lịch sử của đất nước, người ta biết đến Nguyễn Thanh là một nhà nghiên cứu văn hoá nghiêm cần và uyên thâm.

Hàng chục công trình nghiên cứu, sưu tầm của Nguyễn Thanh đã xuất bản, được giải thưởng đều thực hiện công phu và nghiêm túc như vậy. Đọc kỹ các công trình của Nguyễn Thanh, tôi luôn được truyền thêm cảm hứng cho tình yêu quê hương, đất nước. Là bạn bè chơi với nhau từ thuở hàn vi, mỗi lần được Nguyễn Thanh tặng sách mới, tôi luôn tự hỏi một con người gầy gò, nhiều bệnh tật, hoàn cảnh gia đình luôn túng bấn như anh, mà anh lấy đâu ra sức lực và thời gian để làm được nhiều việc như vậy. Thế hệ chúng tôi sinh ra, rồi lớn lên trong chiến tranh và đói nghèo, nhưng lại nhiều hoài bão và dường như không ai toan tính cho riêng mình. Tháng 3-1967, đang học lớp 9, Nguyễn Thanh xung phong đi bộ đội. Sau 3 tháng luyện tập, gầy bé quá phải ra quân, về học tiếp lớp 10. Năm 1968, cuối khoá, anh được chỉ bộ trưởng cấp III Vũ Tiến kết nạp đảng, khi đó chỉ bộ có 3 đảng viên là giáo viên của trường. Đó là trường hợp vào đảng đặc biệt và hiếm hoi. Là học sinh ưu tú, nhà lại có hai anh đi bộ đội, nhưng anh quyết định đi bộ đội lần nữa. Thái Bình cũng như các nơi khác trên miền Bắc đang chìm trong khói lửa bom đạn giặc, phải dồn hết sức người, sức của chi viện cho chiến trường. Nguyễn Thanh hoà vào lớp lớp trai làng lên đường ra mặt trận trong không khí hào hùng ấy. Sau khoá huấn luyện và học lái xe, Nguyễn Thanh cùng đơn vị sang Bằng Tường, Trung Quốc nhận xe tải

chạy thẳng vào tuyến lửa Quảng Bình, Quảng Trị. Trong vùng chiến sự nóng bỏng đất trộn với bom đạn, luôn cận kề cái chết, Nguyễn Thanh dành từng phút thời gian hiếm hoi viết cho báo Quân đội Nhân dân hàng loạt bài về những điển hình chiến đấu, sản xuất của quân và dân trên tuyến lửa. Một đêm trong hầm nghe đất rung chuyển vì bom Mĩ, Nguyễn Thanh viết một bức thư cho thầy giáo cũ gửi qua báo Quân đội Nhân dân. Ba ngày sau bức thư được báo đăng gây xúc động trong dư luận, nó toát lên tình yêu nước, kính thầy và ý chí của một thế hệ thanh niên khát khao học tập nhưng sẵn sàng xếp bút nghiên đi cứu Nước. Năm 1970, anh được mời ra Hà Nội họp và được báo cấp giấy chứng nhận thông tin viên. Năm 1972, đang ở Quảng Bình, Nguyễn Thanh bị đau và sốt kéo dài. Các thầy thuốc ở trạm quân y chẩn đoán anh bị viêm ruột thừa. Ca mổ phải thực hiện trong hầm phòng không, dưới ánh đèn măng xống. Mổ xong vẫn đau vẫn sốt liên miên. Nhìn ánh mắt các bác sĩ, Nguyễn Thanh nghĩ mình chắc chết. Anh cũng nghe được những trao đổi thì thảo là anh khó qua khỏi. Chính cái giấy chứng nhận thông tin viên của báo Quân đội Nhân dân đã cứu sống anh. Ai đó đã tìm thấy nó trong ba lô của anh, và anh được coi là trường hợp đặc biệt phải chuyển gấp về tuyến sau qua hơn năm trăm cây số đường bị bom đạn cây cối và máy bay giặc oanh tạc ngày đêm. Thì ra là anh bị dính ruột sau mổ. Các thầy thuốc ở hậu phương đã mổ lại, cắt một đoạn ruột non. Sau thời gian an dưỡng, anh phải ra quân vì không đủ sức khoẻ.

Năm 1974, Nguyễn Thanh vào khoa dự bị của trường đại học Tổng hợp Hà Nội và thi đại học đỗ cao, đủ điểm đi nước ngoài, nhưng anh quyết định không đi, xin học khoa Hán Nôm của trường. Năm 1979 tốt nghiệp, anh được giữ lại giảng dạy tại trường. Lúc này hoàn cảnh gia đình cực kỳ khó khăn, nghèo túng. Vợ anh làm hợp tác xã nông nghiệp, một mình nuôi hai con, bản thân anh cũng sống bằng tem phiếu và đồng lương giảng viên ít ỏi. Năm 1984 anh xung

phong tham gia đoàn chuyên gia đi Campuchia, dạy ngữ văn tiếng Việt cho cán bộ trung cao của chính quyền mới còn non trẻ của nước bạn. Anh ra đi không phải vì lý do gì to tát, mà chỉ vì được hưởng lương cao hơn để lo cho vợ con. Tuy nhiên, anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế được đoàn chuyên gia giao phó. Trở về nước năm 1986, anh được đề bạt làm chủ nhiệm bộ môn Hán Nôm của trường đại học Tổng Hợp Hà Nội. Đây có thể xem là một cơ hội lớn cho anh trên con đường học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Thời kỳ này đất nước chìm trong cơn khủng hoảng kinh tế chưa từng có, lạm phát lên tới ba con số. Đồng lương còm của một giảng viên đại học không cứu nổi gia đình trong cảnh đói nghèo thực sự. Vợ anh một natch nuôi ba con nhỏ, quá neo đơn trong bản hàn. Đúng dịp ấy, sở Văn hoá Thái Bình đặt vấn đề xin anh về tỉnh. Qua bao lần trở, anh quyết định phải về quê để cứu giúp vợ con. Một quyết định đầy day dứt sau những đêm không ngủ. Giáo sư Trần Quốc Vương, người thầy mà anh yêu quý rất tiếc và lo cho anh. Ông nói "bao năm anh đi lính, rồi dạy học ở nước bạn, rồi về giảng dạy đại học ở thủ đô, đã quen với cuộc đời rộng lớn. Về quê, anh khó chấp nhận và hoà đồng được ngay với lối sống tỉnh nhỏ. Người ta cũng khó chấp nhận anh. Người ta thì đông, mà anh chỉ có một mình. Sợ là sẽ khó sống...". Nguyễn Thanh hỏi: "Em học Hán Nôm mà về làm văn hoá, thầy khuyên em nên làm gì?". Giáo sư nói: "Văn hoá châu thổ Bắc bộ, Thái Bình là trung tâm, đang như khu rừng nguyên sinh chưa nhiều người khai phá. Anh hãy tìm một lối đi cho riêng mình, hợp với sở trường của mình. Có thể rồi anh sẽ có một sự nghiệp ở chính mảnh đất quê hương anh". Cuối năm 1987 Nguyễn Thanh nhận quyết định về làm trưởng phòng nghiên cứu sở văn hoá Thái Bình. Sửa sang nhà cửa, thu xếp ổn định cuộc sống với vợ con sau bao năm xa cách, anh bắt đầu công việc mới của một công chức tỉnh nhỏ khác xa với giảng đường đại học. Bằng chiếc xe đạp cọc cạch, ngoài những lúc có mặt ở cơ quan, anh miệt mài tìm đến khắp các nẻo đường trong tỉnh để sưu tầm, tích lũy tư liệu. Mấy năm sau đó, anh vay mượn bạn bè và người thân mua được chiếc xe baretta cũ kỹ làm phương tiện hàng ngày từ quê lên cơ quan gần chục cây số. Dù nắng cháy da mùa hạ hay mưa phùn gió bắc cát bụi mùa đông, người ta vẫn thấy bóng dáng gầy gò của anh ở cơ quan đúng giờ làm việc. Anh sống khiêm nhường, lặng lẽ, tránh xa những chuyện thị phi, những giao tiếp ồn ào, những bon chen danh lợi. Ngoài công việc sự vụ, anh tập trung nghiên cứu những tài liệu về lịch sử, văn hoá của địa phương và vùng châu thổ sông Hồng. Càng nghiên cứu sâu, anh càng thấy sự kỳ vĩ của văn hoá dân tộc, là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ, cốt cách, phẩm giá và lối sống của người Việt. Kỳ lạ thay, hàng nghìn năm Bắc thuộc, nước mất nhưng làng không mất, làng vẫn âm thầm lưu giữ hệ giá trị nghìn đời của ông cha, vẫn nuôi giấu những sĩ phu, hào kiệt

dưới chân tre, mái rạ, để rồi họ ra đi đòi lại Nước. Anh đã tìm ra hướng đi cho mình: nhận diện văn hoá làng. Nhưng anh cũng biết để thực hiện đề tài đó cần một khối tư liệu và sức lao động khổng lồ. Với vốn Hán Nôm khá thâm hậu, anh có điều kiện tiếp cận với nhiều tư liệu cổ chưa có nhiều người khai thác. Trong thời gian chuẩn bị cho công trình đang ấp ủ, anh làm xen kẽ được một số đề tài khác. Năm 1988, anh cho in cuốn *Kể chuyện Lê Quý Đôn*, năm 1989 in cuốn *Giai thoại văn chương Thái Bình*. Năm 1994, đang tập trung nước rút cho 3 công trình đang dở, Nguyễn Thanh bị đau bụng dữ dội, bệnh viện tỉnh nghi thủng dạ dày. Nguyễn Thanh đã làm một điều không thể tưởng tượng: một mình đi chiếc xe máy cũ kỹ lên Hà Nội xin nhập viện 103. Khi mổ cắt dạ dày, các bác sĩ phát hiện anh còn bị dính ruột do di chứng những lần mổ trước. Lần này, anh bị cắt mất hai phần ba dạ dày và hai đoạn ruột non nữa. Ra viện, anh chỉ còn cân nặng 36 cân, buộc phải đi điều dưỡng. Cả khi điều dưỡng anh cũng làm việc không ngừng nghỉ. Đây là những năm tháng anh kiên cường chống chọi với đói nghèo và bệnh tật, hai thứ tai ách luôn bám riết cuộc đời anh. Năm 1998, anh cho xuất bản công trình đồ sộ *Nhận diện văn hoá làng*. Năm 2000, anh liên tiếp cho xuất bản hai công trình *Hương ước Thái Bình* và *Lễ hội Thái Bình*. Một sự bùng nổ sáng tạo gây ngạc nhiên trong giới nghiên cứu. Đây là những công trình có giá trị lớn, là công cụ lâu dài cho những người nghiên cứu văn hoá dân tộc. Anh đã lặng lẽ âm thầm làm việc hơn mười năm, với biết bao tháng ngày ăn bánh mì, uống nước lọc, vui mình trong đống tư liệu, bao chuyến lên cục lưu trữ Viện thông tin Khoa học xã hội, Viện Hán Nôm, về nông thôn, sưu tầm, dịch thuật Hương ước và các tài liệu di sản Hán Nôm. Đúng như giáo sư Trần Quốc Vượng hi vọng, anh đã có một sự nghiệp nghiên cứu đáng nể trọng trên chính quê hương mình.

Như các cụ ta nói *hữu xạ tự nhiên hương*, Nguyễn Thanh sống giấu mình, nhưng những cuốn sách đầy công phu tâm huyết của anh đã đưa anh trở thành một trong những tên tuổi hàng đầu của giới nghiên cứu văn hoá dân tộc. Năm 2000, tại đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình, có một người không là đại biểu dự đại hội được bầu vào Tỉnh uỷ. Đó là nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh. Cuộc họp đầu tiên của Ban chấp hành Tỉnh uỷ có một uỷ viên duy nhất đi xe máy đến họp, cũng là Nguyễn Thanh. Một người bạn trong giới quan chức nắm bàn tay khẳng khiu, nhìn dáng vóc còm nhom của Nguyễn Thanh cười nói đùa: "Đại hội mà biết ông xấu trai thế này chắc họ không bầu cho ông đâu!". Nguyễn Thanh chỉ biết cười khi. Đúng là phần đông người ta chỉ biết tiếng chứ chưa biết mặt anh thật. Qua đó mới biết uy tín của anh như thế nào. Hơn nữa, bản lý lịch trích ngang của anh, với việc vào Đảng từ khi đang học cấp ba, từng là trưởng khoa của một trường đại học, đã có sức thuyết phục thật sự. Khi bàn việc bổ nhiệm Nguyễn Thanh làm giám đốc sở Văn hoá, có người nói anh không đủ sức khoẻ, ông bí thư tỉnh uỷ nói ngay: "Không có sức khoẻ sao viết được những cuốn sách hàng nghìn trang?". Là tiến sĩ, ông mới hiểu con đường học thuật gian khổ thế

nào. Từ đây, cuộc đời Nguyễn Thanh bước sang một trang mới. Anh không nghĩ mình sẽ là giám đốc sở, nhưng khi nhận trách nhiệm rồi, anh lập tức tập trung cho công tác tổ chức, quản lý và vạch ra những định hướng của ngành để từng bước thực hiện. Nhiều thập kỷ qua, Thái Bình mới có một giám đốc sở văn hoá đích thực là người của giới chuyên môn được đào tạo cơ bản. Một trong những việc Nguyễn Thanh tập trung tâm huyết là Thái Bình với vương triều Trần. Thái Bình có đền Trần, có lăng mộ Trần Thủ Độ, Trần Thị Dung, có ba ngôi mộ các vua Trần như ba gù đồi nhỏ ở Tam Đường, Hưng Hà nhưng không được quan tâm, tôn tạo, mọi thứ đều xuống cấp nghiêm trọng. Có thời kỳ người dân còn ra đào cát sỏi ở các ngôi mộ về xây nhà mà không biết đó là mộ ai, cũng không ai quản lý. Dư luận và cả trên các phương tiện truyền thông mặc nhiên coi Nam Định là quê hương các vua Trần. Được sự ủng hộ mạnh mẽ của tiến sĩ Bùi Sĩ Tiểu, bí thư tỉnh uỷ, Nguyễn Thanh tổ chức nhiều hội thảo với các nhà sử học, các giáo sư đầu ngành, tổ chức nghiên cứu và xuất bản nhiều tài liệu, tiếp tục xác định một cách khoa học Thái Bình là đất phát tích của Vương triều Trần. Đây không phải là tranh giành ảnh hưởng với tỉnh bạn, mà là trả lại một sự thật lịch sử. Anh tiếp tục lập dự án xây dựng mở rộng đền Trần, tôn tạo lăng mộ thái sư Trần Thủ Độ, Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung, tôn tạo ba ngôi mộ các vua Trần được xác định là của Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông. Khu quần thể đền Trần Thái Bình nay đã được xây dựng hoành tráng và tôn nghiêm, đã nhiều lần được Chủ tịch nước và các vị lãnh đạo Trung ương về dâng hương ngày lễ hội. Không chỉ để lại những công trình nghiên cứu có giá trị lâu bền, trong 8 năm làm giám đốc sở, Nguyễn Thanh đã làm được nhiều việc lớn cho ngành văn hóa Thái Bình.

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Thanh có hậu như trong truyện cổ tích. Giờ đây anh đã nghỉ ngơi trên quê hương, bên cạnh người vợ hiền bao năm cùng anh chia sẻ mọi cay đắng ngọt bùi. Thật ra không có hạnh phúc dễ dàng và cũng không có vinh quang may mắn. Tất cả đều từ việc anh đã sống thế nào. Tuy ở cách xa thành phố hàng chục cây số, nhưng bạn bè trong tỉnh và Hà Nội vẫn thường xuyên về thăm anh. Ba cô con gái đã trưởng thành, đều là cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, vẫn sống theo nếp con nhà Thi Thư, vẫn không quên những tháng năm bần hàn của cha mẹ. Anh sống an nhiên thanh thản, trong bụng đầy chữ nhưng nhà không treo la liệt câu đối, thơ phú như nhiều người không biết chữ Hán mà thích làm sang. Anh cũng không thích cho chữ, không phải ai xin cũng cho. Anh thờ chữ Thánh Hiến trong Tâm. Bạn bè là các giáo sư, tiến sĩ từ Hà Nội vẫn mời anh viết tham luận để tham gia các hội thảo của quốc gia, quốc tế, dịch thuật hoặc làm địa chỉ cho các địa phương. Đi đâu, làm gì xong, anh lại lui về điển viện của mình, sống lặng lẽ thành thói. Thể chất gầy mảnh nhưng tinh thần luôn mạnh mẽ, sức làm việc dẻo dai. Bạn bè ví anh như sợi mây già ẩn nơi góc vườn mà chỉ có con mắt tinh đời mới nhận ra.■

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

ĐẠI HỘI HỘI NHÀ VĂN HẢI PHÒNG NHIỆM KỲ 2013 - 2018

Sáng ngày 8 tháng 10 năm 2013 tại thành phố Hải Phòng, Đại hội toàn thể Hội Nhà văn Hải Phòng nhiệm kỳ 2013 - 2018 đã được tổ chức. Đến dự đại hội có nhà văn Nguyễn Trí Huân, Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập Tạp chí Nhà văn và Tác phẩm; nhà Biên kịch Tô Hoàng Vũ, Chủ tịch Hội LHVH-NT Hải Phòng; Đại diện ban Tuyên giáo Thành ủy; Đại diện Phòng PA83 Công an Thành phố và Chủ tịch các Hội chuyên ngành thuộc Hội LHVHNT Hải Phòng.

Đại hội đã thông qua báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ 2008 - 2013, phương hướng nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ 2013 - 2018, báo cáo kiểm điểm của BCH nhiệm kỳ 2008 - 2013; Bầu BCH mới và bầu đại biểu đi dự Đại hội Hội LHVHNT thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2013 - 2018.... Với tinh thần cởi mở và thẳng thắn, các đại biểu về dự đã đóng góp nhiều ý kiến nhằm xây dựng Hội Nhà văn và Hải Phòng phát triển.

Đại hội đã bầu BCH mới gồm 5 thành viên: nhà văn Đinh Kinh giữ chức Chủ tịch, phụ trách chung; nhà văn Dương Thị Nhựt: Phó Chủ tịch Hội, Chánh văn phòng, phụ trách Chi hội văn xuôi; nhà thơ Minh Trí: Phó Chủ tịch, phụ trách Chi hội Thơ; nhà thơ Nguyễn Đình Minh: ủy viên, phụ trách Khối Ngoại thành và Ban Nhà văn trẻ; nhà thơ Đinh Thường: ủy viên, phụ trách công tác tổ chức và website vanhaiphong.com.

Trước đó, Hội nhà văn Hải Phòng đã tổ chức khai trương website vanhaiphong.com, nhằm mục đích giới thiệu, phản ánh diện mạo văn chương một vùng đất giàu truyền thống văn hóa, đồng thời góp phần giới thiệu những tác giả tiêu biểu trong nước và thế giới.

THƯ VIỆN CẢ NƯỚC TRƯNG BÀY ẤN PHẨM VỀ THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP



Những ngày qua, nhân dân cả nước đã có nhiều hoạt động tưởng nhớ Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Hệ thống thư viện trong cả nước triển khai ngay đợt trưng bày sách, báo, tư liệu về thân thể và sự nghiệp của vị Đại tướng. Trong dịp này, các thư viện tỉnh: Điện Biên, Yên Bái, Thanh Hóa, Quảng Bình, Cao Bằng, Bắc Ninh, Viện Thông tin KHXH, Thư viện Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Vinh, Đại học Nông

nghiệp, Đại học An Giang... đã lần lượt mở phòng trưng bày tư liệu về Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Các phòng trưng bày này cũng là nơi để hàng trăm bạn đọc đến dâng hương hoa tưởng niệm Đại tướng.

Tại Hà Nội, sáng ngày 8 tháng 10, Thư viện Quốc gia đã mở cửa phòng trưng bày tư liệu về Đại tướng Võ Nguyên Giáp với hơn 200 tác phẩm, gồm sách của các tác giả trong và ngoài nước viết về Đại tướng, các công trình khoa học quân sự do Đại tướng viết và chủ biên, hồi ký của các tướng lĩnh và một số tác phẩm văn học tiêu biểu viết về các chiến công vang dội do Đại tướng là Tổng Tư lệnh. Đặc biệt, thư viện đã kịp thời in và giới thiệu 25 bức ảnh tiêu biểu, giới thiệu Đại tướng trong suốt cuộc trường chinh giải phóng đất nước, từ chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 đến Đại thắng mùa Xuân 1975.

Các phòng trưng bày sẽ mở cửa đến hết tháng 10-2013 để phục vụ bạn đọc.

HỘI SÁCH MÙA THU 2013: HƠN 8.000 BẢN SÁCH ĐƯỢC GIỚI THIỆU

Kỷ niệm 59 năm ngày Giải phóng thủ đô (10/10/1954 - 2013) tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Nhà Xuất bản Phụ nữ phối hợp với Nhà Xuất bản Kim Đồng, Nhà Xuất bản Trẻ, Công ty Văn hóa truyền thông Nhã Nam đã tổ chức "Hội sách Mùa thu 2013".

"Hội sách mùa thu năm 2013" giới thiệu hơn 8000 bản sách thuộc các thể loại: Chính trị, Lịch sử, Văn học, Kinh tế, Kiến thức Bách khoa... nhằm phổ biến tri thức, giáo dục kỹ năng sống cho thanh niên, bồi dưỡng các giá trị nhân văn, ý thức vì cộng đồng...

Ban tổ chức hội sách mong muốn Hội sách sẽ tạo ra một sân chơi ý nghĩa, hấp dẫn cho những người yêu sách. Đồng thời là cơ hội để các đơn vị tham gia giới thiệu những cuốn sách mới, sách hay, có giá trị đến với bạn đọc.

Trong khuôn khổ Hội sách còn có những chương trình vui chơi, giải trí và các chương trình khuyến khích đọc sách cho thiếu nhi... đi kèm với những chính sách ưu đãi về giá, khuyến mãi và quà tặng cho khách hàng. Ban tổ chức Hội sách còn tổ chức những chương trình quyền góp tặng sách cho tủ sách Phụ nữ cơ sở và thư viện cộng đồng, tặng thẻ bảo hiểm cho sinh viên nữ có hoàn cảnh khó khăn.

PHONG LAN tổng hợp



IVYmoda

www.ivy.com.vn

HÀ NỘI:

18 Bà Triệu, Hoàn Kiếm	Tel: 043 534 8186
163 Thái Hà, Đống Đa	Tel: 043 514 8312
303 Kim Mã, Ba Đình	Tel: 043 736 3394
98 Tôn Đức Thắng, Đống Đa	Tel: 046 275 7005
248 Cầu Giấy, Dịch Vọng	Tel: 043 859 8589
Tầng 1, The Garden Mall	Tel: 046 672 9749
Tầng 1, 7-9 Nguyễn Văn Linh, Savico Long Biên	Tel: 046 257 8525
91, 95, 21 Cầu Giấy, Phố Hòa Hưng, Cầu Tây 1, TT TM Hoa Lư City	Tel: 046 2500 988
Thanh Xuân, Hà Nội	

HẢI PHÒNG:

11 Lạc Thủy, Ngô Quyền Tel: 021 6 260 089

TP. VINH:

147 Lê Lợi Tel: 036 625 3756

QUẢNG NINH:

35 Kinh Lân Tel: 033 3812185

ĐÀ NẴNG:

136 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê Tel: 0511 851 0333

TP. HỒ CHÍ MINH:

181 Cách Mạng Tháng 8, Q. 3 Tel: 083 832 7779
142 Võ Thị Sáu - Quận 3 Tel: 083 827 5599

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập : KHUẤT QUANG THỤY ● Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trại sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thuybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoalvn@gmail.com; bannghehthuavt@gmail.com

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.